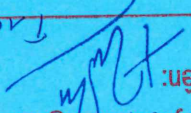




HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ VĂN GIANG – TỈNH HƯNG YÊN

TẬP II.2: BẢN VẼ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG	THẨM TRA
Theo văn bản số: 24/2025/KQTT	
Ngày: 24 tháng 11 năm 2025	
Ký tên:	
Tran Minh Quan	

HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VẠN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ VẠN GIANG – TỈNH HƯNG YÊN

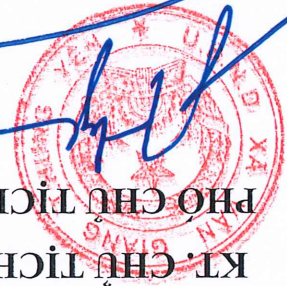
TẬP II.2: BẢN VẼ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
THỊNH PHÁT HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC



THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VĂN TƯỜNG

UBND XÃ VẠN GIANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

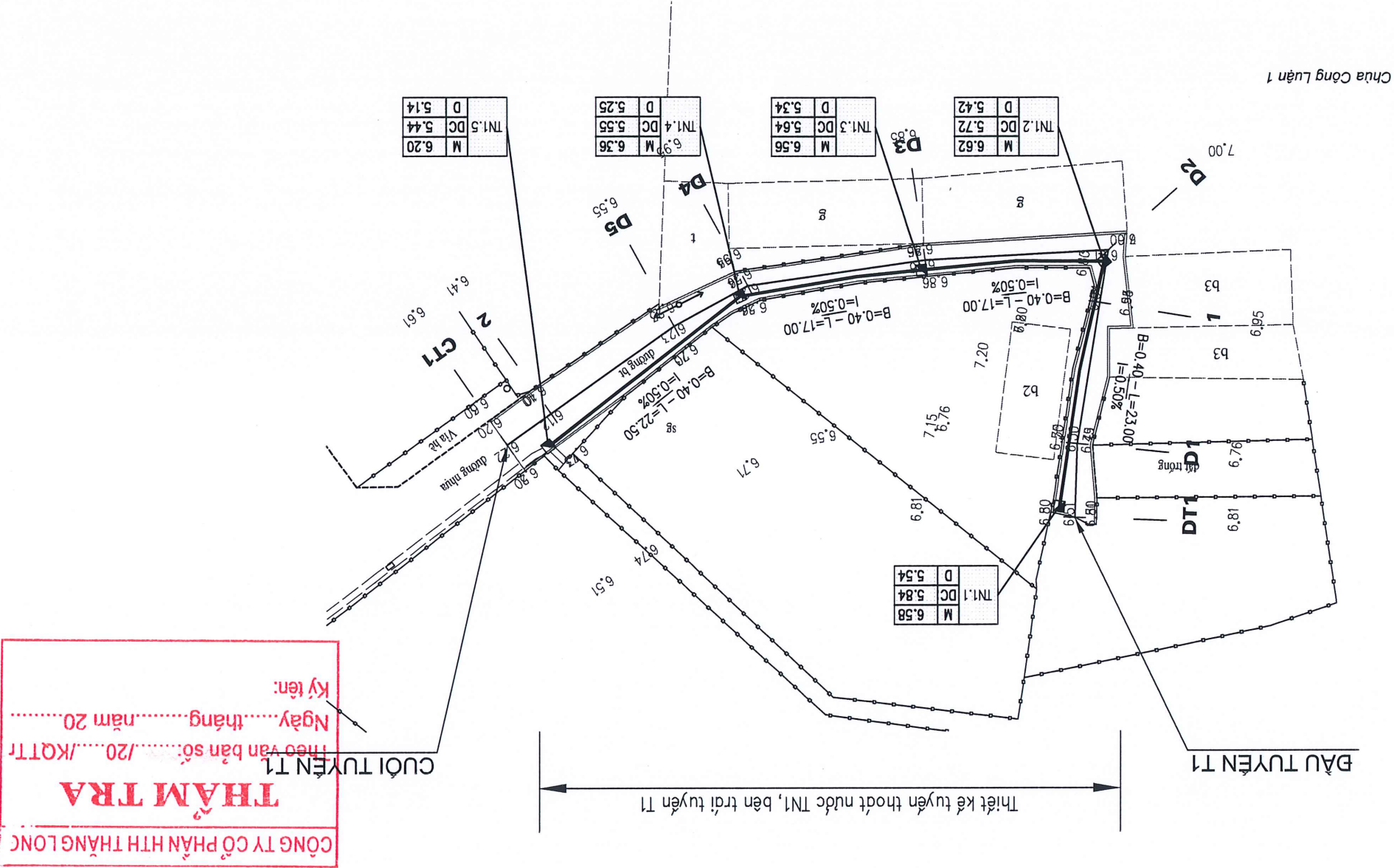


NGUYỄN THANH HIỆP



II. PHẠM THOÁT NƯỚC

		CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THINH PHÁT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA		VU VĂN TƯỜNG	
		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LƯỢN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN			THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH			
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC TUYẾN T1		NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ: 1/500		HÀNG MỤC: TN - 01		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ			NGUYỄN VĂN TUẤN
								CHỦ TRÌ THIẾT KẾ			ĐINH VĂN VIỆT



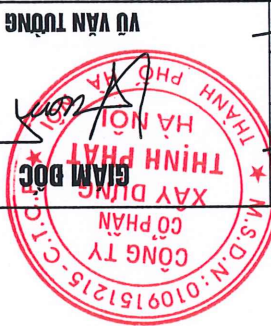


CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

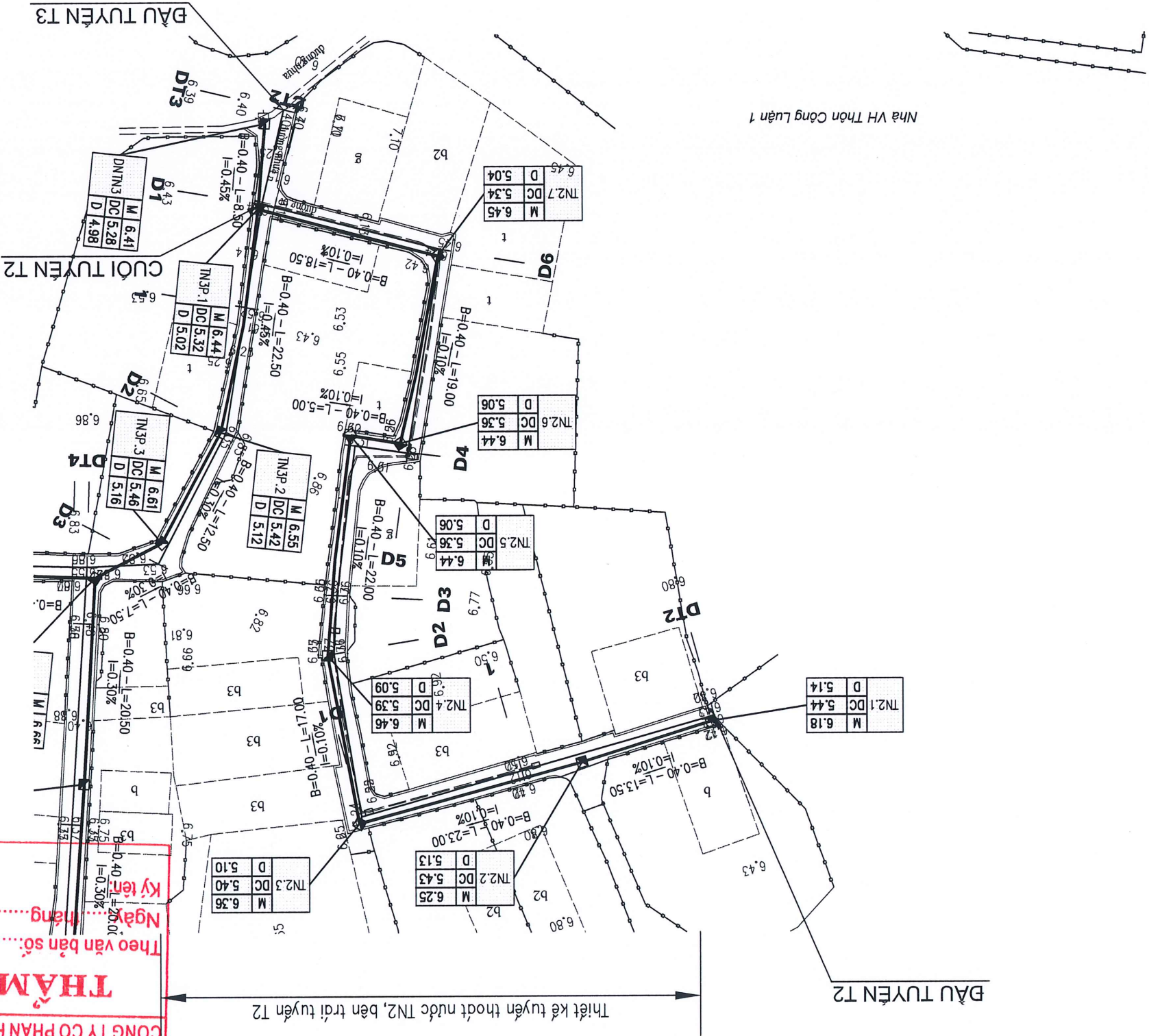
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LƯỢN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
BỊA DIỆM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐÌNH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH

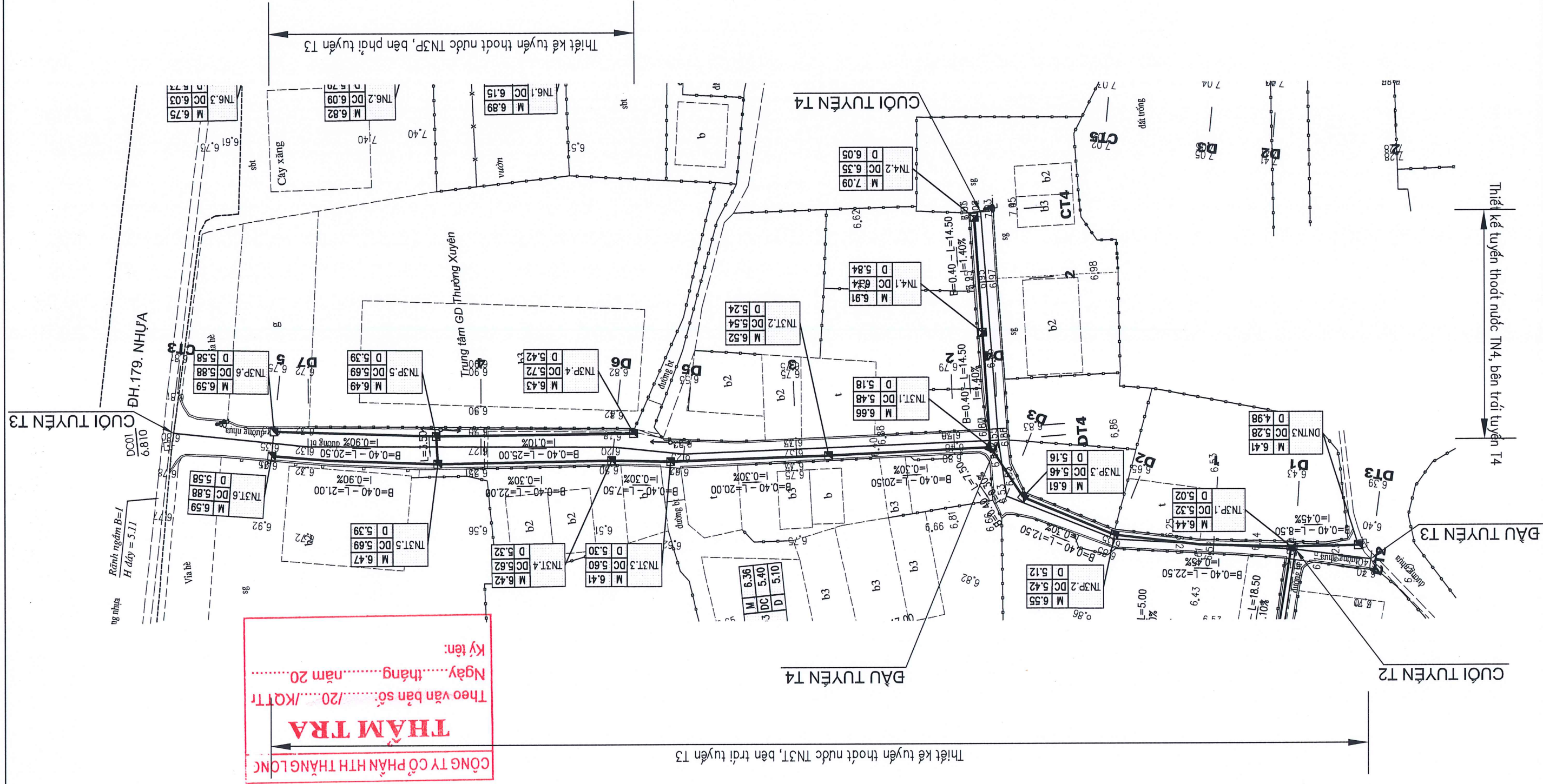


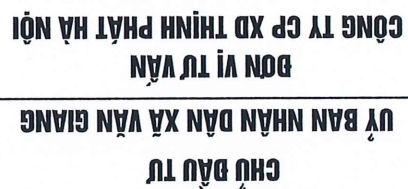
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC TUYẾN T2	NĂM XUẤT BẢN: 2025	HÀNG MỤC:
	TỶ LỆ: 1/500	KÝ HIỆU: TN - 02



CÔNG TY CỔ PHẦN HT THANH LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20...../KQTT
Ngày: tháng năm 20
Ký tên:

		CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THÌNH PHÁT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN	
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN VIẾT	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
VU VĂN TƯỜNG		HÀNG MỤC:	
KỶ HIỆU: TN - 03		NĂM XUẤT BẢN: 2025	
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC TUYẾN T3, T4		TỶ LỆ: 1/500	





CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYẾN 1 THỊ TRẤN VĂN AN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN AN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

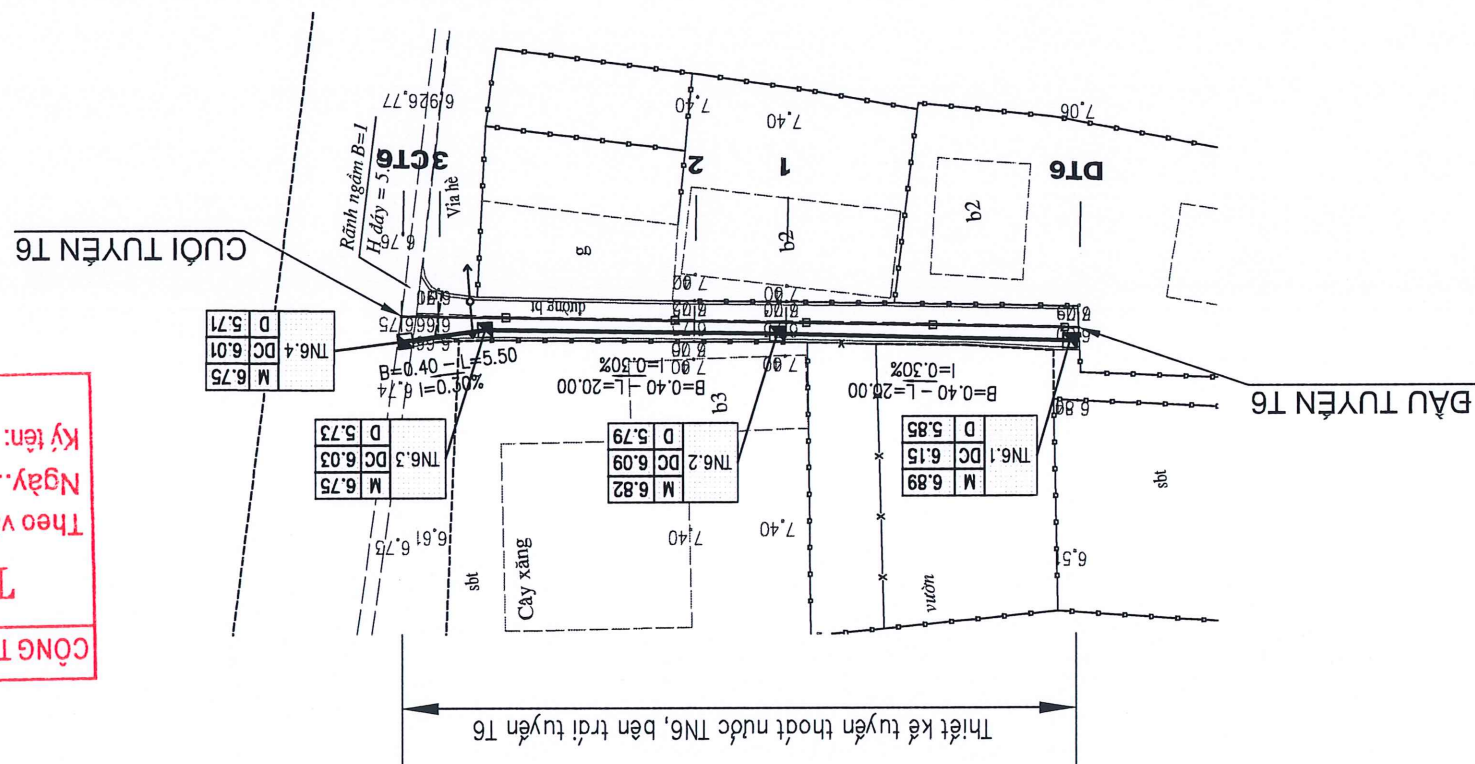
KIỂM TRA	NGUYỄN HỮU THÁNH
THIẾT KẾ	VŨ XUÂN HÒA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN VIỆT
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN



NĂM XUẤT BẢN: 2025

ΚΥ ΗΙΕΥ: TN - 04

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC TUYẾN T6



Ký tên: _____
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Theo văn bản số:...../20...../KQTT
THẨM TRA
 CÔNG TY CỔ PHẦN HTTH THẮNG LONG



CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
BỊA DIỆM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH



MẶT BẰNG TUYẾN THOÁT NƯỚC TN7, TN8	NĂM XUẤT BẢN: 2025	HẠNG MỨC:
	TỶ LỆ: 1/500	KÝ HIỆU: TN - 05





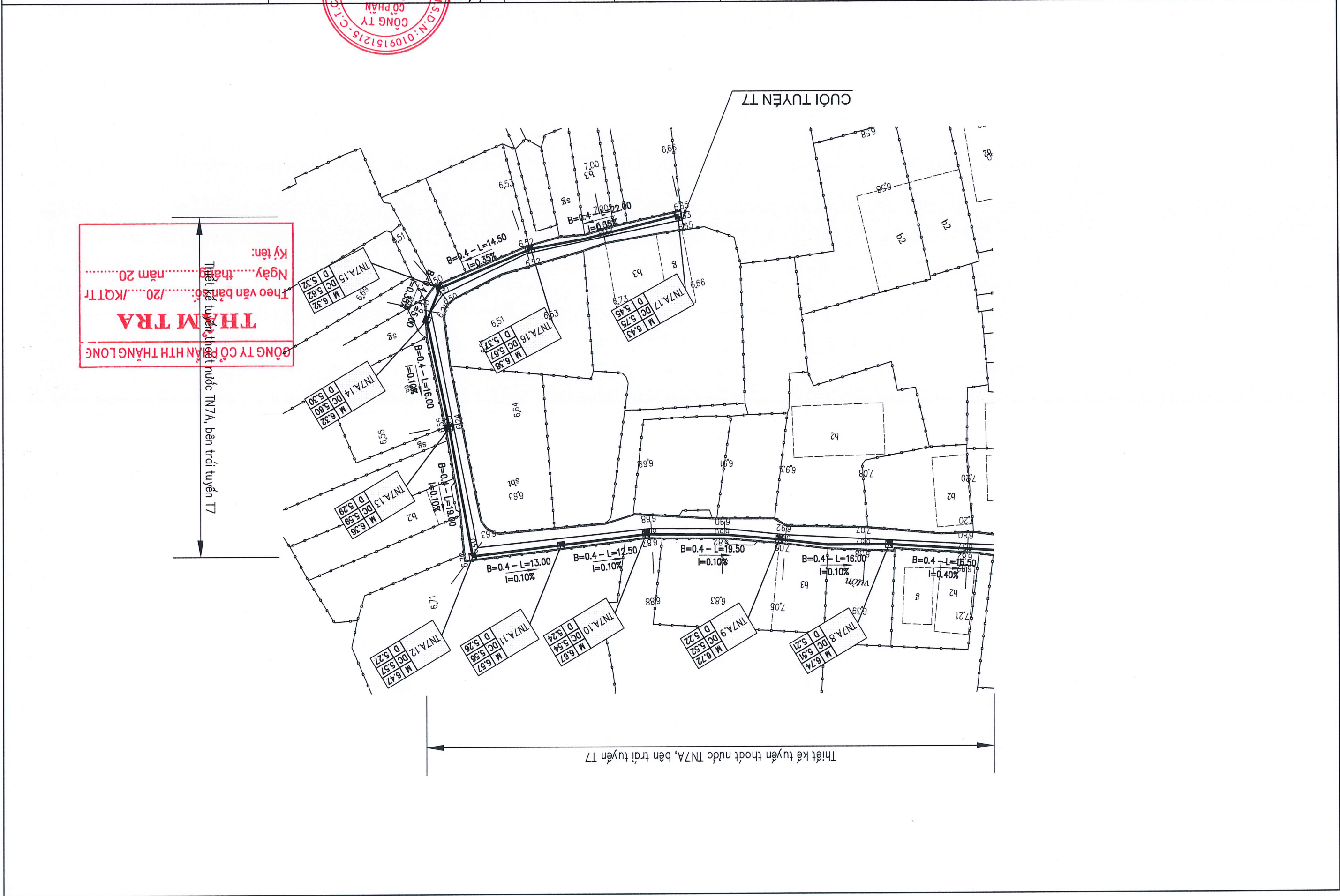
CHỦ ĐẦU TƯ	ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI	

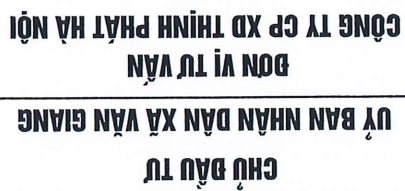
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)	ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		
	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA
	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	VU XUAN HOA		
	NGUYỄN HỮU THÀNH		
	VU		

VU VĂN TƯỜNG	M.S.D.N: 0109151215 - C.T. 01		
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THINH PHAT HÀ NỘI		
	HÀNG MỤC:		

MẶT BẰNG TUYẾN THOÁT NƯỚC TN7, TN8	NĂM XUẤT BẢN: 2025		
	TỶ LỆ: 1/500		
	KÝ HIỆU: TN - 06		

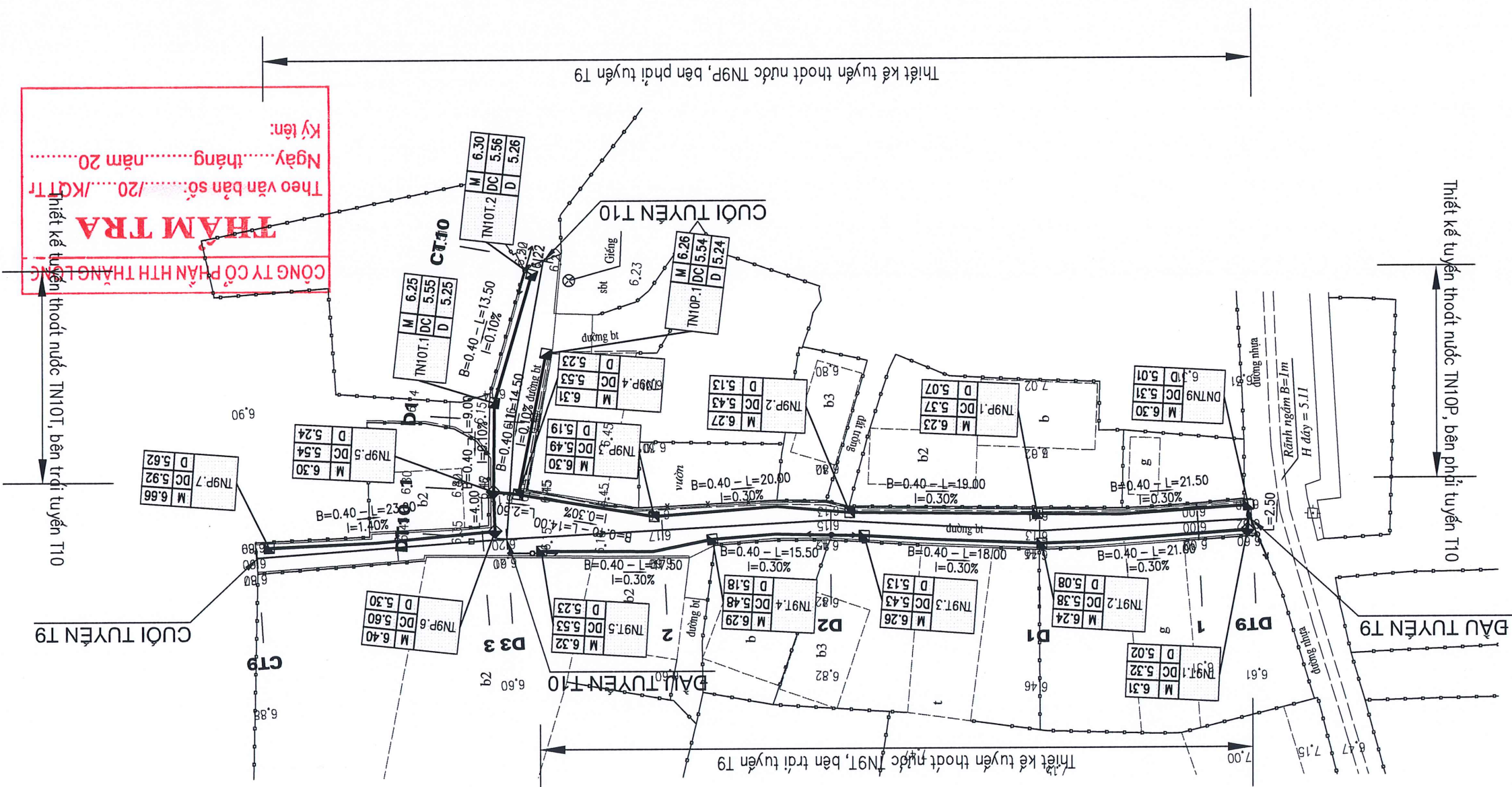


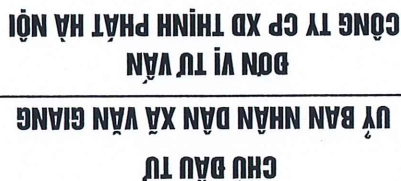


CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CỘNG LƯỢNG 1 THỊ TRẤN VĂN AN (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN AN, HUYỆN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA	

BÌNH DỖ THOÁT NƯỚC TUYẾN T9, T10	
NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ: 1/5000
HÀNG MÚC:	KÝ HIỆU: TN -





CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

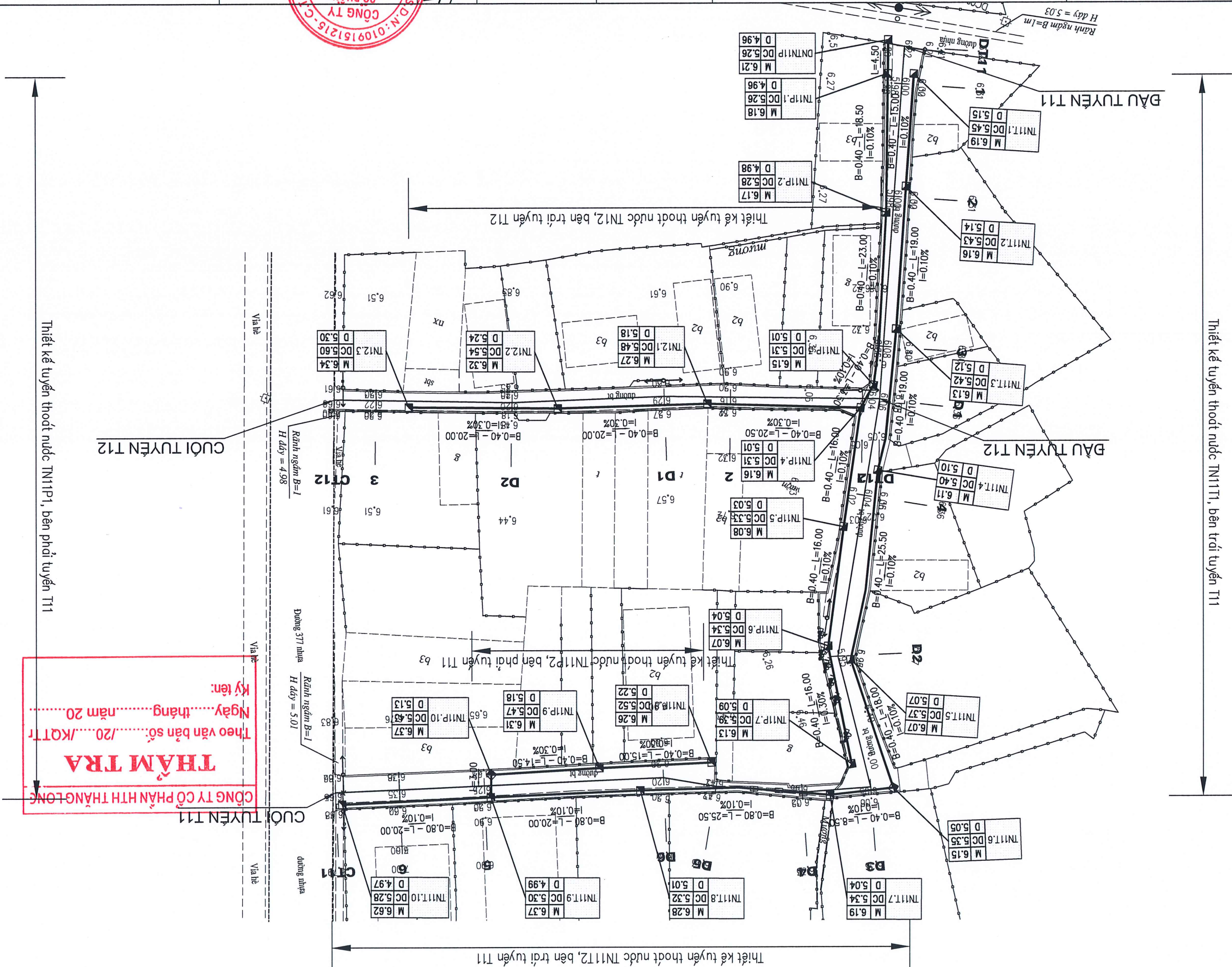
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA

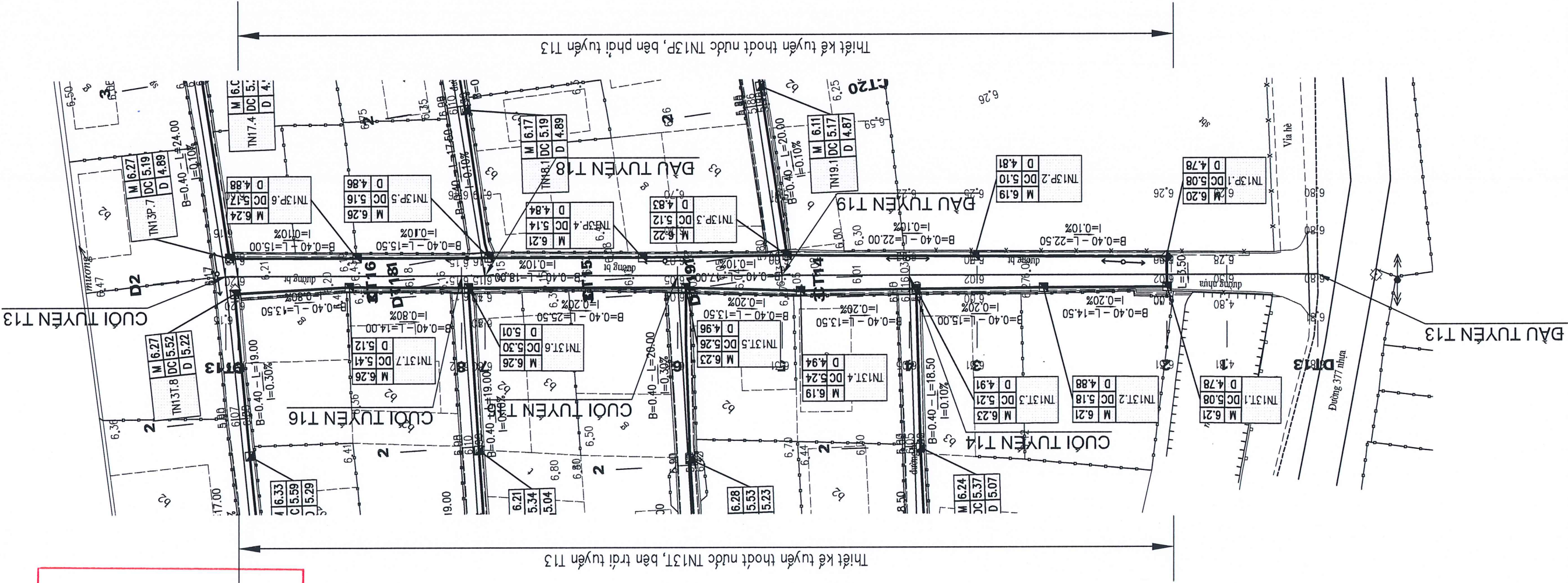
NAM XUẤT BẢN: 2025

TY LE: 1/500
KY HIEU: TN - 08

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC TUYẾN T11, T12



		CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI	
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA THIẾT KẾ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		VU XUAN HOA NGUYEN HUU THANH BINH VAN VIET NGUYEN VAN TUAN		HANG MUC: NAM XUAT BAN: 2025 TY LE: 1/500	
BÌNH BỐ THOÁT NƯỚC TUYẾN T13		KÝ HIỆU: TN - 09			



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20.../KQTT
Ngày...tháng...năm 20...
Ký tên:



CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THỜI CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

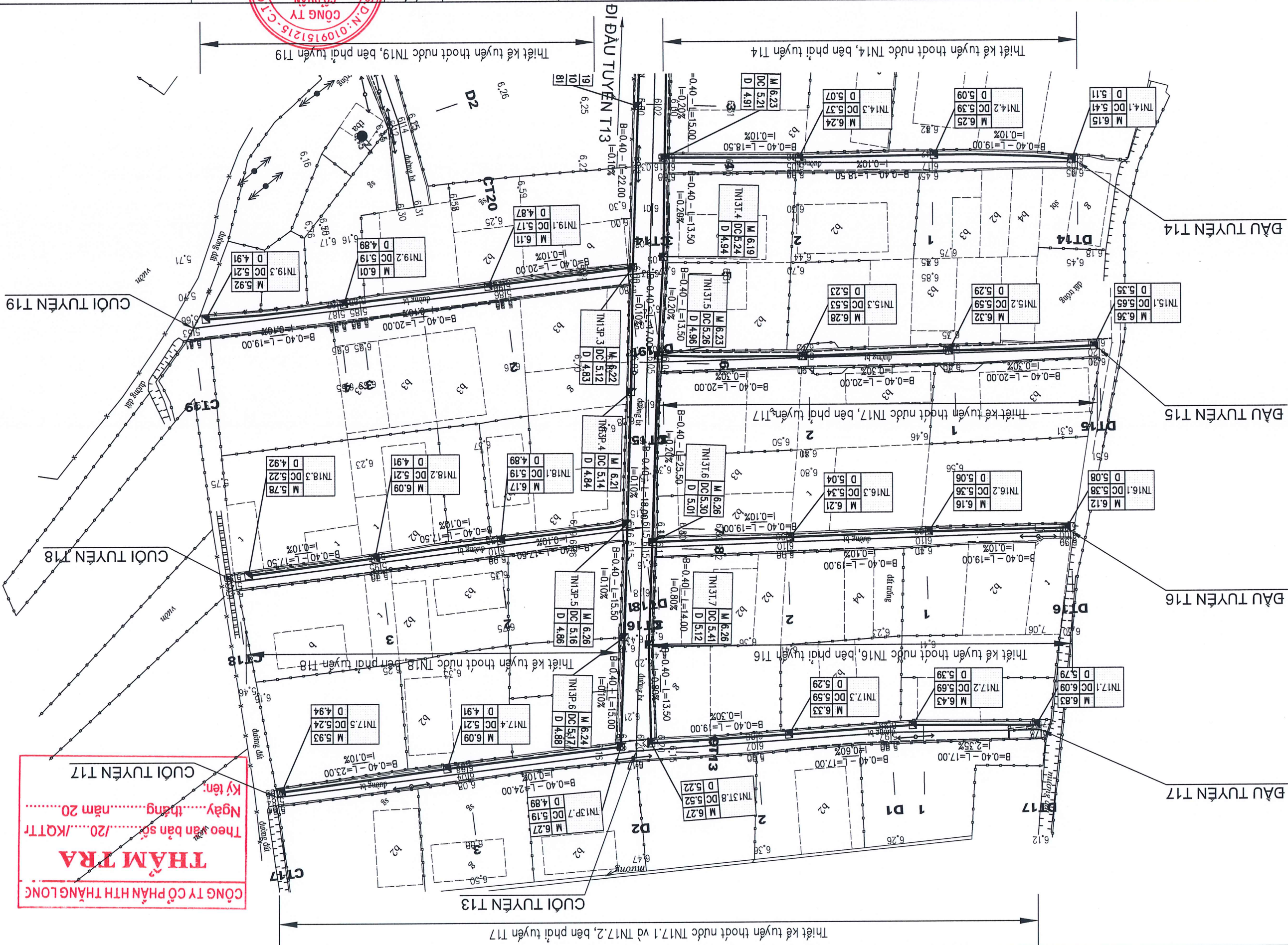
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

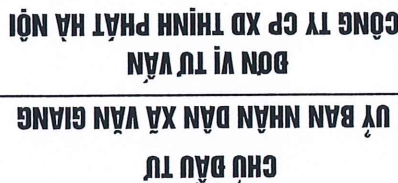
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH



BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC TUYẾN T14, T15, T16, T17, T18, T19	NĂM XUẤT BẢN: 2025	KỶ HIỆU: TN - 10
	TY LỆ: 1/500	HÀNG MỨC:





CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHU NHIỆM THIẾT KẾ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA
--------------------	------------------	----------	----------

NGUYEN VAN TUAN	ĐINH VĂN VIỆT	NGUYỄN HỮU THÀNH	VŨ XUÂN HÒA
-----------------	---------------	------------------	-------------

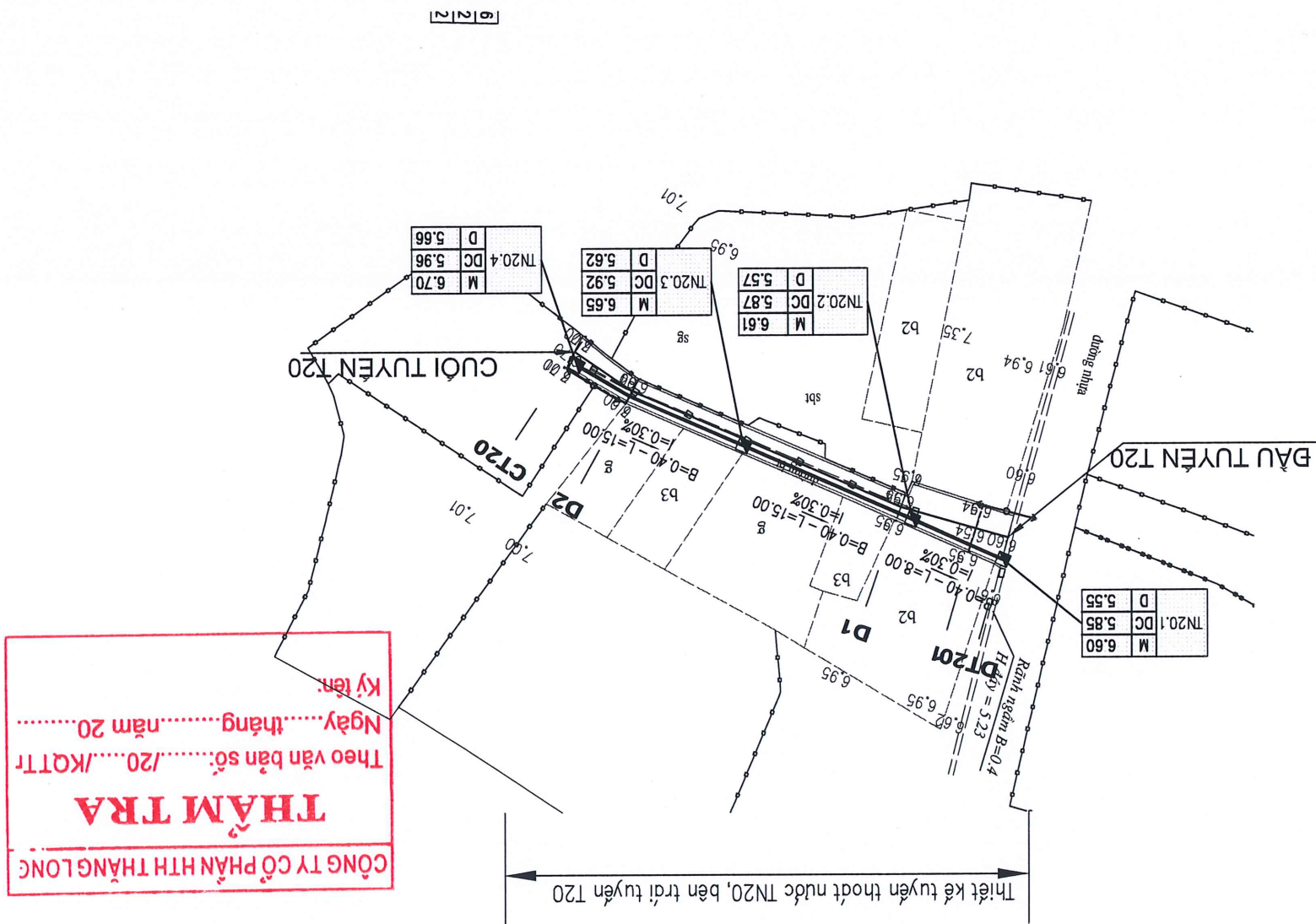
Two
Just
The
the

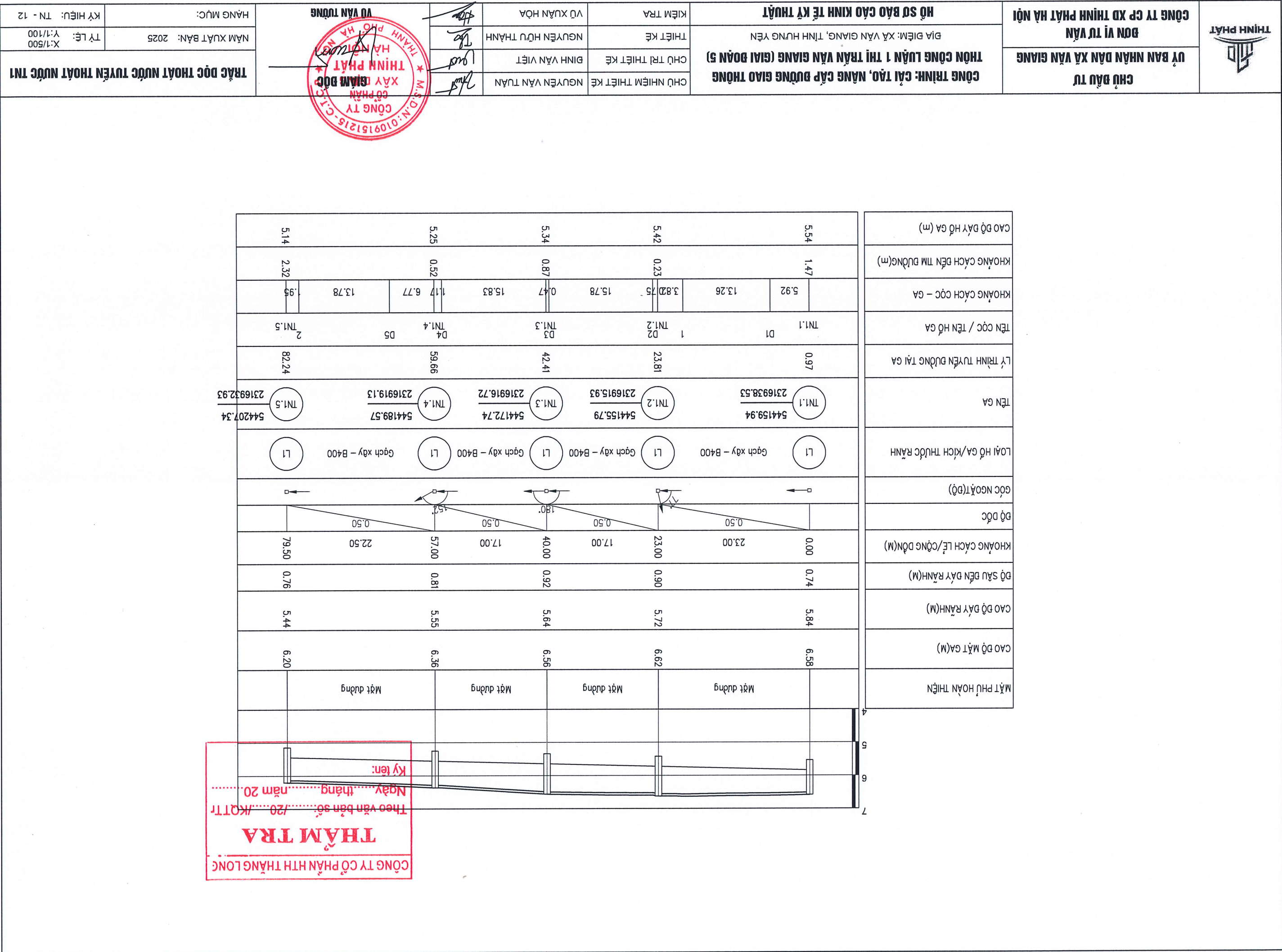


NĂM XUẤT BẢN: 2025

KY HIỆU: TN - 11

BÌNH DỘ THOÁT NƯỚC TUYẾN T20





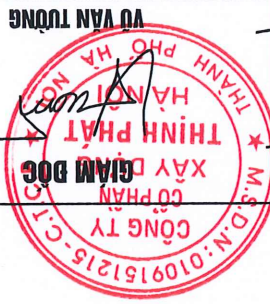


CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

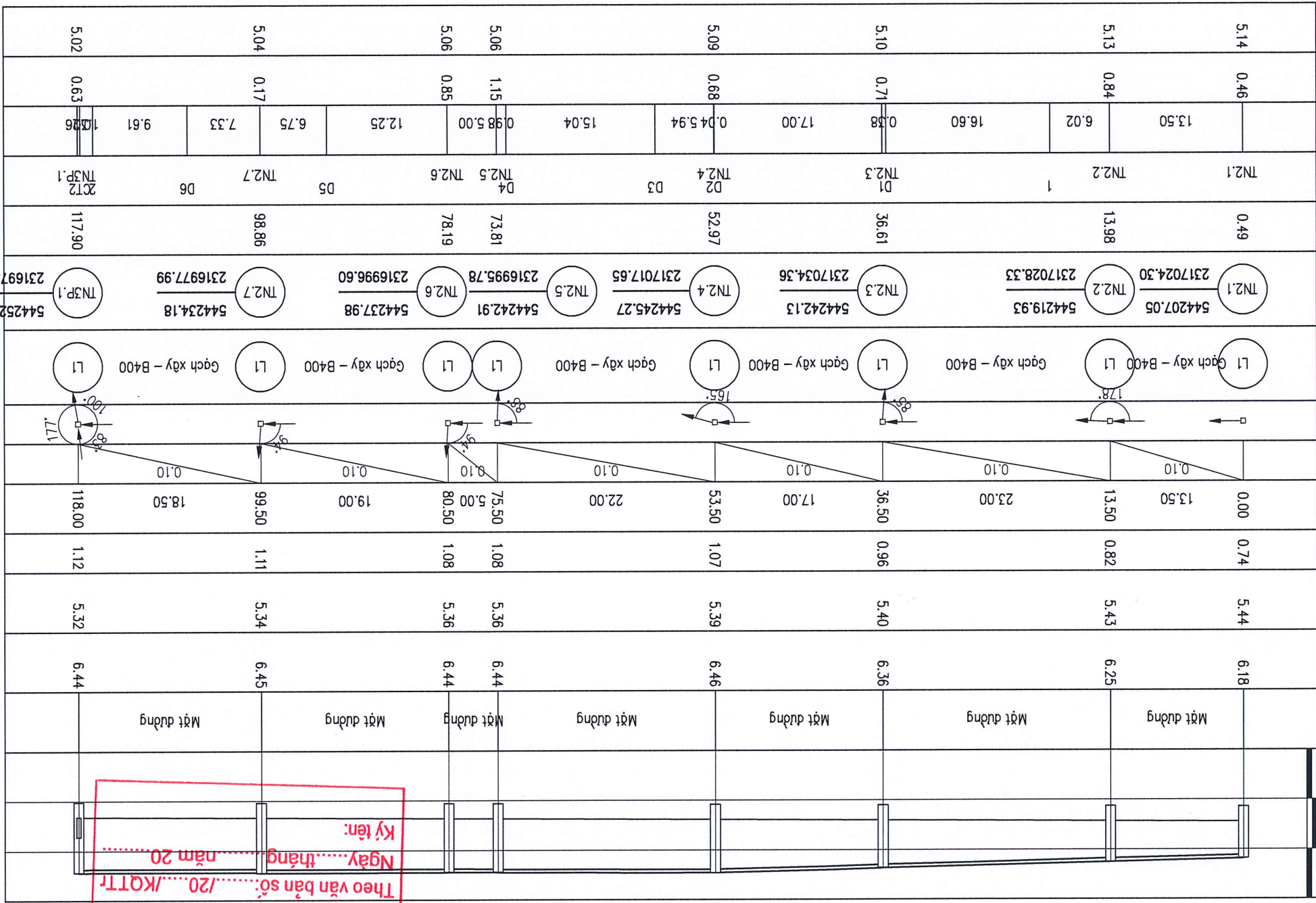
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: ĐÌNH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ: NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA: VŨ XUÂN HÒA

TRẮC ĐỘC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN2
NĂM XUẤT BẢN: 2025
HẠNG MỨC: TN - 13
TỶ LỆ: X:1/500
Y:1/100



MẶT PHỦ HOÀN THIÊN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỐ GA/KÍCH THƯỚC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỌC / TÊN HỐ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC - GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TİM ĐƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỐ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	----------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	------------------------------	----------------------



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THANG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20../KQTT
Ngày: tháng năm 20
Ký tên:

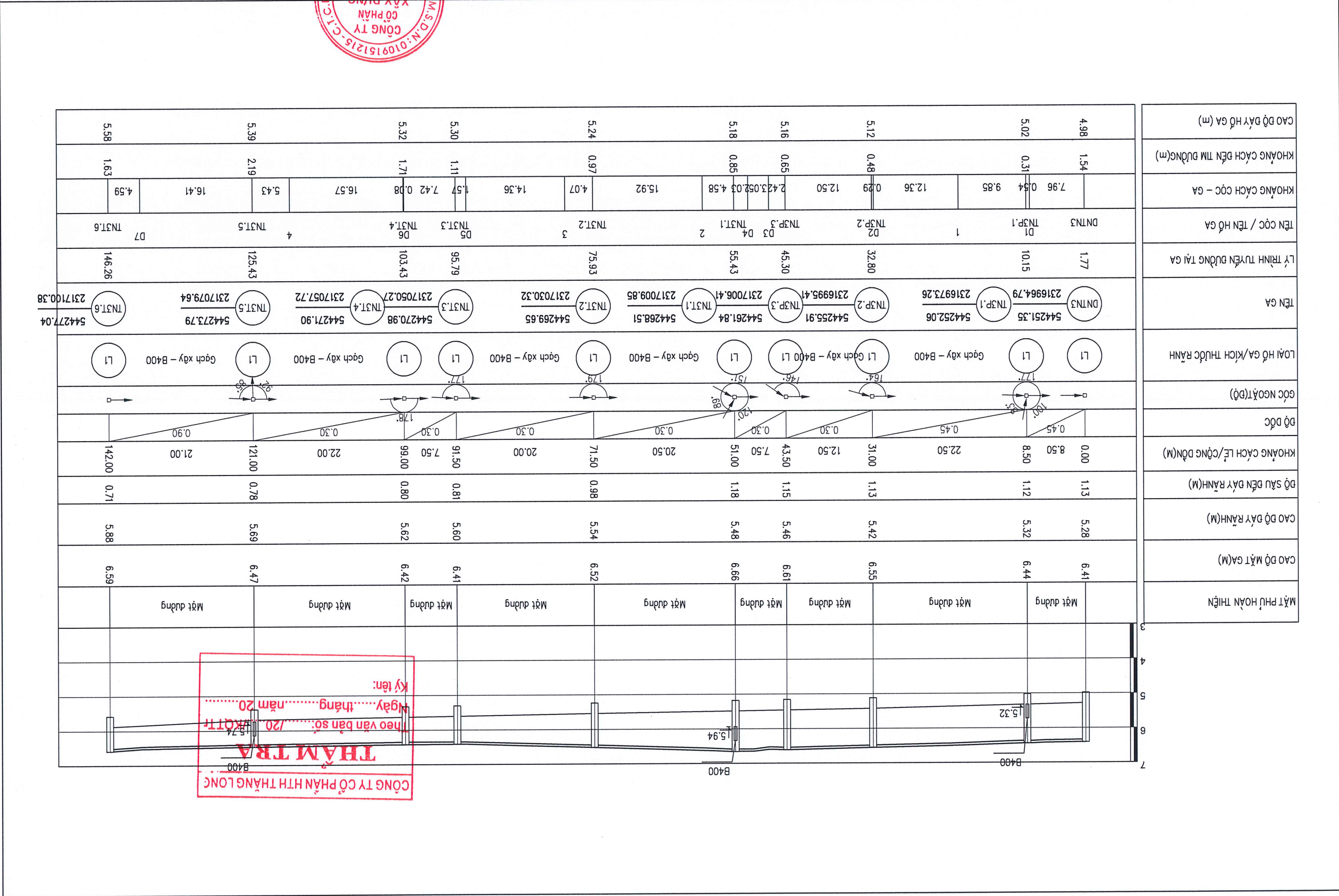


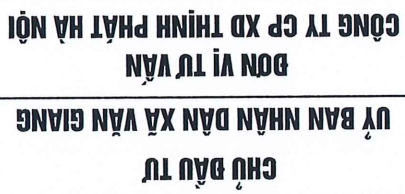
CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LỰAN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐÌNH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA VU XUÂN HÒA

TRẮC ĐỌC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT TN3T
NĂM XUẤT BẢN: 2025
HÀNG MỤC: KÝ HIỆU: TN - 14





CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THỜI GIAN CÔNG VIỆC: 1 THÁNG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA
--------------------	------------------	----------	----------

NGUYỄN VĂN TUYÊN	ĐINH VĂN VIỆT	NGUYỄN HỮU THẠNH	VŨ XUÂN HÒA
------------------	---------------	------------------	-------------

off
off
prob
prob

TRẠC ĐỘC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN3P	
NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100
HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: TN - 15

MẶT PHỤ HOÀN THIÊN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOÀI(TĐỘ)	LOẠI HỖ GA/KÍCH THƯỚC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TÀI GA	TÊN CỐC / TÊN HỖ GA	KHOẢNG CÁCH CỐC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TİM ĐƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỖ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	----------------------------	--------	----------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	------------------------------	----------------------

[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG		THẨM TRA		Theo văn bản số:...../20...../KQTT		Ký tên:
				Ngày.....tháng.....năm 20.....		



CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG

THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA	

TRẠC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN4	NĂM XUẤT BẢN: 2025	HÀNG MỨC:
	TỶ LỆ: Y:1/100	KÝ HIỆU: TN - 16



MẶT PHỤ HOÀN THIỄN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CÔNG ĐỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOÀI(ĐỘ)	LOẠI HỐ GA/KÍCH THUỐC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỌC / TÊN HỐ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN T.M ĐƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỐ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	----------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	------------------------------	----------------------

6.66	5.94	0.72	0.00	14.50	1.40	120°	L1	544268.51	13.68	DT41	0.25	1.35	5.18
6.91	6.14	0.77	14.50	14.50	1.40	180°	L1	544283.00	2	TN4.1	6.32	0.95	5.84
7.09	6.35	0.74	29.00	14.50	1.40	180°	L1	544297.49	28.18	TN4.2	8.18	0.88	6.05

8

7

6

5

4

Mặt đường

Mặt đường

B400

B400

15.48

THẨM TRA

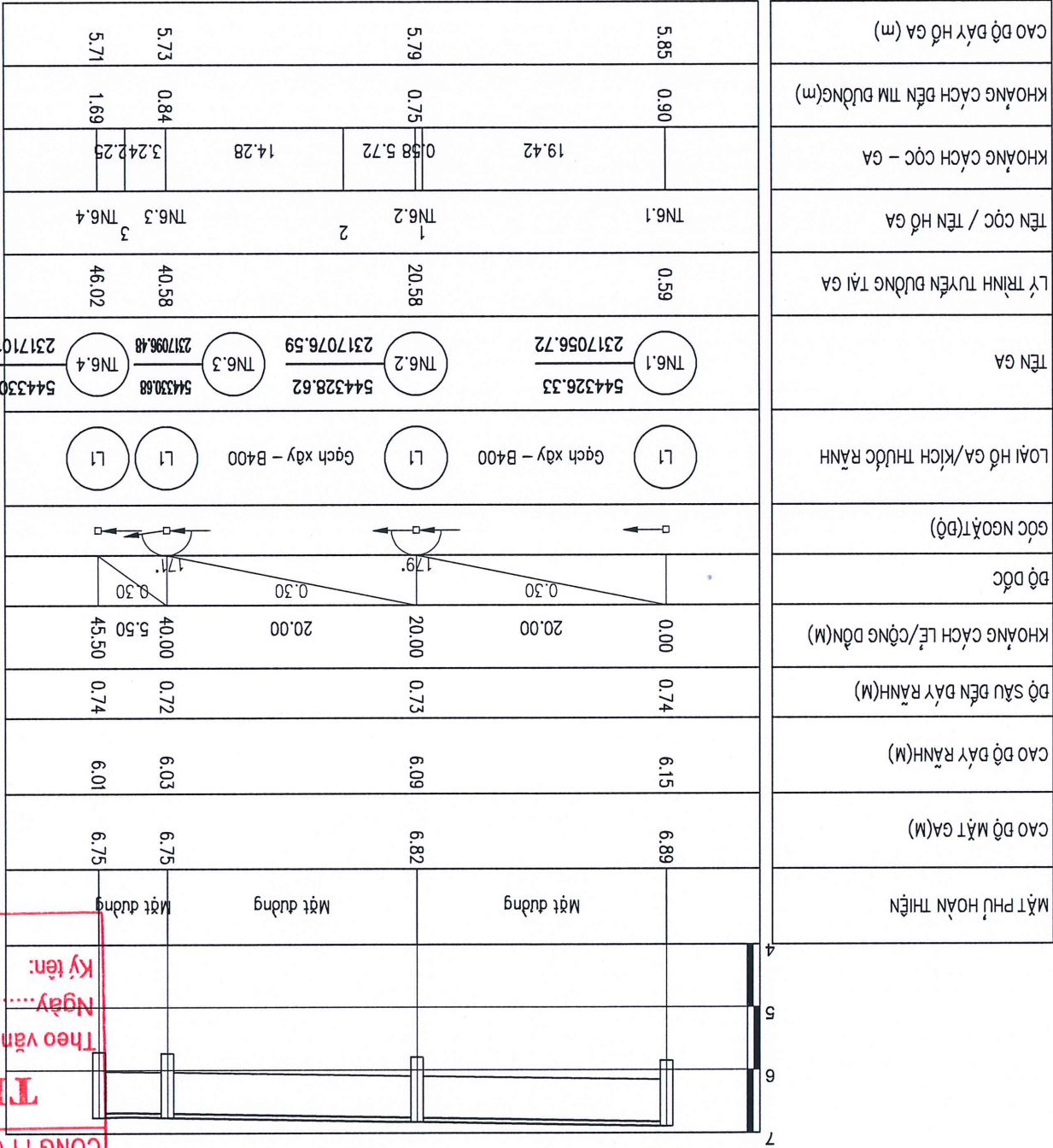
CÔNG TY CỔ PHẦN HT THANH LONG

Theo văn bản số:...../20...../KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

THỊNH PHÁT	CHỦ ĐẦU TƯ		ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG	
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	
	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU THÀNH	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
		VŨ VĂN TƯỜNG		
		HÀNG MỤC:		
		KÝ HIỆU: TN - 17		
TRẠC ĐỘC THOÁT NƯỚC TUYÊN TUYÊN THOÁT NƯỚC TN6		NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100



	CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THÌNH PHÁT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT				KIỂM TRA VU XUAN HOA		
	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LỰAN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN				THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU THÀNH		THIẾT KẾ THIẾT KẾ		THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU THÀNH		
					CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐÌNH VĂN VIỆT		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐÌNH VĂN VIỆT				
TRẮC ĐỘC THOÁT NƯỚC TUYÊN THOÁT NƯỚC TN7A		NĂM XUẤT BẢN: 2025 TỶ LỆ:		HÀNG MỤC: KỶ HIỆU: TN - 18		THÀNH PHỐ HÀ NỘI THÌNH PHÁT GIÁM ĐỐC M.S.D.N.: 0109151215 - C.T. THIẾT KẾ THIẾT KẾ THIẾT KẾ THIẾT KẾ					

MẶT PHỦ HOÀN THIÊN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOÀI(ĐỘ)	LOẠI HỒ GA/KÍCH THUỘC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỐC / TÊN HỒ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC - GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TIM DƯỜNG(m)	CAO ĐỘ DÂY HỒ GA (m)
M	6.24	5.11	1.13	0.00	0.25	13.5	L1 Xây gách - B400	54497.68 TN8.2 2316864.61	2.51	TN8.2	1.88	0.67	4.81
Mặt đường	6.24	5.15	1.09	16.50	0.25	13.5	L1 Xây gách - B400	544513.29 TN7A.2 2316859.27	19.38	D2	6.61	1.61	4.85
Mặt đường	6.28	5.19	1.09	31.00	0.40	17.4	L1 Xây gách - B400	544526.30 TN7A.3 2316852.87	33.88	D3	0.62	1.37	4.89
Mặt đường	6.36	5.25	1.11	46.50	0.40	17.8	L1 Xây gách - B400	544539.41 TN7A.4 2316844.60	49.17	TN7A.4	9.18	1.71	4.95
Mặt đường	6.48	5.32	1.16	62.00	0.40	17.9	L1 Xây gách - B400	544552.18 TN7A.5 2316835.82	64.67	2	4.67	1.55	5.02
Mặt đường	6.58	5.38	1.20	77.50	0.40	17.9	L1 Xây gách - B400	544564.86 TN7A.6 2316826.89	79.70	D4	0.65	1.29	5.08
Mặt đường	6.67	5.44	1.23	94.00	0.40	17.9	L1 Xây gách - B400	544556.78 TN7A.7 2316812.51	95.03	TN7A.7	4.97	0.76	5.14
Mặt đường	6.74	5.51	1.23	110.50	0.10	17.6	L1 Xây gách - B400	544548.42 TN7A.8 2316798.28	111.53	3	11.53	0.63	5.21
Mặt đường	6.72	5.52	1.20	126.50	0.10	17.8	L1 Xây gách - B400	544540.47 TN7A.9 2316784.43	127.46	D5	0.88	0.72	5.22
M	6.67	5.54	1.13	146.00	0.10	17.7	L1 Xây g	544540.47 TN7A.10 2316784.43	147.14	D6	10.61	0.60	5.24
										D7			

THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN PHẤT
Theo văn bản số...../20...../KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:.....



CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

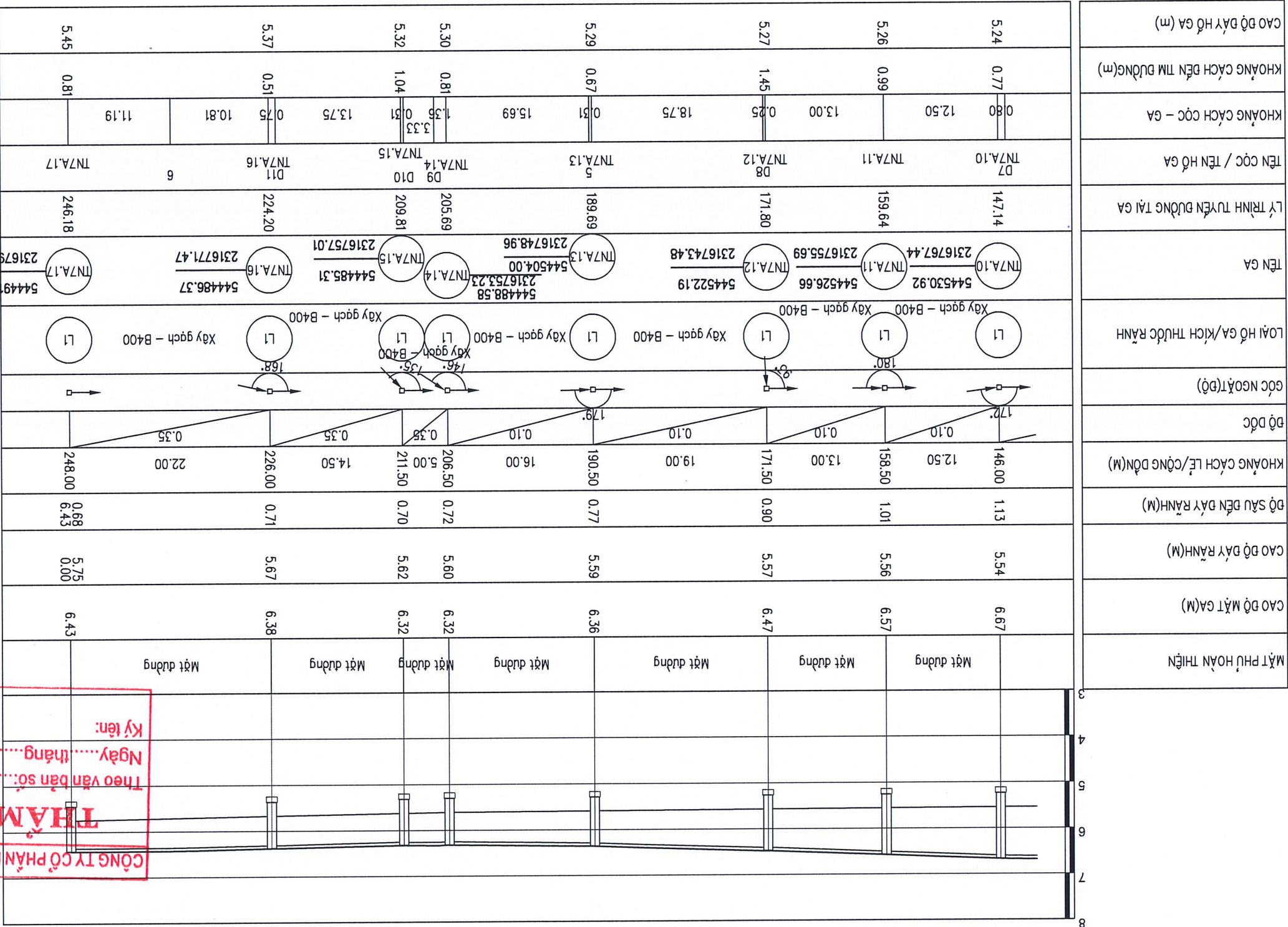
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA



TRẠC DỤC THOÁT NƯỚC	TUYẾN THOÁT NƯỚC TN7A
NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ:
HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: TN - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20
Ký tên:



CHỦ ĐẦU TƯ	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	

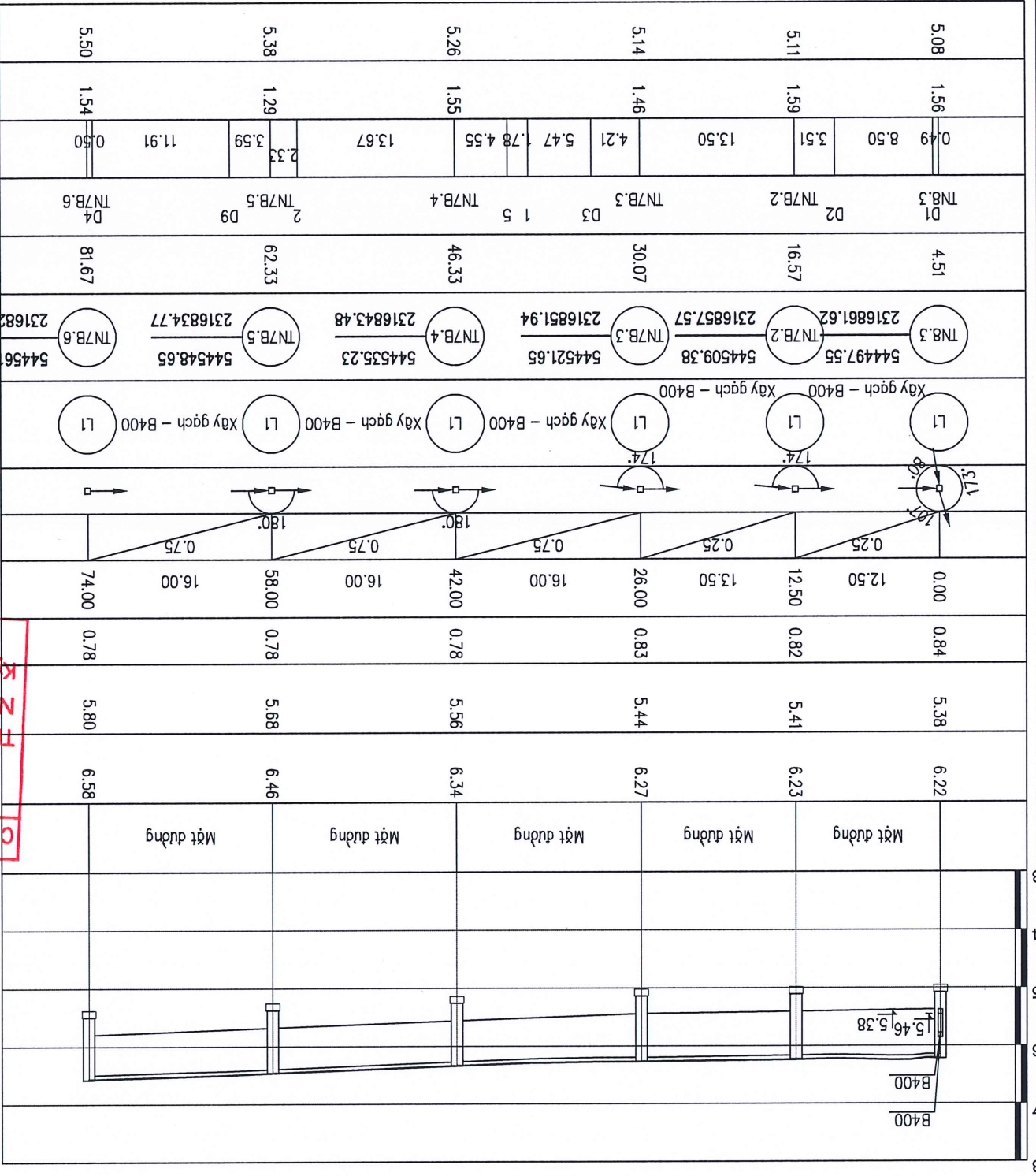
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG	ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN	
	HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA	VU XUAN HOA

TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC	HÀNG MỤC:	
	KÝ HIỆU: TN - 20	
TUYẾN THOÁT NƯỚC TN7B	NĂM XUẤT BẢN: 2025	
	TỶ LỆ:	

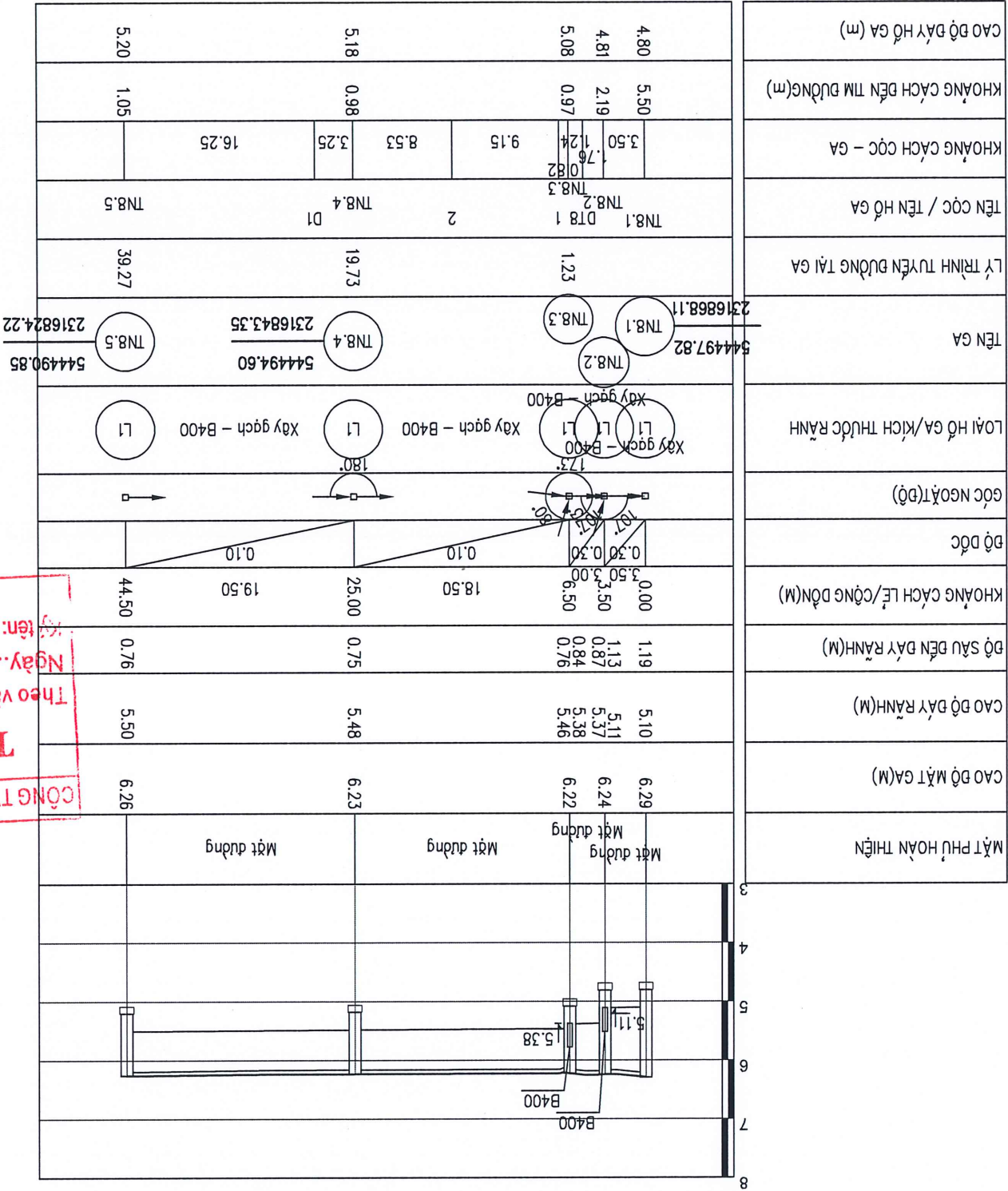


MẶT PHỦ HOÀN THIỆN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỐ GA/KÍCH THUỘC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN DƯỜNG TÀI GA	TÊN CỌC / TÊN HỐ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC - GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TİM DƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỐ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	----------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	------------------------------	----------------------



THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
Theo văn bản số: /20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20
Ký tên:

THỊNH PHÁT	CHỦ ĐẦU TƯ								
	ỦY BAN NHẬN DÀN XÃ VĂN GIANG								
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN								
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT							
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG THỌNG CÔNG LỰẬN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA
		THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỊNH PHÁT GIÁM ĐỐC XÂY DỰNG CÔNG TY CƠ PHÂN ĐƯỜNG VU VĂN TƯỜNG							
		TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC							
		TUYẾN THOÁT NƯỚC TN8							
NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ:		HÀNG MỨC:		KÝ HIỆU: TN - 21			



THẨM TRA

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG

Theo văn bản số:/20...../KQTTr

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:.....



CHỦ ĐẦU TƯ	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI	

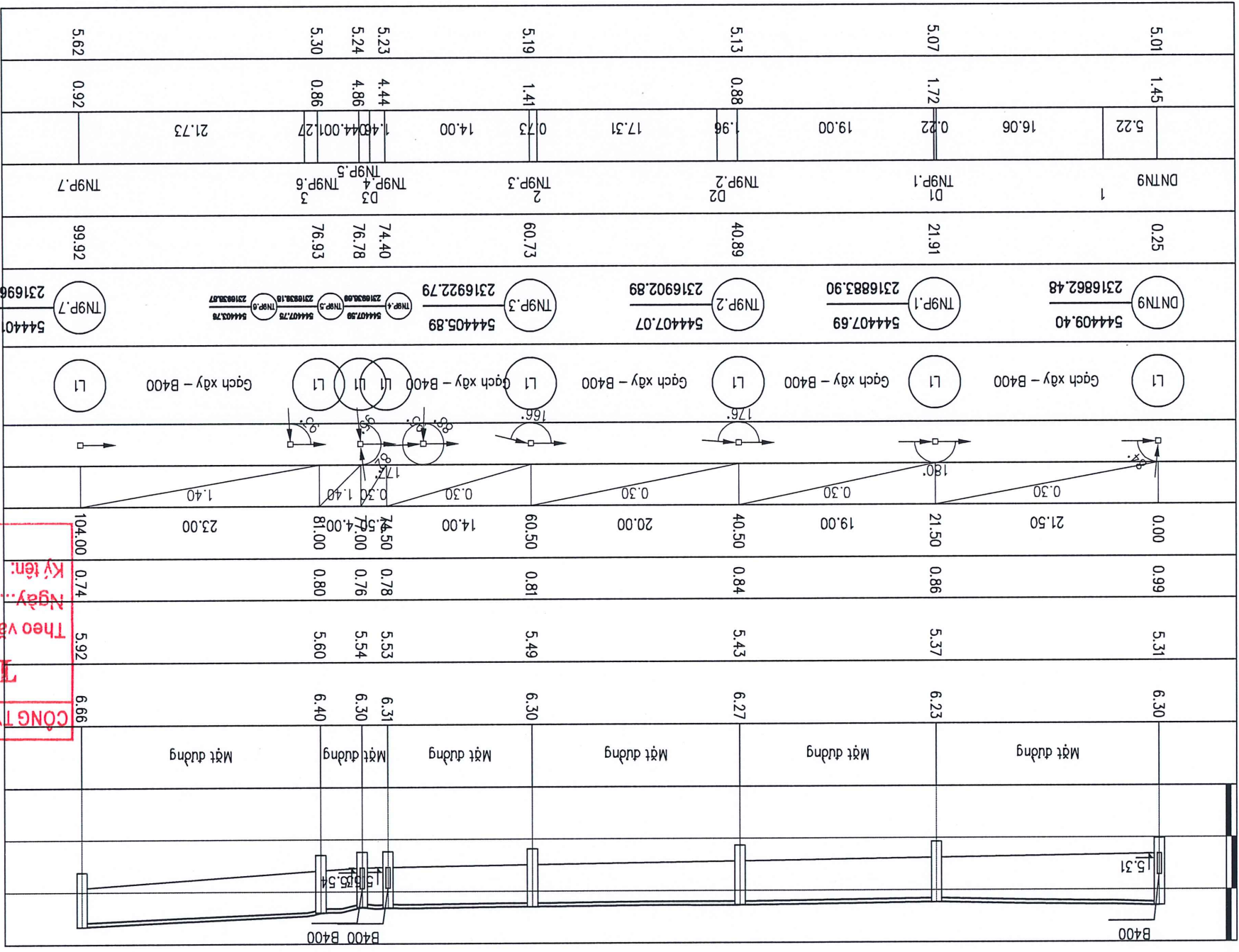
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)	HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		
	ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		
	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	
	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	

KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	

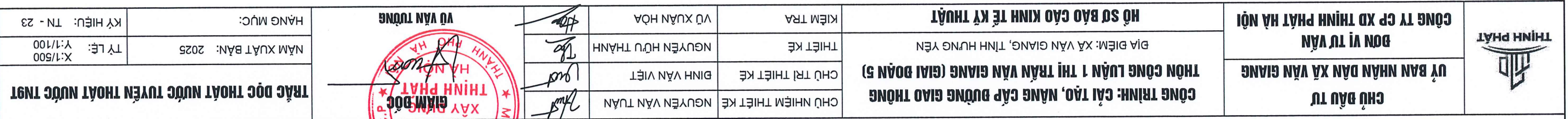
TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT TN9P	HÀNG MỤC:		KÝ HIỆU: TN - 22
	NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100	



CAO ĐỘ DÂY HỒ GA (m)	KHOẢNG CÁCH ĐẾN T.M ĐƯỜNG(m)		KHOẢNG CÁCH CỌC – GA	TÊN CỌC / TÊN HỒ GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN GA	LOẠI HỒ GA/KÍCH THƯỚC RÀNH	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	ĐỘ DỐC	KHOẢNG CÁCH LỆ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	MẶT PHỤ HOÀN THIỆN
----------------------	------------------------------	--	----------------------	---------------------	-----------------------------	--------	----------------------------	---------------	--------	----------------------------	------------------------	--------------------	------------------	--------------------



THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG
Theo văn bản số: /20.../KQTT
Ngày: ...tháng...năm 20...
Ký tên:





CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, MẠNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA	VU XUAN HOA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH

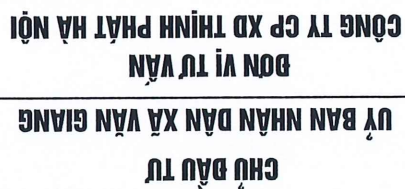


TRẠC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN10T, TN10P	NĂM XUẤT BẢN: 2025	HÀNG MỤC:	KỶ HIỆU: TN - 24
	TỶ LỆ: 1/100		X:1/500

MẶT PHỤ HOÀN THIỆN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỐ GA/KÍCH THUỐC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỌC / TÊN HỐ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC - GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TÂM ĐƯỜNG(m)	CAO ĐỘ DÂY HỐ GA (m)
	6.30	5.54	0.76	0.00	0.10	9.3°	Ốch xây - B400	TN9P.5	4.67	TN9P.5	0.05	1.65	5.24
Mặt đường	6.25	5.55	0.70	9.00	0.10	16.4°	Ốch xây - B400	TN10T.1	13.41	D1	7.16	2.35	5.25
Mặt đường	6.30	5.56	0.74	22.50	0.10		L1	TN10T.2	26.83	TN10T.2	13.50	0.91	5.26

MẶT PHỤ HOÀN THIỆN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỐ GA/KÍCH THUỐC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỌC / TÊN HỐ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC - GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TÂM ĐƯỜNG(m)	CAO ĐỘ DÂY HỐ GA (m)
	6.31	5.53	0.78	0.00	0.10	9.3°	L1	TN9P.4	4.58	TN9P.4	0.15	0.86	5.23
Mặt đường	6.26	5.54	0.72	14.50	0.10		L1	TN10P.1	19.21	D1	7.21	1.90	5.24
Mặt đường	6.31	5.53	0.72	14.50	0.10		L1	TN10P.1	19.21	TN10P.1	7.14	1.90	5.24

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20.../KQT
Ngày.....tháng.....năm 20
Ký tên:



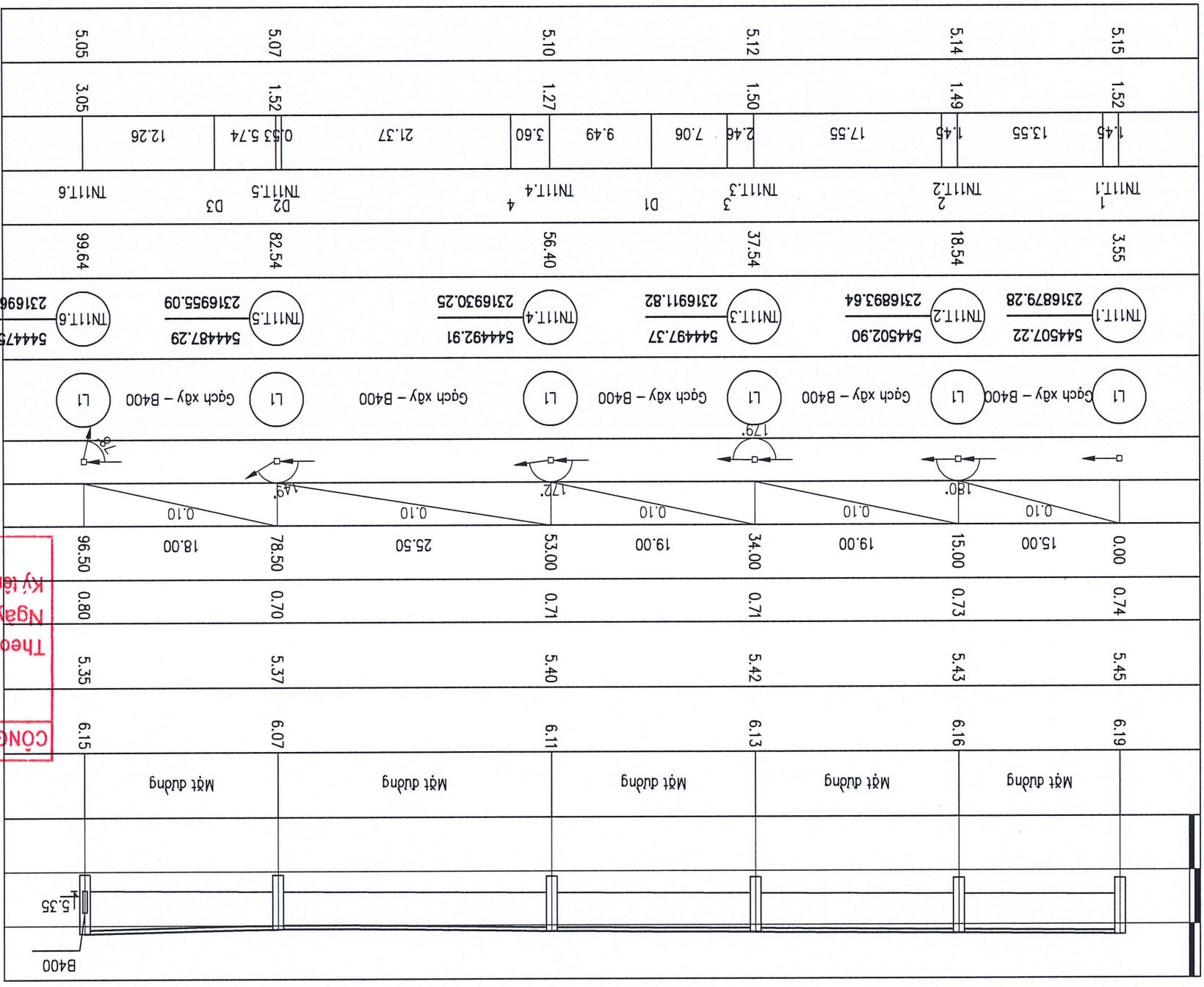
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN AN (GIAI HƯƠNG 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN AN, HUYỆN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA	<i>[Signature]</i>



RẮC ĐỘC THOÁT NƯỚC TUYẾN NƯỚC TN111	
NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100
HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: TN - 25

MẶT PHỤ HOÀN THIỀN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/ CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỖ GA/KÍCH THUỐC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỐC / TÊN HỖ GA	KHOẢNG CÁCH CỐC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TẦM DƯỚI(M)	CAO ĐỘ DÂY HỖ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	-----------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	-----------------------------	----------------------



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG		THẨM TRA		Theo văn bản số:/20...../KQTTr		Ngày.....tháng.....năm 20.....		Ký tên:	



CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LỰAN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH

TRẠC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN11T2	NĂM XUẤT BẢN: 2025	HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: TN - 26



MẶT PHỤ HOÀN THIỆN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CÔNG DỖ(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỐ GA/KÍCH THƯỚC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN DƯỜNG TẠI GA	TÊN CỌC / TÊN HỐ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC - GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TM BƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỐ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	---------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	-----------------------------	----------------------

3	6.15	5.35	0.80	0.00	0.10	169°	L1	544475.81	99.64	D3	3.03	3.05	5.05
4	6.19	5.34	0.85	8.50	0.10	169°	L1	2316968.95	105.11	D4	3.74	0.63	5.04
5	6.28	5.32	0.96	25.50	0.10	179°	L1	544507.35	130.73	D5	6.95	1.56	5.01
6	6.37	5.30	1.07	34.00	0.10	180°	L1	2316981.40	150.73	D6	3.17	1.56	4.99
7	6.62	5.28	1.34	54.00	0.10	180°	L1	544525.69	170.73	6	7.75	1.63	4.97
				74.00				2316997.44					

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20
Ký tên:



CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

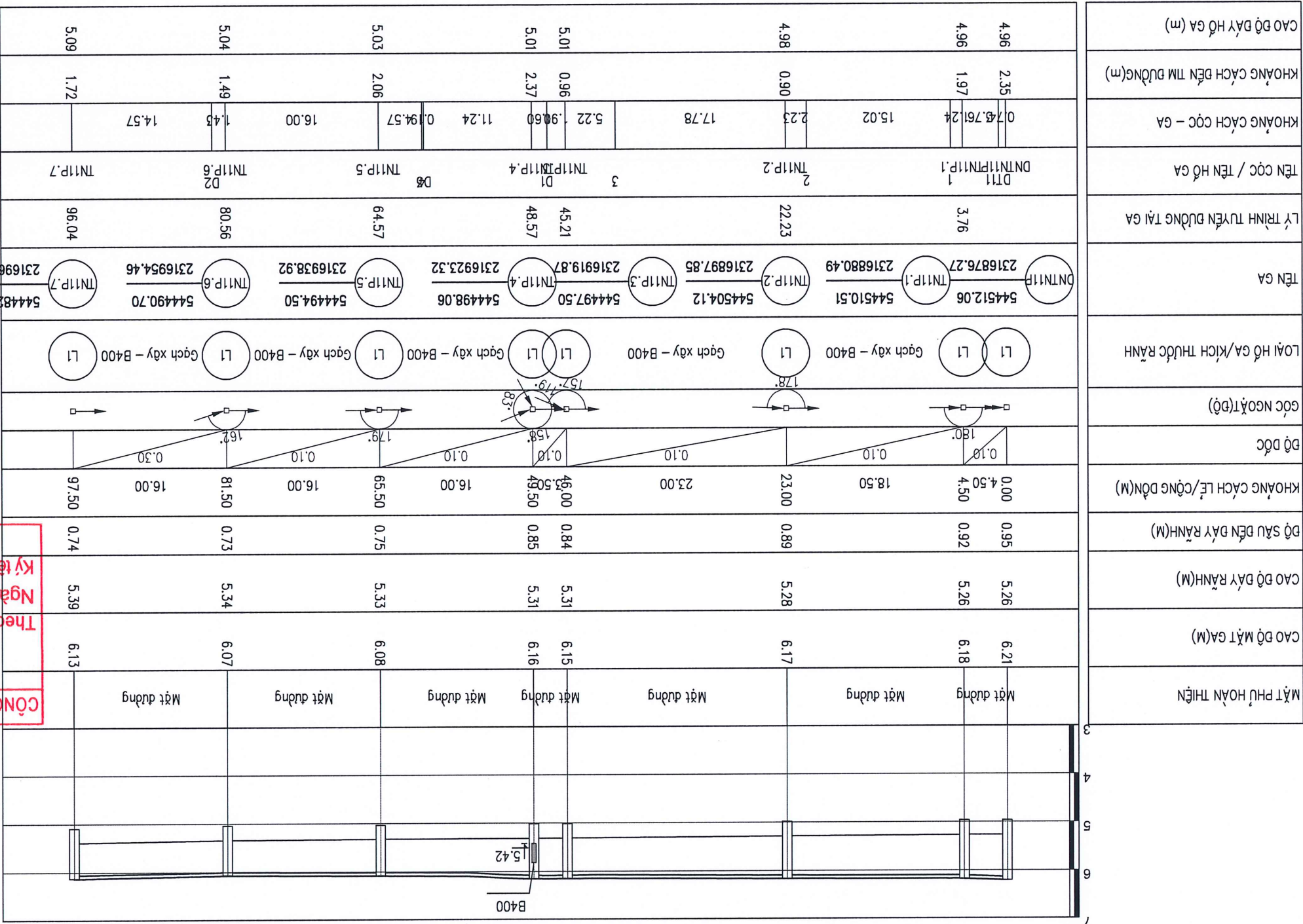
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THỜI CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

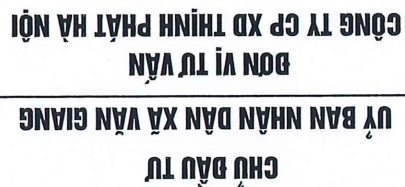
KIỂM TRA	VU XUAN HOA
THIẾT KẾ	NGUYEN HUU THANH
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	BINH VAN VIET
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYEN VAN TUAN



TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT TN11P1	NĂM XUẤT BẢN: 2025	HÀNG MỤC:
	TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100	KÝ HIỆU: TN - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20.../KQTT
Ngày: ...tháng...năm 20...
Ký tên:



CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THỜI GIAN CÔNG VIỆC: 1 THÁNG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

ĐIỂM: XA VAN GIANG, TỈNH HUNG YÊN

KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	<i>[Signature]</i>
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	<i>[Signature]</i>

VU VAN TUNG

NĂM XUẤT BẢN: 2025

KY HIỆU: TN - 28



GIAM ĐỌC

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG (Construction Company)

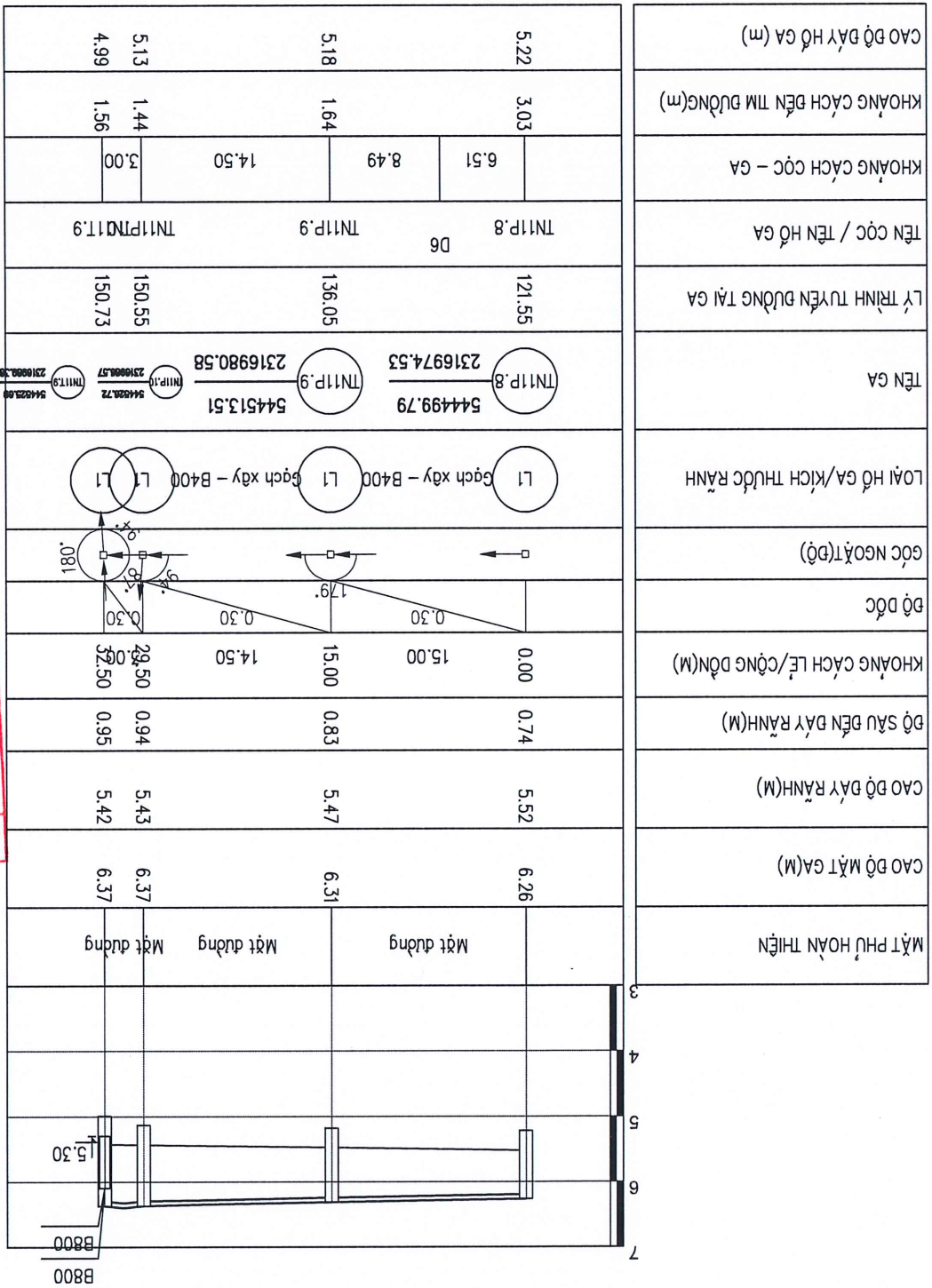
CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG

THĂM TRA

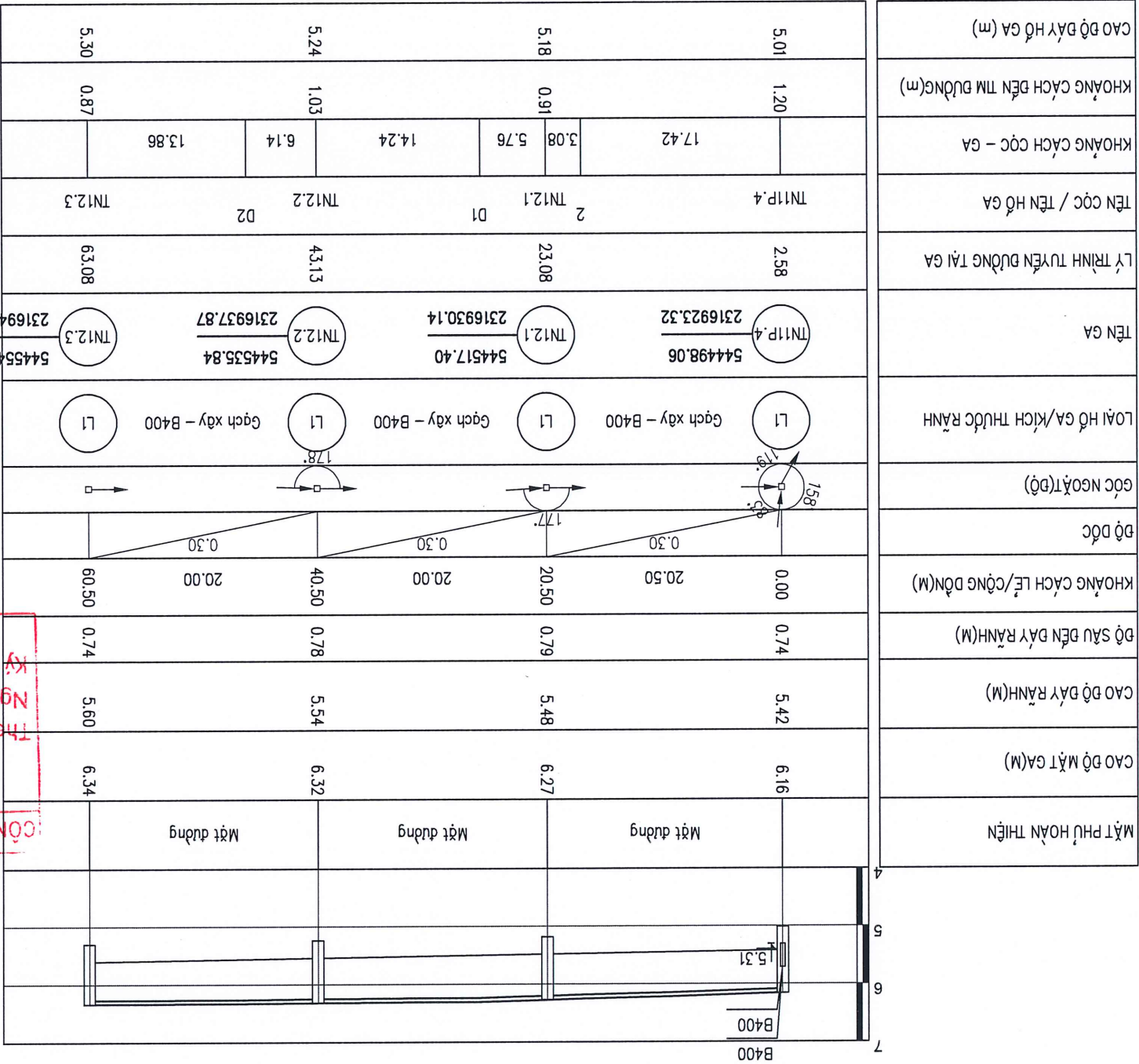
Theo văn bản số:/20...../KQT

Ngày:tháng.....năm 20.....

Ký tên:



THÀNH PHẬT	CHỦ ĐẦU TƯ	
	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG	
	CÔNG TY CP XD THÌNH PHÁT HÀ NỘI	
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG		THỜI CÔNG LẦN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	KIỂM TRA
	VU XUÂN HÒA	
HANG MUC:		KY HIEU: TN - 29
NAM XUAT BAN: 2025		TY LE: X:1/500 Y:1/100
TRAC DUC THOAT NUOC TUYEN THOAT NUOC TN12		



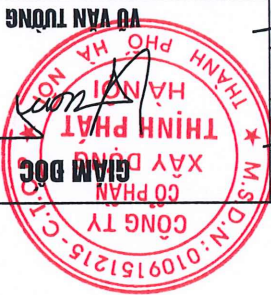
THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
Theo văn bản số:/20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



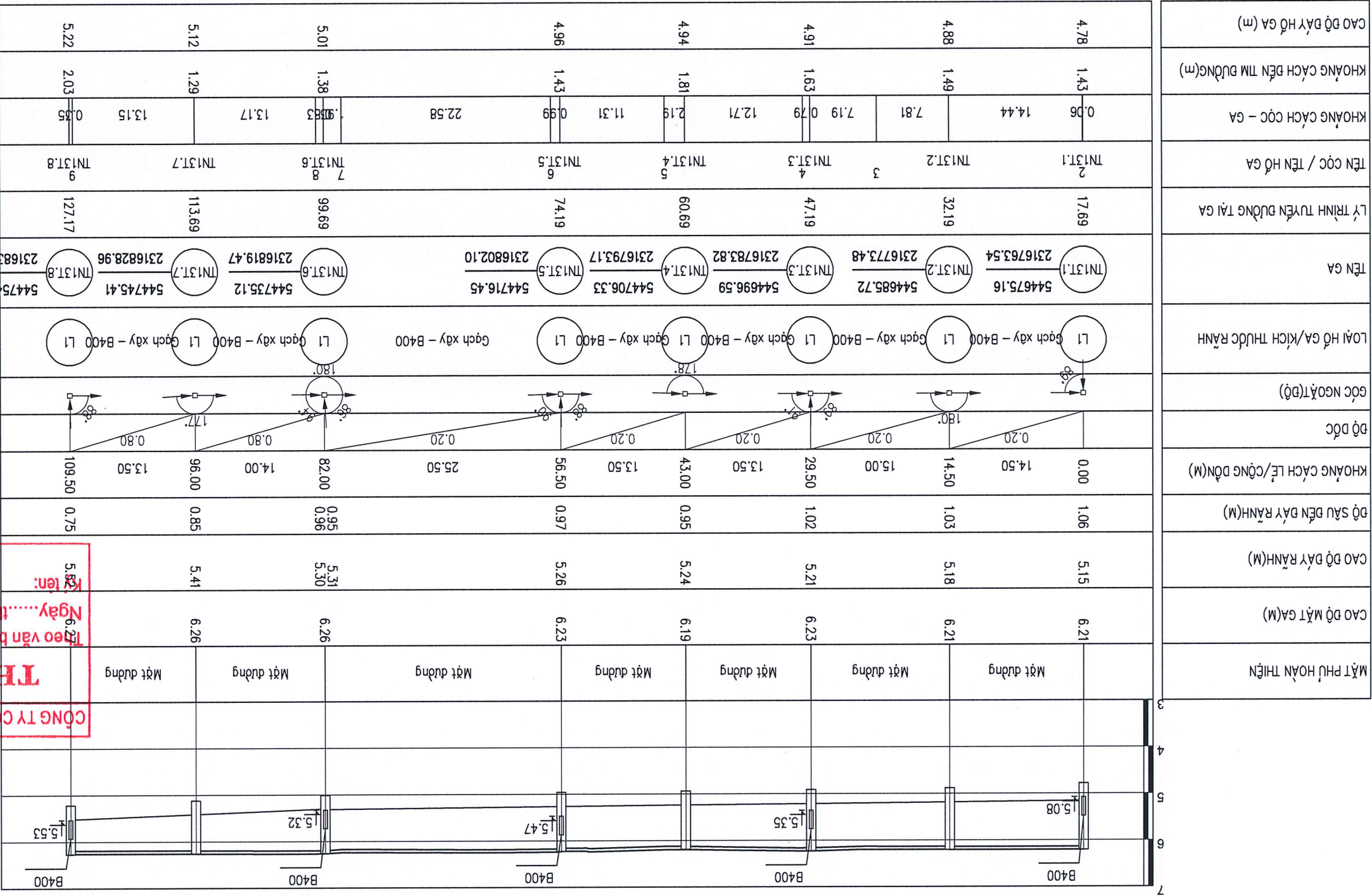
CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LƯỜNG 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

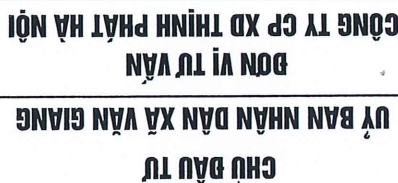
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐINH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA VU XUÂN HÒA



TRẮC ĐỘC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN13T
NĂM XUẤT BẢN: 2025
HẠNG MỨC: TN - 30
TỶ LỆ: X:1/500
Y:1/100
KÝ HIỆU: TN - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

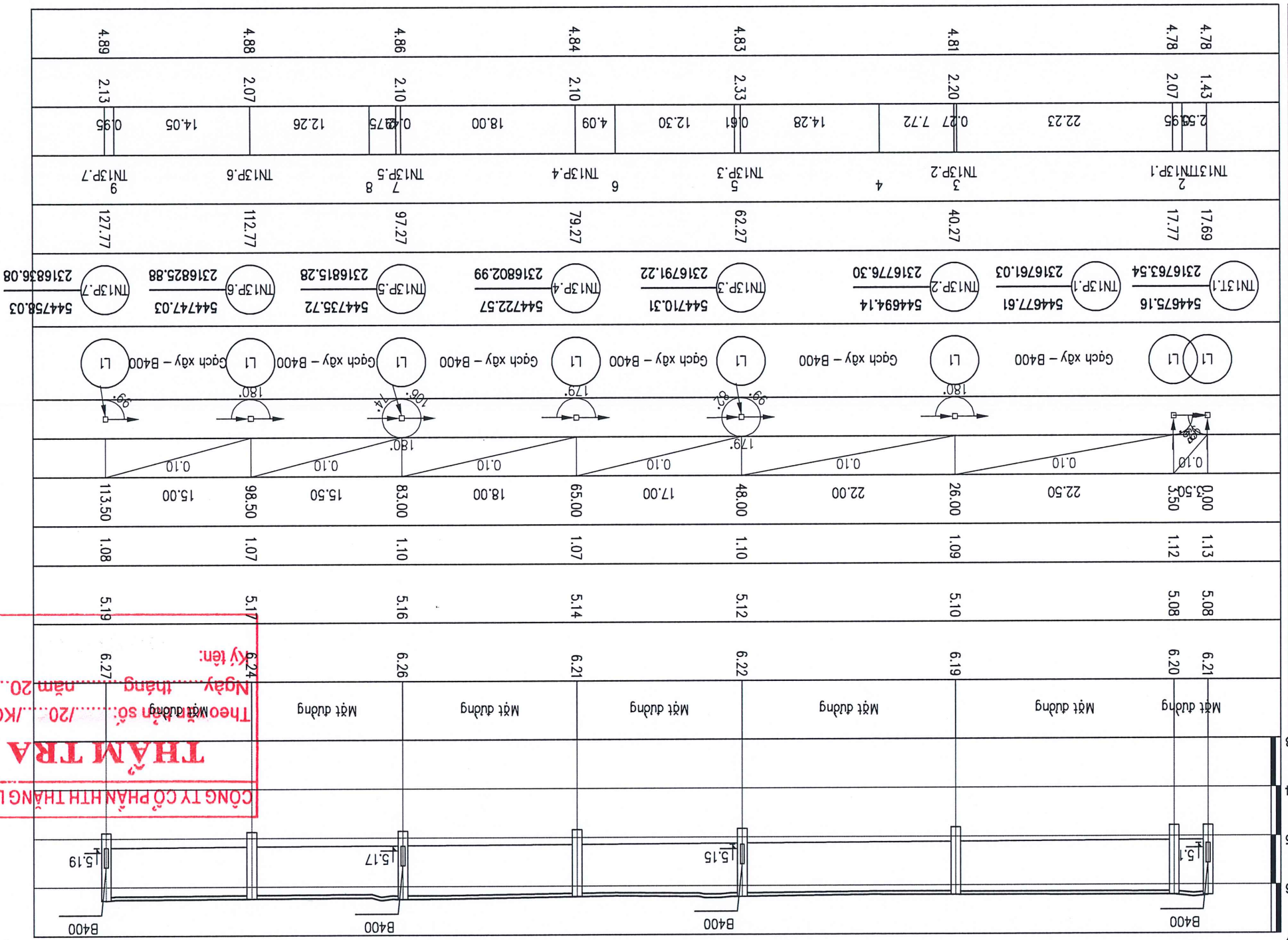
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

NGUYEN VAN TUAN
DINH VAN VIET
NGUYEN HUU THANH
VU XUAN HOA



TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT TN13P	
NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100
HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: TN - 31

MẶT PHÚ HOÀN THIÊN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỒ GA/KÍCH THƯỚC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỐC / TÊN HỒ GA	KHOẢNG CÁCH CỐC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TTM ĐƯỜNG(m)	CAO ĐỘ DÂY HỒ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	----------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	------------------------------	----------------------



Ngày tháng năm 20	6.27	Ký tên:	6.24
Thuyết minh số: /20 /KQTT			
THẨM TRA			
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG LONG			



CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

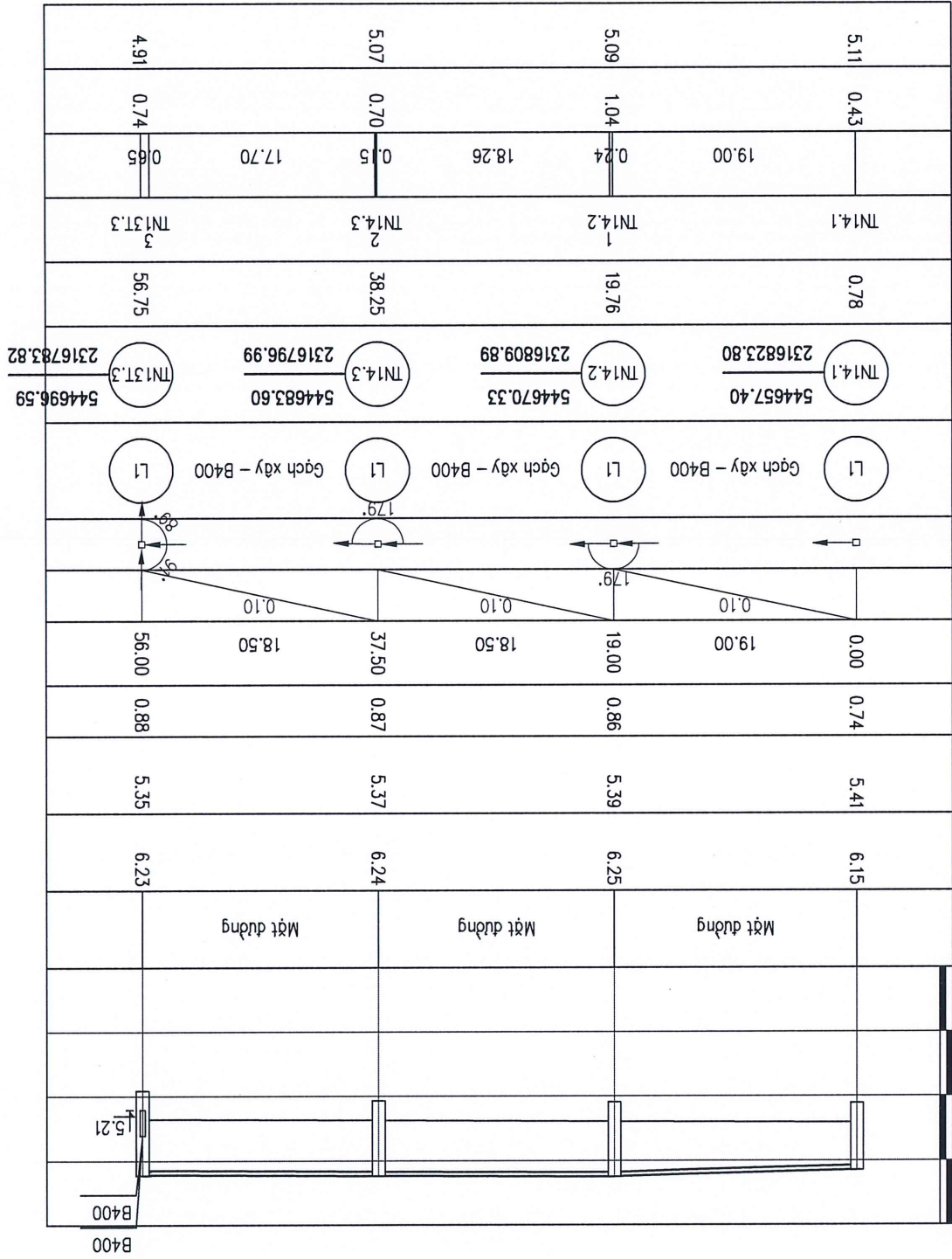
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
--------------------	-----------------	------------------	---------------	----------	------------------	----------	-------------

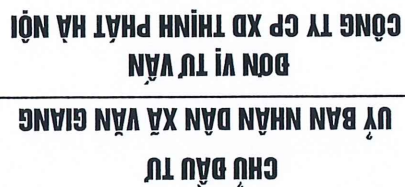


TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN14	NĂM XUẤT BẢN: 2025	HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: TN - 32
	TỶ LỆ: 1/100	X:1/500	Y:1/100

MẶT PHỦ HOÀN THIỆN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỖ GA/KÍCH THUỘC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỌC / TÊN HỖ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TÌM ĐƯỜNG(m)	CAO ĐỘ DÂY HỖ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	----------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	------------------------------	----------------------



CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20
Ký tên:

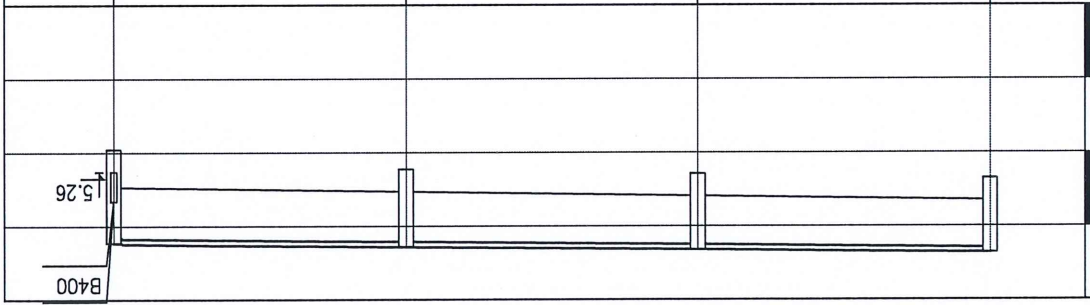


CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA	<i>[Signature]</i>



TRẮC ĐỘC THOÁT NƯỚC TUYỂN THOÁT NƯỚC TN15	
NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100
HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: TN - 33

MẶT PHỤ HOÀN THIÊN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CÔNG DẪN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOÀI(ĐỘ)	LOẠI HỖ GA/KÍCH THUỘC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẢI GA	TÊN CỌC / TÊN HỖ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TỈM ĐƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỖ GA (m)	
	6.36	5.65	0.71	0.00	1/9°	179°	Gạch xây – B400	544673.39 TN15.1 2316843.87	0.68	TN15.1	19.33	0.42	5.35	
	Mặt đường	6.32	5.59	0.73	20.00	0.30	178°	Gạch xây – B400	544687.91 TN15.2 2316830.12	20.68	TN15.2	19.32	0.35	5.29
	Mặt đường	6.28	5.53	0.75	40.00	0.30	178°	Gạch xây – B400	544702.47 TN15.3 2316816.40	40.68	TN15.3	19.45	0.22	5.23
	Mặt đường	6.23	5.47	0.76	60.00	0.30	178°	Gạch xây – B400	544716.45 TN15.4 2316802.16	60.67	TN15.4	0.55	0.92	4.96

THẨM TRA

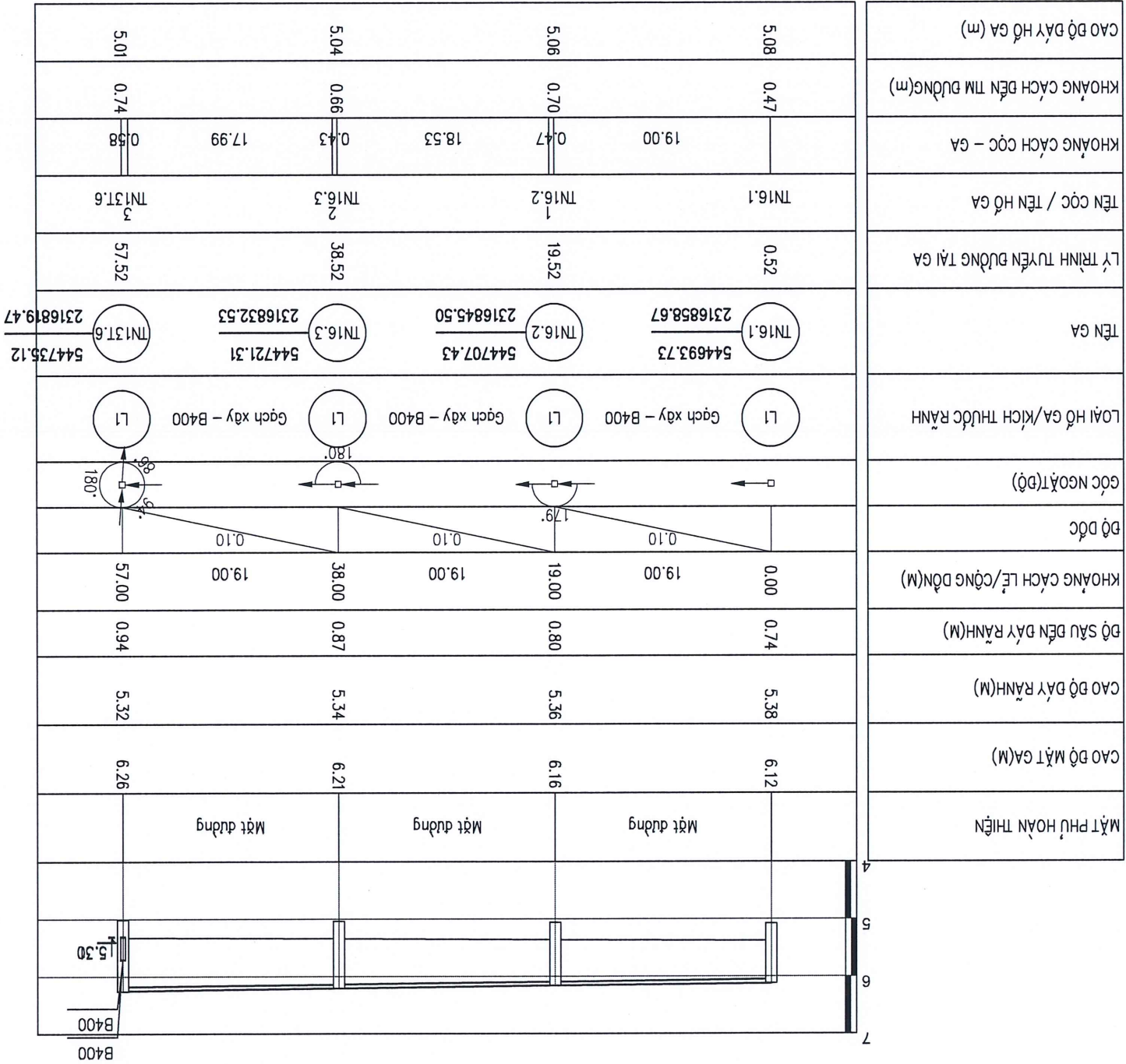
CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG

Theo văn bản số:/20...../KQTT

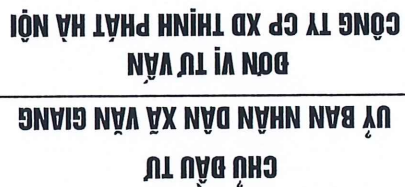
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỊNH PHÁT	CHỦ ĐẦU TƯ	
	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG	
	CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
THỌNG CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	VỤ XUAN HOA
HANG MUC:		VU VAN TUONG
KÝ HIỆU: TN - 34		
NĂM XUẤT BẢN: 2025		
TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100		
TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN16		



THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN HTTH THĂNG LONG
Theo văn bản số:...../20...../KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA	

VỤ VẠN TƯỜNG

NĂM XUẤT BẢN: 2025

KY HIỆU: TN - 35

TRẮC DỘC THOẠT NƯỚC TUYẾN TUYÊN TN17.1, TN17.2

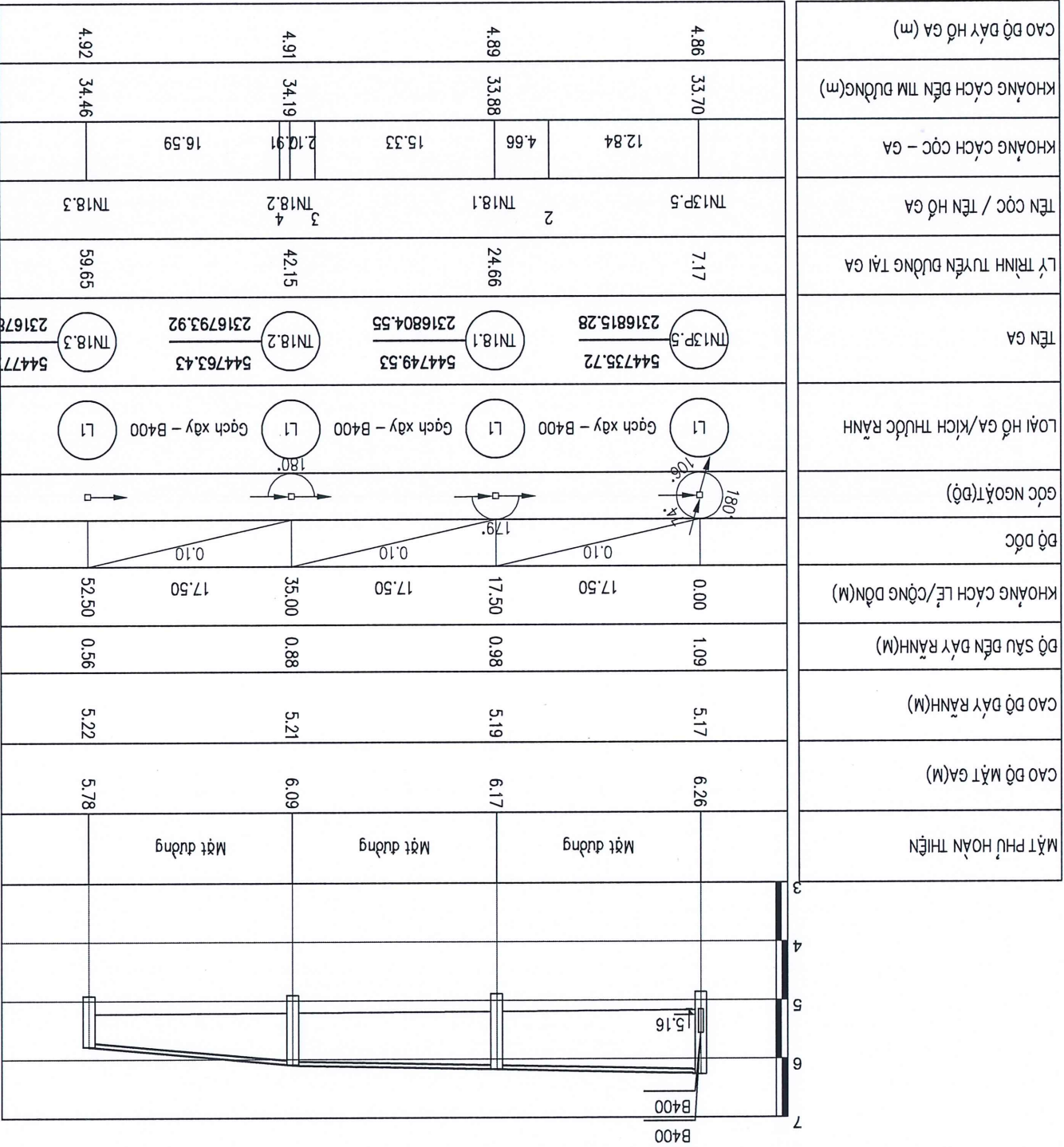


MẶT PHỤ HOÀN THIÊN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOÀI(ĐỘ)	LOẠI HỒ GA/KÍCH THƯỚC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TẠI GA	TÊN CỐC / TÊN HỒ GA	KHOẢNG CÁCH CỐC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TİM ĐƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỒ GA (m)
	6.83	6.09	0.74	0.00	2.35		L1	544715.79 TN17.1 2316874.59	0.66	TN17.1	15.55	0.71	5.79
	6.43	5.69	0.74	17.00	1.76		L1	544727.77 TN17.2 2316862.53	17.66	1 TN17.2 D1	14.53.10	0.96	5.39
	6.33	5.59	0.74	34.00	0.60		L1	544740.57 TN17.3 2316851.34	34.61	2 TN17.3	4.44	0.75	5.29
	6.27	5.53	0.74	53.00	0.30		L1	544754.76 TN13T.8 2316838.70	53.61	TN13T.8	14.56	0.88	5.22

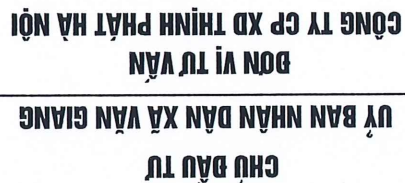
MẶT PHỤ HOÀN THIÊN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỖ GA/KÍCH THUỘC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYÊN DƯỜNG TẠI GA	TÊN CỘC / TÊN HỖ GA	KHOẢNG CÁCH CỘC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TTM DƯỜNG(M)	CAO ĐỘ DÂY HỖ GA (m)
--------------------	------------------	--------------------	------------------------	----------------------------	--------	---------------	----------------------------	--------	-----------------------------	---------------------	----------------------	------------------------------	----------------------

4.89	0.81	21.29	2.71	0.88	4.91	4.94
57.76	81.76	104.76	544758.03	2316836.08	544795.16	2316807.27
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89	2316821.23	544795.16	2316807.27	544795.16
TN13P.7	L1	L1	L1	L1	L1	L1
544758.03	2316836.08	544776.89				

	CHỦ ĐẦU TƯ		ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG		
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI		
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		KIỂM TRA		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN TUẤN		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU THÀNH		VU XUAN HOA	
HANG MUC:		TN - 36		KỶ HIỆU: TN - 36	
TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN18		NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100	



THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN HT THANH LONG
Theo văn bản số:...../20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THỜI GIAN CÔNG VIỆC: 1 THÁNG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

ĐIỂM: XA VAN GIANG, TỈNH HUNG YEN

CÔNG TRÌNH: CÀI TẠO, NÂNG CẤP DƯNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LỮAN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIẢI ĐOÀN 5)

NHIỆM THIẾT KẾ

NGUYEN VAN TUAN

RM4

VU XUAN HOA

NGUYEN HUO THANH

面

VU XUAN HOA

VU VAN TUONG

NĂM XUẤT BẢN: 2025

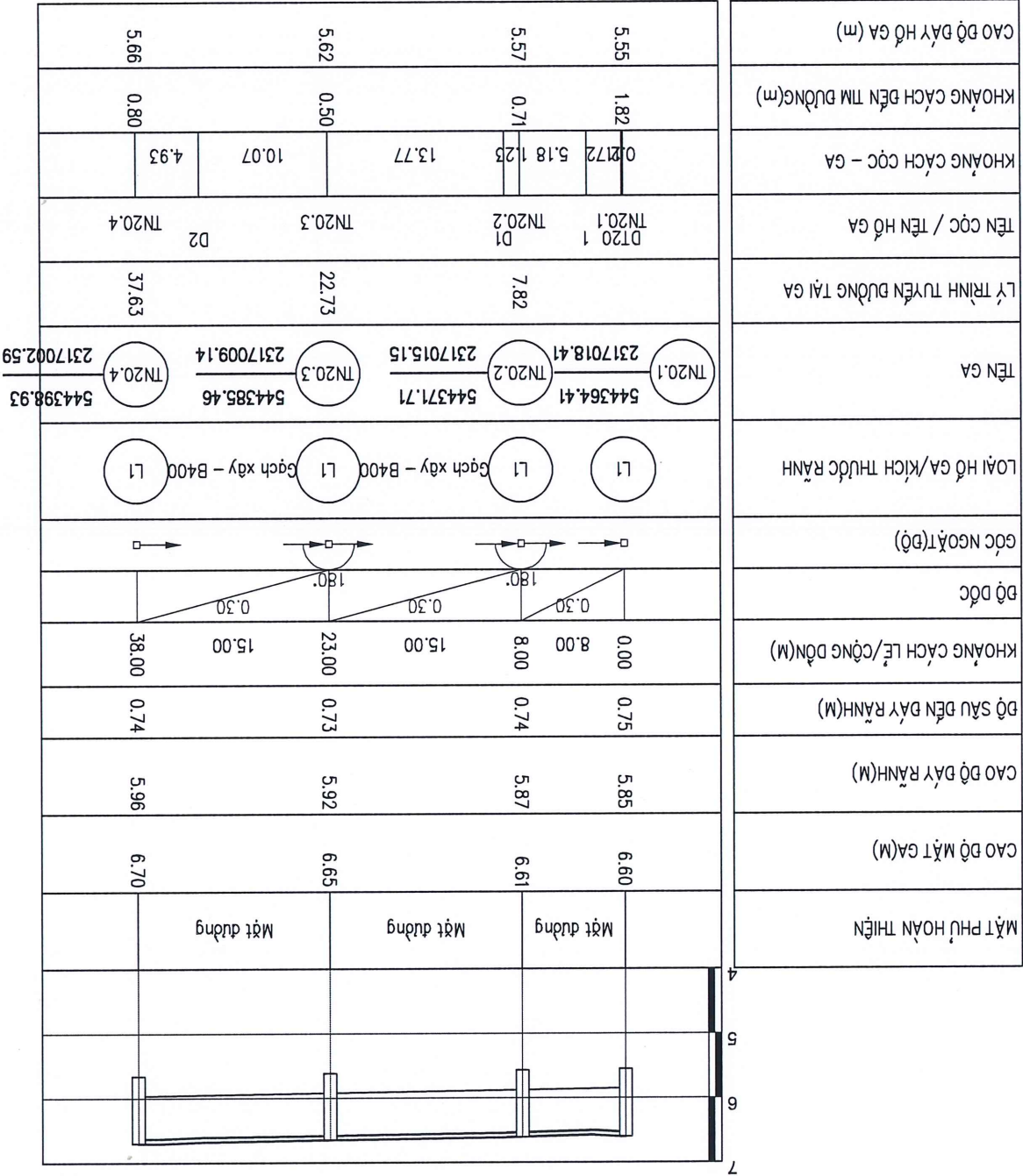
RY HIEU: IN - 37

TRẠC DỘC THOÁT NƯỚC TUYẾN THOÁT NƯỚC TN19

MẶT PHỤ HOÀN THIỆN	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	CAO ĐỘ DÂY RÀNH(M)	ĐỘ SÂU ĐẾN DÂY RÀNH(M)	KHOẢNG CÁCH TẾ/CÔNG DỒN(M)	ĐỘ DỐC	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	LOẠI HỒ GA/KÍCH THƯỚC RÀNH	TÊN GA	LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TÀI GA	TÊN CỌC / TÊN HỒ GA	KHOẢNG CÁCH CỌC – GA	KHOẢNG CÁCH ĐẾN TİM ĐƯỜNG(m)	CAO ĐỘ DÂY HỒ GA (m)
	6.22	5.15	1.07	0.00	0.10	17.9°	L1 Gạch xây – B400	TN13P.3 544710.31 2316791.22	2.21	TN13P.3 1	0.69	0.95	4.83
	6.11	5.17	0.94	20.00	0.10	18.0°	L1 Gạch xây – B400	TN19.1 544726.08 2316778.92	22.21	TN19.1 2	2.22	0.77	4.87
	6.01	5.19	0.82	40.00	0.10	17.9°	L1 Gạch xây – B400	TN19.2 544741.76 2316766.50	42.21	TN19.2 3 4	2.23 2.28	0.76	4.89
	5.92	5.21	0.71	59.00	0.10		L1 Gạch xây – B400	TN19.3 544756.08 231673	61.20	TN19.3	18.15	1.01	4.91

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THANG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỊNH PHÁT	CHỦ ĐẦU TƯ	
	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG	
	CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	
TRẮC DỤC THOÁT NƯỚC TUYÊN THOÁT NƯỚC TN20 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỊNH PHÁT GIẢI M-ĐOC XÂY DỰNG CƠ PHẦN CÔNG TY M.S.D.N: 0109151215 - C.T.C.P	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG	
	THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)	
	ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN	
	KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		
HÀNG MỤC: KÝ HIỆU: TN - 38		
NĂM XUẤT BẢN: 2025 TỶ LỆ: X:1/500 Y:1/100		



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG

THẨM TRA

Theo văn bản số: /20...../KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:



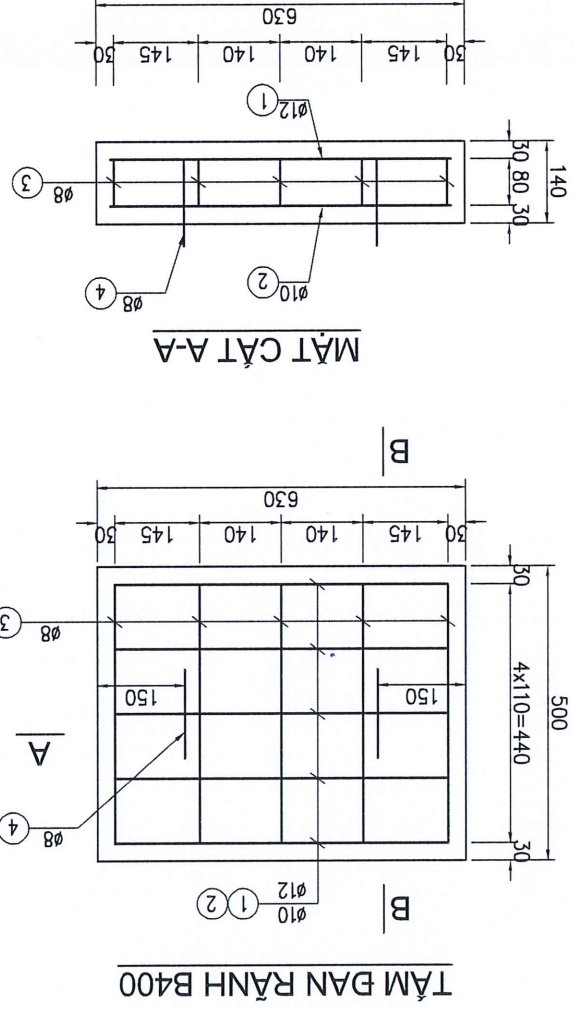
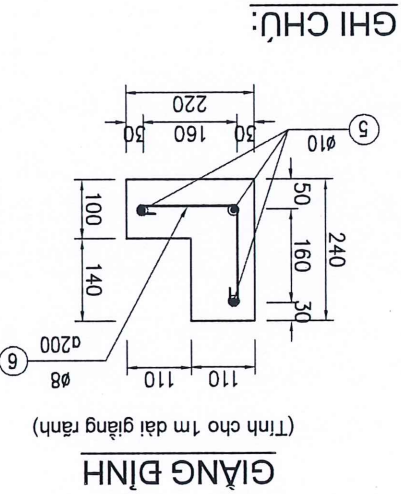
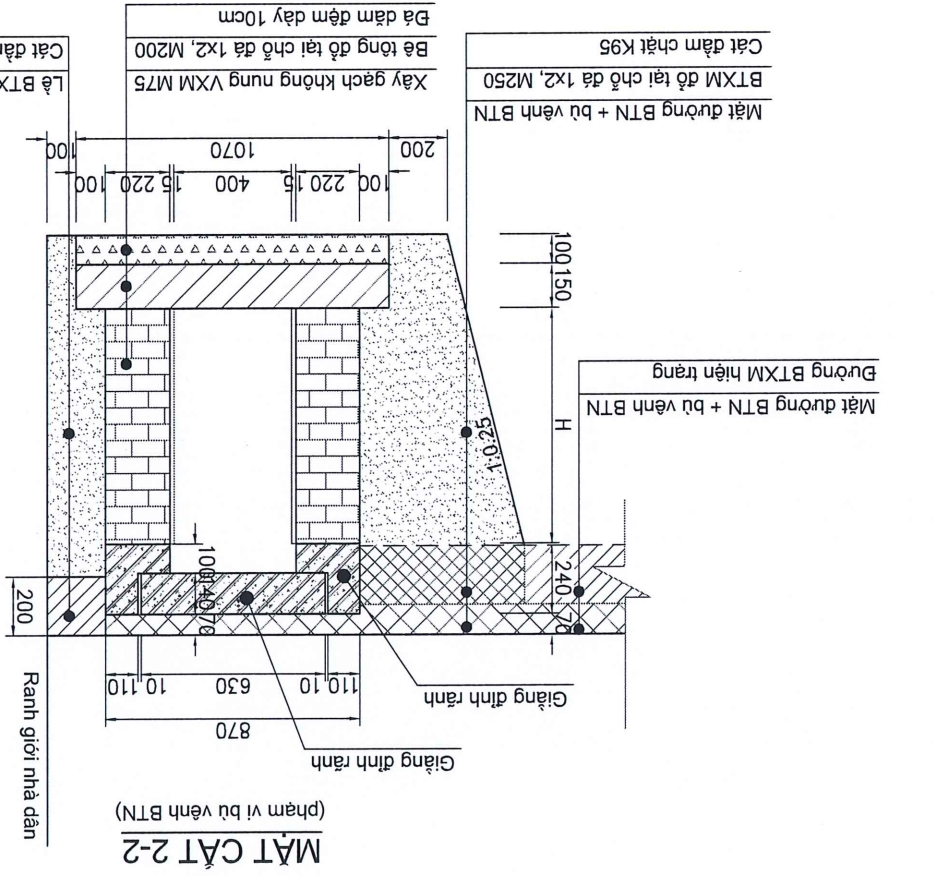
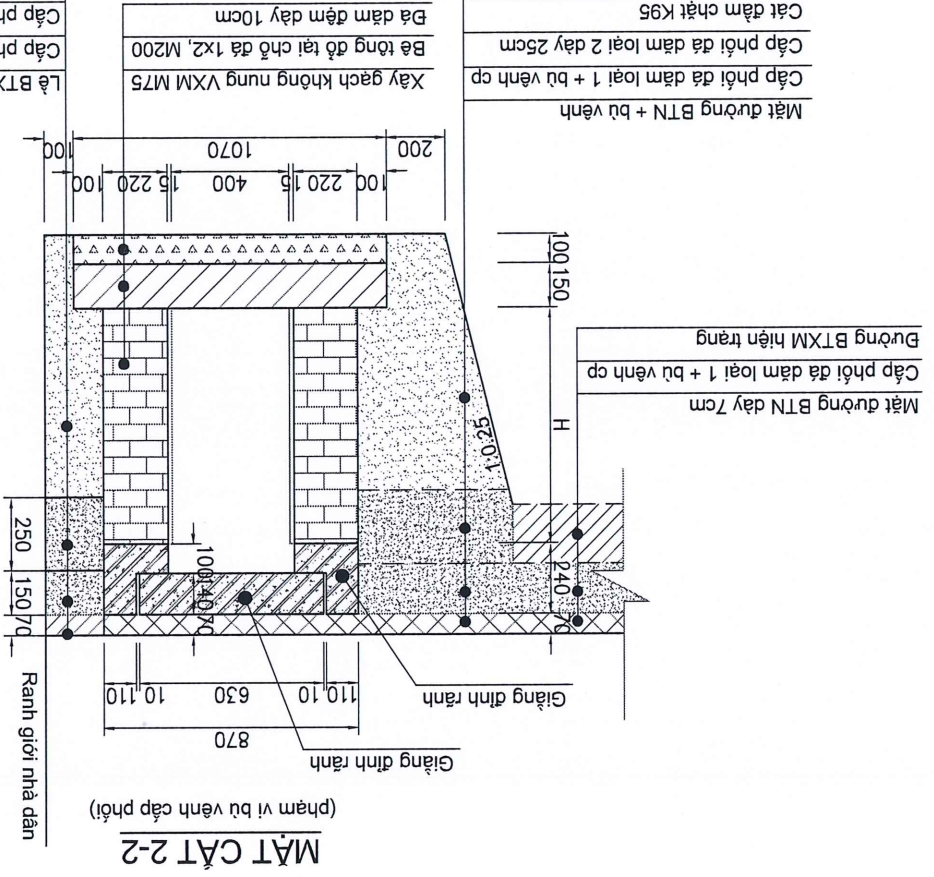
CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỂM TRA	VU XUAN HOA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH

VU VĂN TƯỜNG
HANG MUC:
NĂM XUẤT BẢN: 2025
TY LÊ:

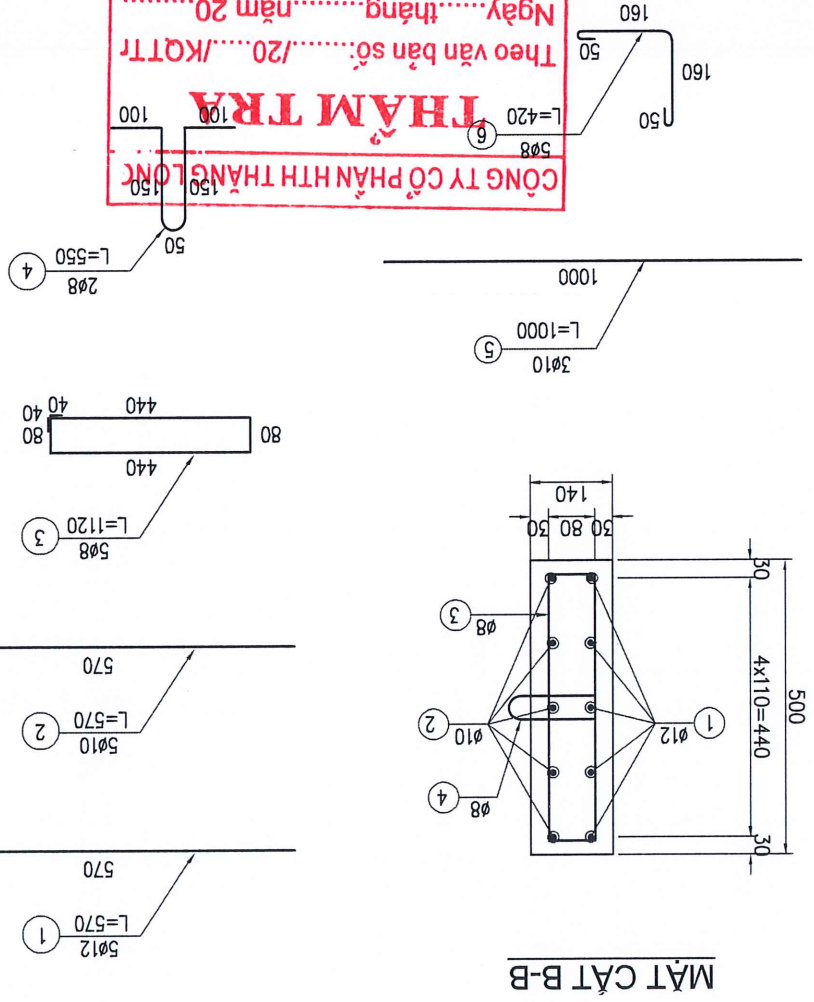
BỔ TRÍ CỐT THÉP
TẦM ĐÀN, GIẢNG ĐÌNH RÀNH B400
KÝ HIỆU: TN - 40



- GHI CHÚ:
- Đơn vị trong bản vẽ là mm
 - Rãnh xây gạch không nung VXM M75 dày 22cm
 - Trát mặt trong rãnh VXM M75 dày 1.5cm
 - Dây B TXM đổ tại chỗ đá 1x2 M250#
 - Tầm đan rãnh BCTC đúc sẵn đá 1x2 M250
 - Giảng đình rãnh BCTC đổ tại chỗ đá 1x2 M250

Tên thanh	Đường kính (mm)	Chiều dài (mm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Khối lượng (kg)
01 Tầm đan (KT 0.63x0.5x0.14m)	12	570	5	2.85	0.890
	10	570	5	2.85	0.620
	8	1120	5	5.60	0.390
	4	550	2	1.10	0.390
Diện tích vữa khuôn					
					0.316 m ²
					4.380 kg
Khối lượng thép D≤10mm					
					2.537 kg
Diện tích bê tông					
					0.044 m ³
giảng đình rãnh (tính cho 1m dài giảng)					
					1.860
					0.620
					0.390
					0.819
Diện tích vữa khuôn					
					0.480 m ²
					2.679 kg
Khối lượng thép D≤10mm					
					0.037 m ³

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20.../KQTT
Ngày...tháng...năm 20
Ký tên:

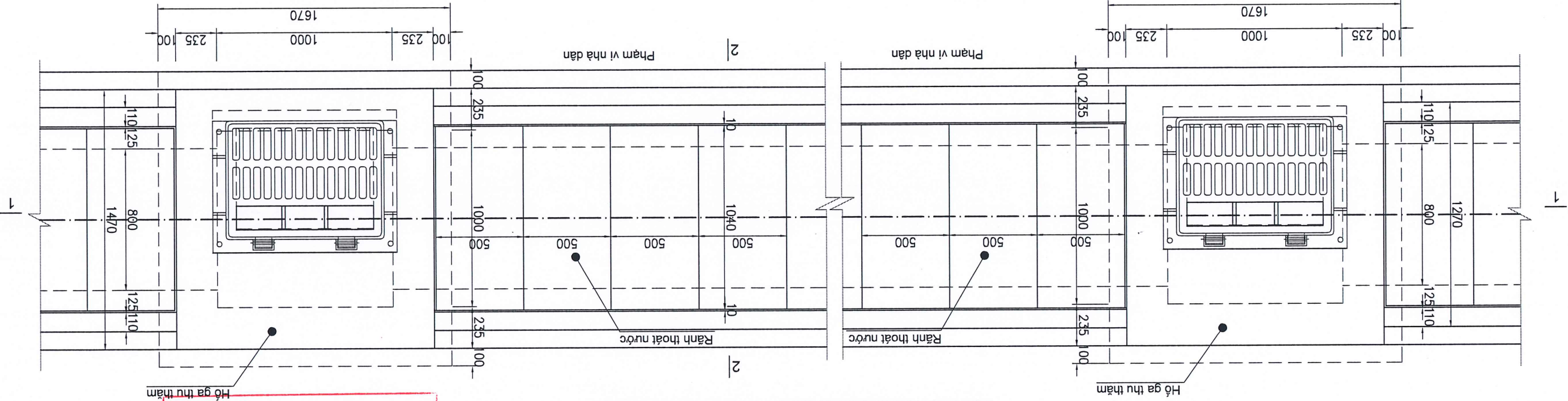


THÀNH PHẬT	CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT				KIỂM TRA		THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HANG MỤC:		KỶ HIỆU: TN - 41			
	ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN						THIẾT KẾ				NGUYỄN HỮU THÀNH				NĂM XUẤT BẢN: 2025	
	THỜI CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		ĐINH VĂN VIỆT		BỘ TRƯỞNG CHUNG RÀNH B800				CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				ĐINH VĂN VIỆT	
					CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN TUẤN											



- Đơn vị trong bản vẽ là mm

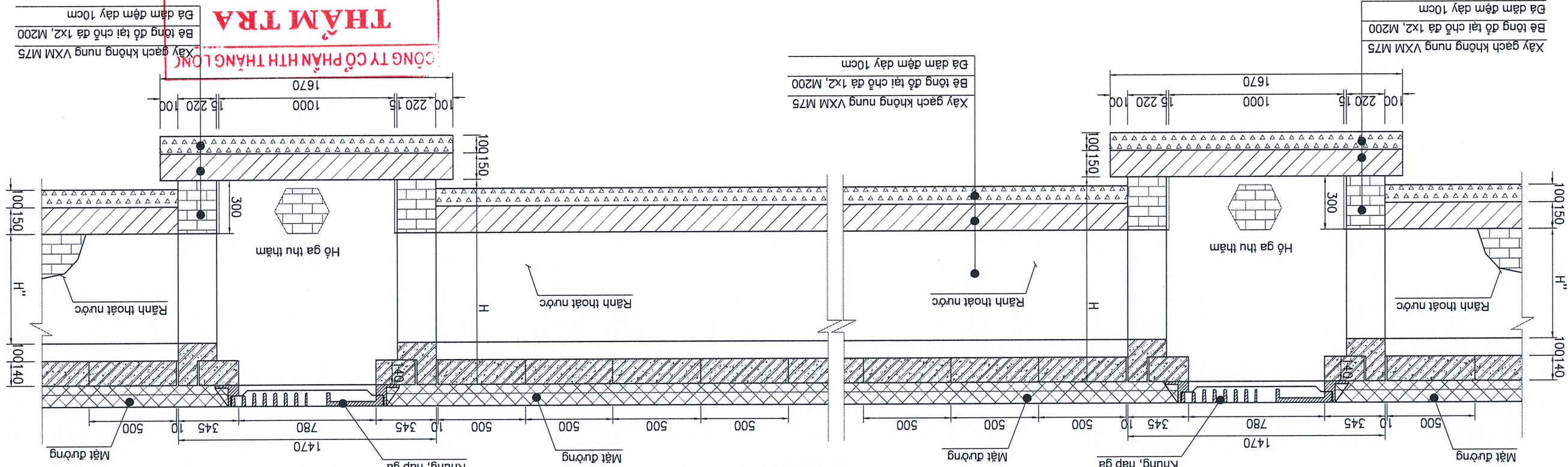
GHI CHÚ:



MẶT BẰNG BỘ TRÍ RÀNH THOÁT NƯỚC B400

THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH PHÁT
Xây gạch không nung VXM M75
Bê tông đổ tại chỗ đá 1x2, M200
Bả dăm dẹt dày 10cm

Theo văn bản số: /20.../KQT
Ngày: ... tháng ... năm 20...
Ký tên:



MẶT CẮT 1-1

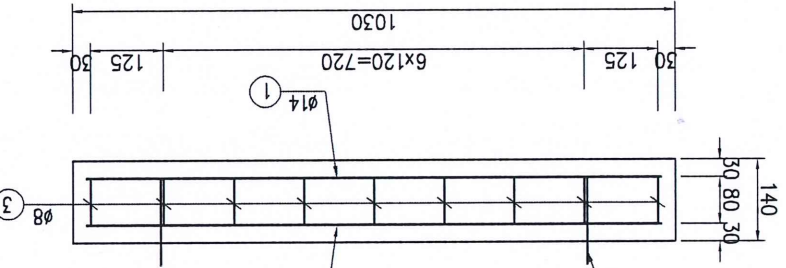
THÀNH PHẬT	CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LỰAN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)	HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	VU XUAN HOA	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HANG MUC:	KỶ HIỆU: TN - 42		
	ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG											
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN											
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HA NOI			ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN TUẤN		NĂM XUẤT BẢN: 2025			
BỘ TRƯỞNG, GIÁNG DỊNH RÀNH B800			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		BÌNH VĂN VIỆT				TỶ LỆ:			



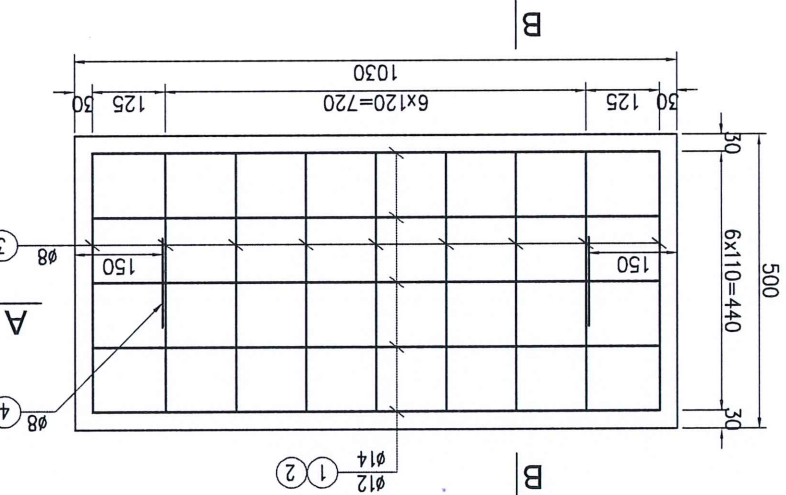
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	BÌNH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA	VU XUAN HOA

- ĐƠN VỊ TRONG BẢN VẼ LÀ MM
- Rãnh xây gạch không nung VXM M75 dày 22cm
 - Trát mặt trong thành rãnh xây gạch VXM M75 dày 1.5cm
 - Tấm đan rãnh BTCT đúc sẵn đá 1x2 M250
 - Giăng dịnh rãnh BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250

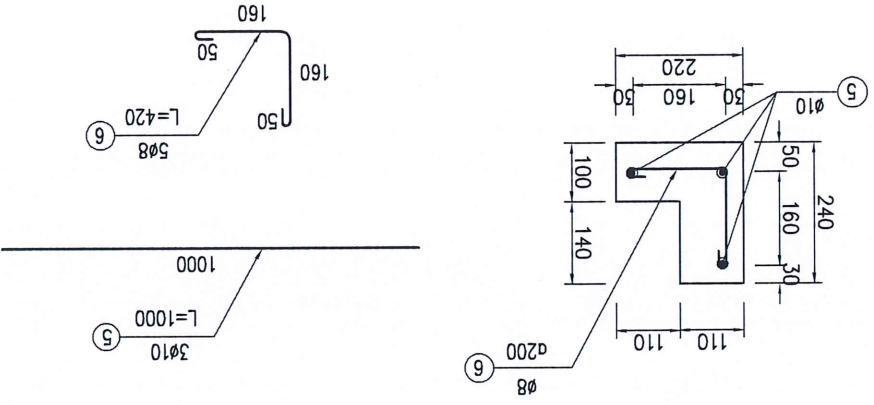
GIẢI THÍCH:



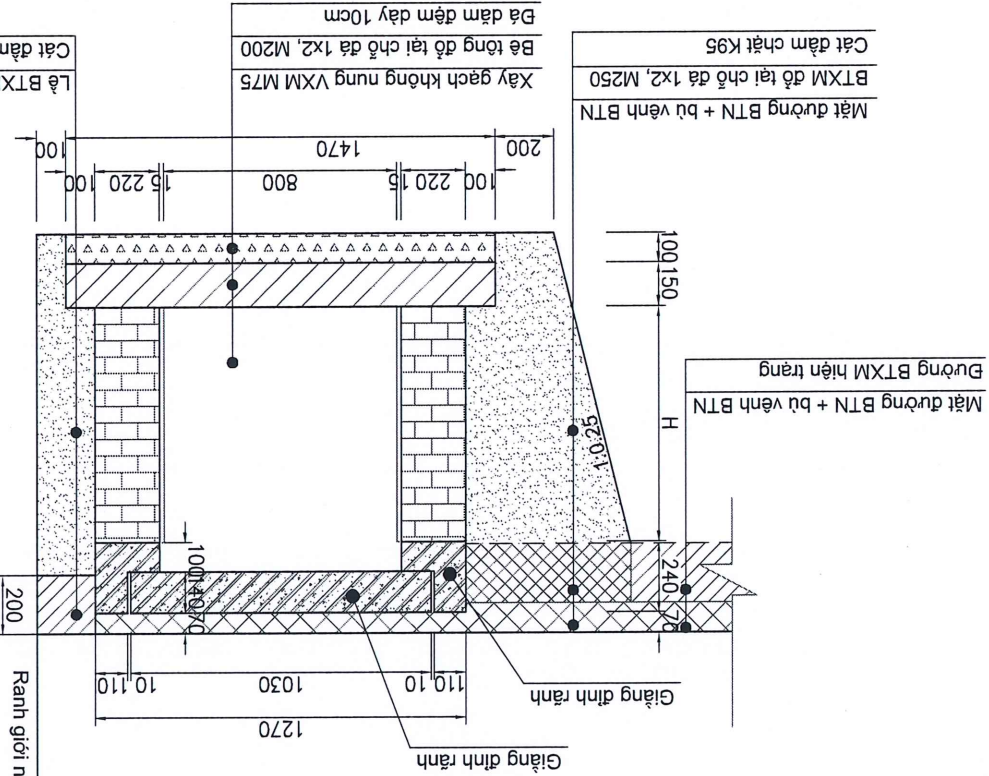
MẶT CẮT A-A



TẦM ĐAN RÀNH B600

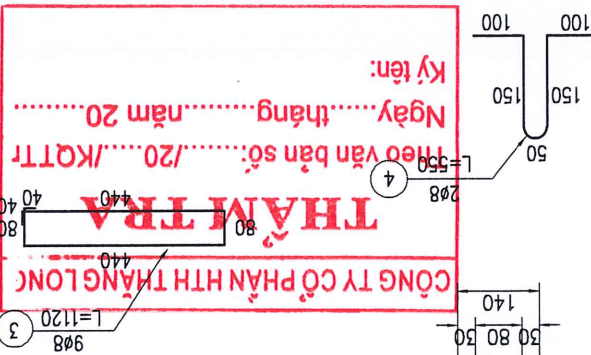


MẶT CẮT 2-2

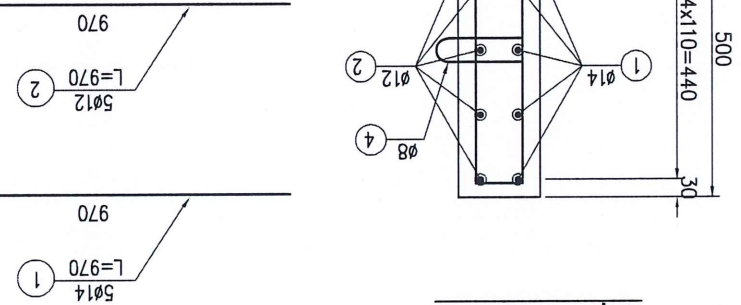


Tên thanh	Đường kính (mm)	Chiều dài (mm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Khối lượng (kg)
1	14	970	5	4.85	1.210	5.869
2	12	970	5	4.85	0.890	4.317
3	8	1120	9	10.08	0.390	3.931
4	8	550	2	1.10	0.390	0.429
Diện tích vữa khuôn						0.428 m ²
Khối lượng thép D≤10mm						4.360 kg
Khối lượng thép 10<D≤18mm						10.185 kg
Thể tích bê tông						0.072 m ³
giăng dịnh rãnh (tính cho 1m dài giăng)						
5	10	1000	3	3.00	0.620	1.860
6	8	420	5	2.10	0.390	0.819
Diện tích vữa khuôn						0.480 m ²
Khối lượng thép D≤10mm						2.679 kg
Khối lượng thép 10<D≤18mm						0.000 kg
Thể tích bê tông						0.037 m ³

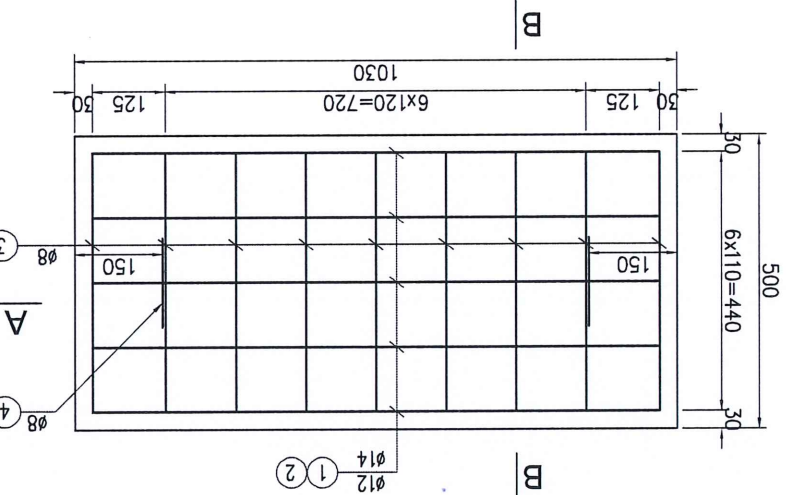
BẢNG KHỐI LƯỢNG RÀNH B800



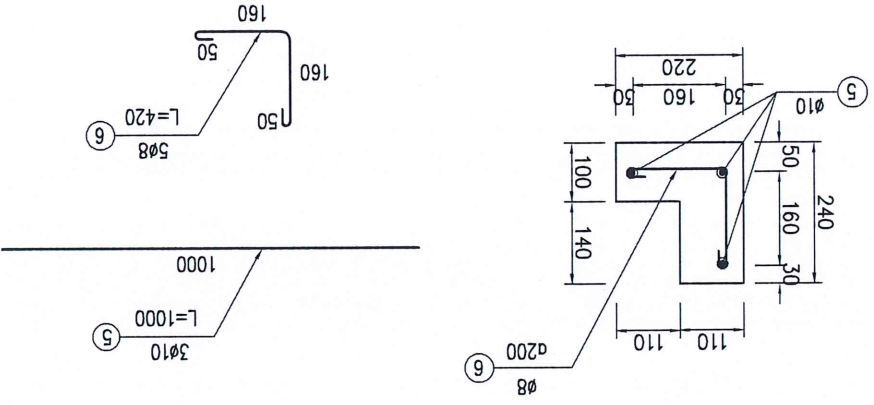
MẶT CẮT B-B



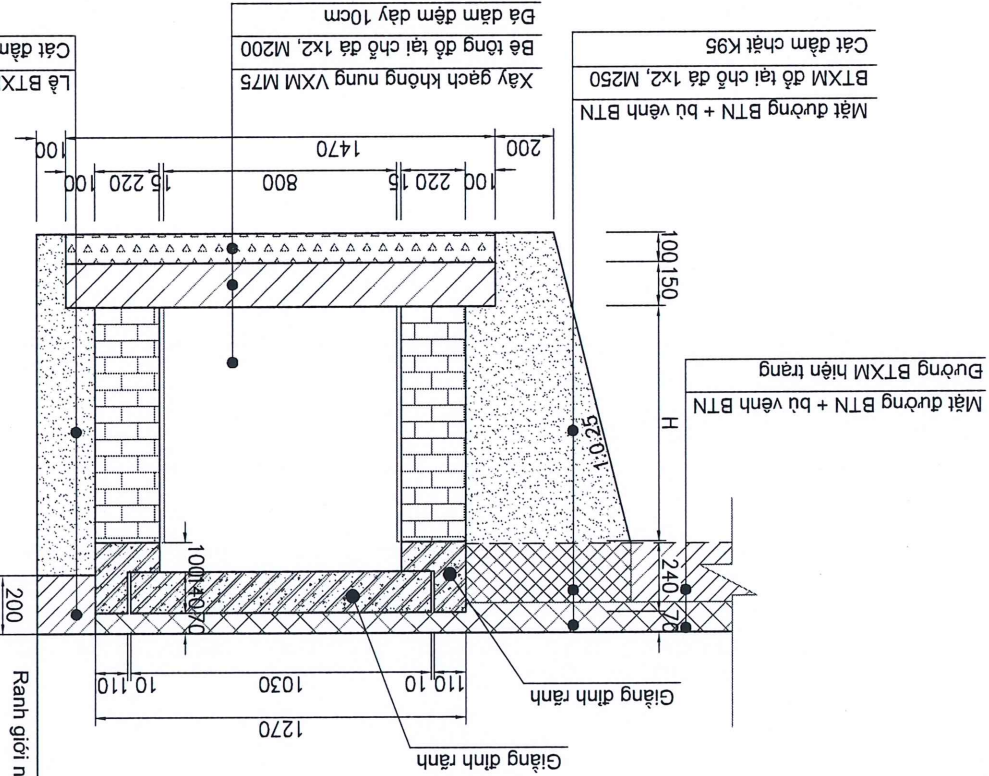
MẶT CẮT A-A



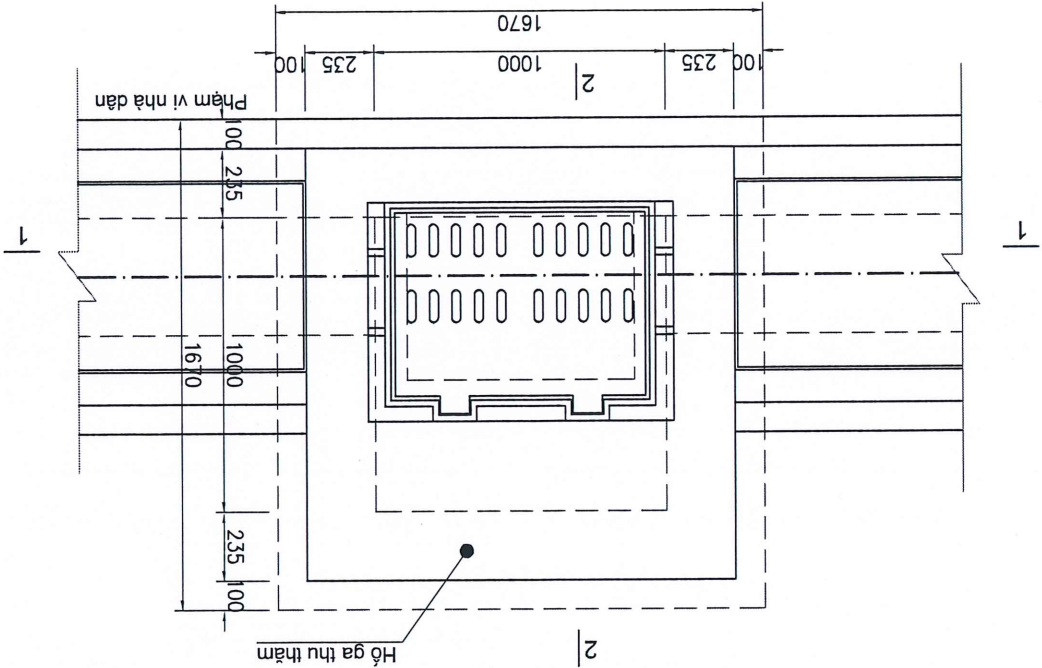
TẦM ĐAN RÀNH B600



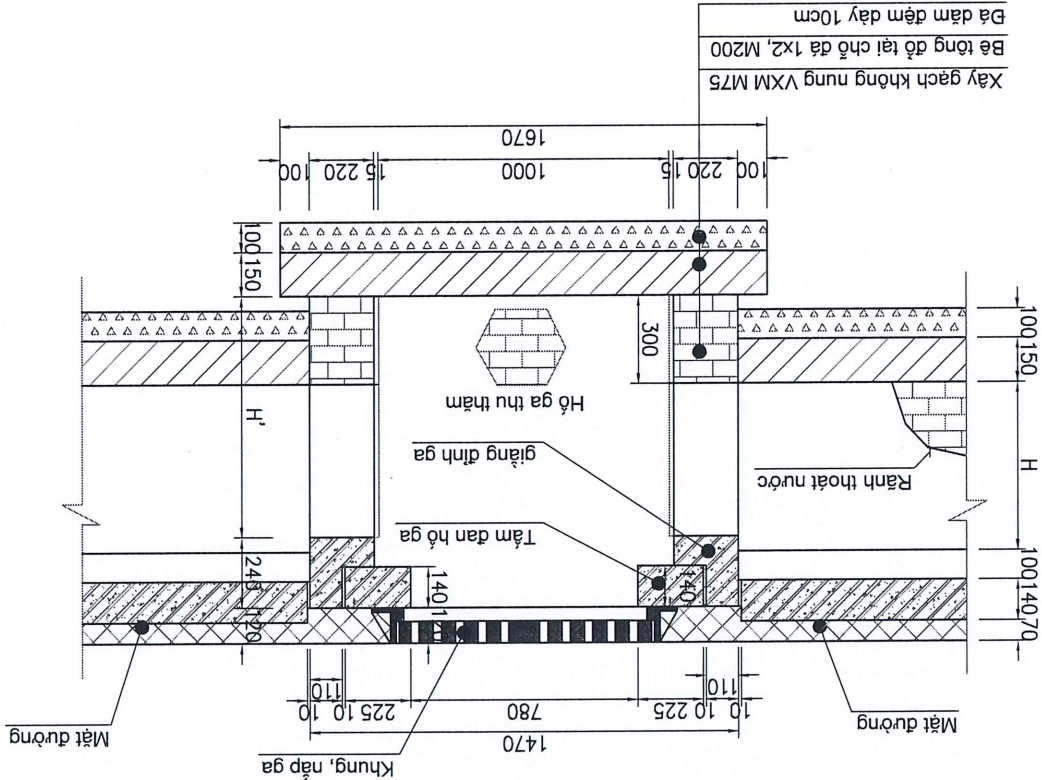
MẶT CẮT 2-2



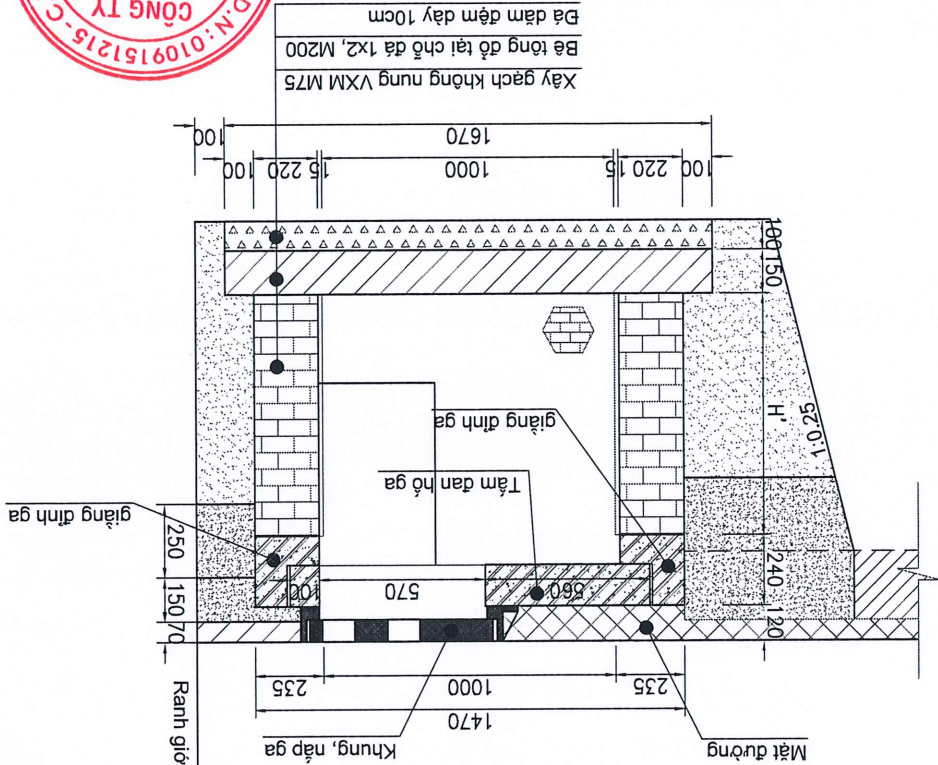
		CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THÌNH PHÁT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG THỜI CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN TUẤN		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐINH VĂN VIỆT		THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU THÀNH		
KIỂM TRA VU XUAN HOA						
						VU VĂN TƯỜNG
						NĂM XUẤT BẢN: 2025
						KỶ HIỆU: TN - 43
						BỘ TRƯỞNG HỒ GÀ THU THẬP



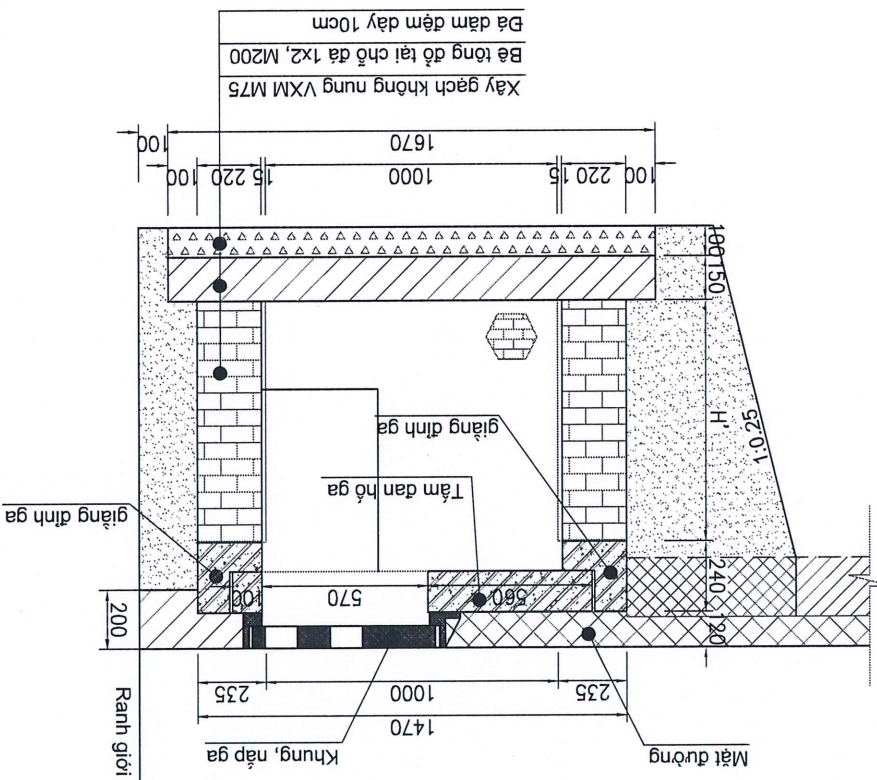
MẶT BẰNG BƠ TRÍ HỒ GÀ



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 2-2

GHI CHÚ:

- Đơn vị trong bản vẽ là mm
- Hồ ga xây gạch không nung VXM M75
- Trát mặt trong hồ ga VXM M75 dày 1.5cm
- Bày BTXM đổ tại chỗ đá 1x2 M200#, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm
- Tấm đan BTCT đúc sẵn đá 1x2 M250#
- Giằng đỉnh hồ ga BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250#
- Nắp ga thu thập Composite tải trọng 250KN

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20../KQTTr
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI

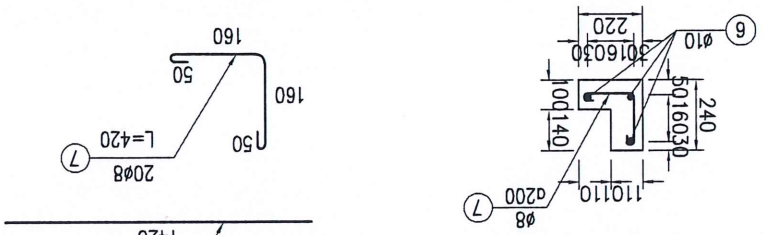
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: BÌNH VĂN VIỆT
THIẾT KẾ: NGUYỄN HỮU THÀNH
KIỂM TRA: VU XUAN HOA

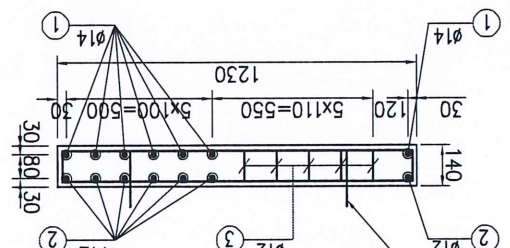


BỘ TRƯỞNG CỘT THÉP
TẦM ĐÀN, GIẢNG ĐÌNH HỒ GA THU THĂM
NĂM XUẤT BẢN: 2025
HÀNG MỤC: KÝ HIỆU: TN - 44

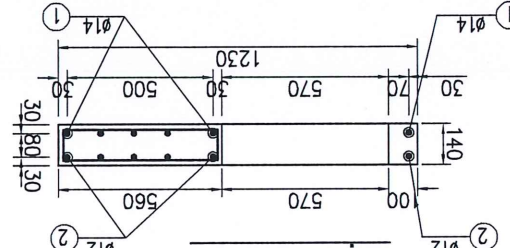
GIẢNG ĐÌNH



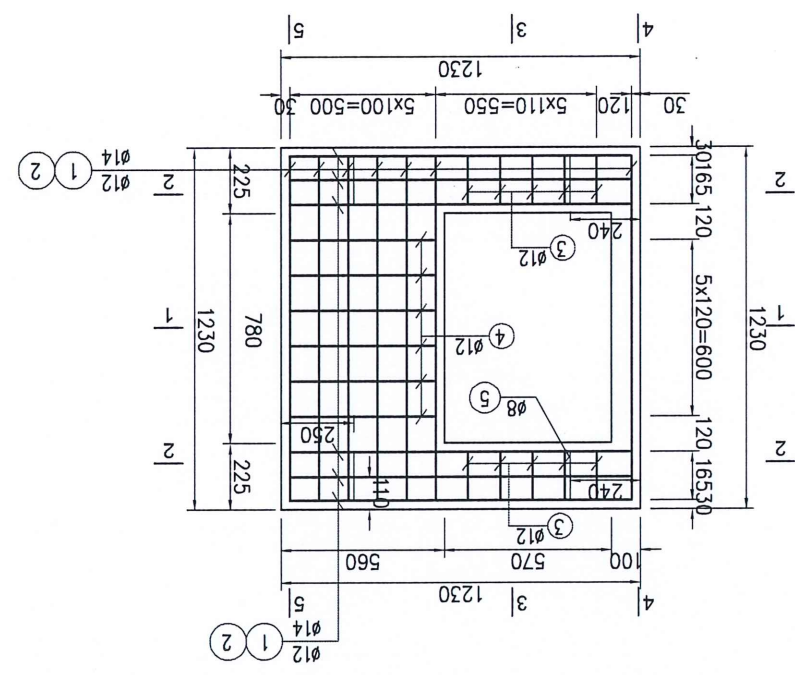
MẶT CẮT 2-2



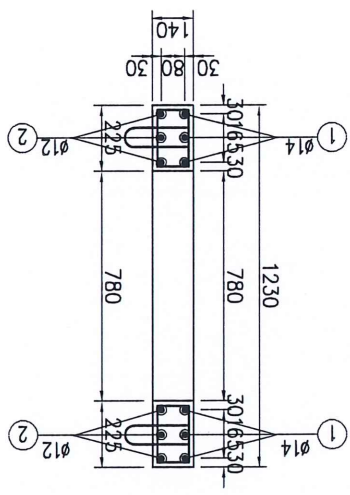
MẶT CẮT 1-1



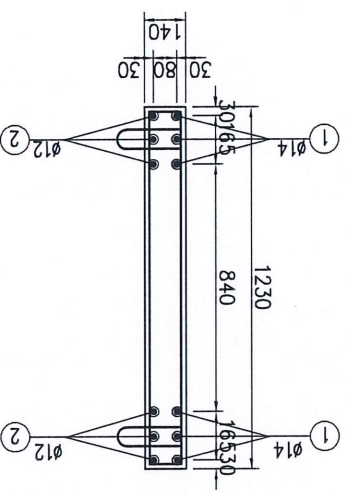
MẶT BẰNG BỘ TRÍ CỘT THÉP



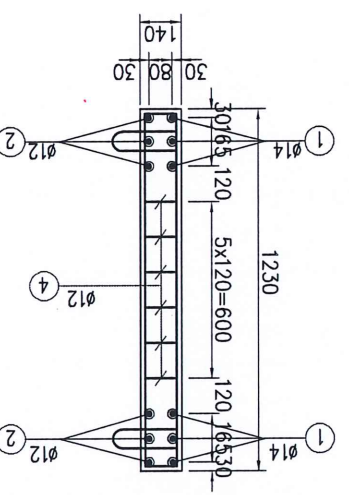
MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5



GHI CHÚ:

- Tầm đàn hồ ga BTCT đúc sẵn đá 1x2 M250#
- Giảng đình hồ ga BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250#
- Kích thước trong bản vẽ là mm

Tên thanh	Đường kính (mm)	Chiều dài (mm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Khối lượng (kg)
1	14	1170	13	15.21	1.210	18.404
2	12	1170	13	15.21	0.890	13.537
3	12	590	10	5.90	0.890	5.251
4	12	1260	6	7.56	0.890	6.728
5	8	660	4	2.64	0.390	1.030
Diện tích văng khuôn						1.067 m ²
Khối lượng thép D≤10mm						1.030 kg
Khối lượng thép 10<D≤18mm						43.920 kg
Thể tích bê tông						0.150 m ³
giảng đình hồ ga (tính cho 01 hồ ga)						
6	10	1420	12	17.04	0.62	10.56
7	8	420	20	8.40	0.39	3.28
Diện tích văng khuôn						2.523 m ²
Khối lượng thép D≤10mm						13.841 kg
Thể tích bê tông						0.185 m ³

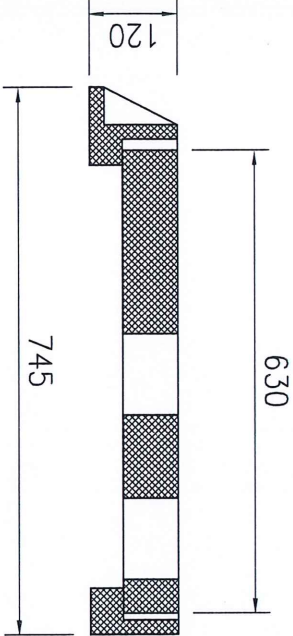
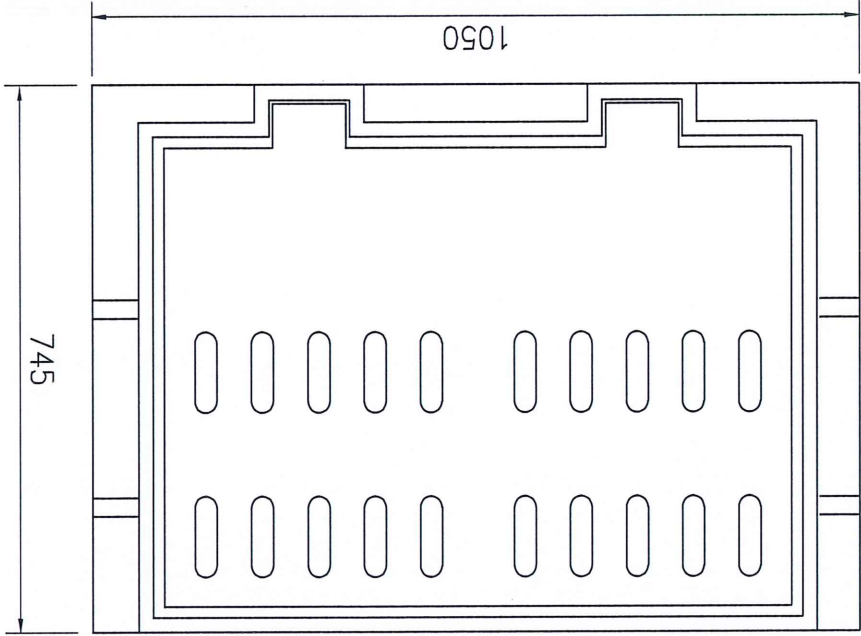
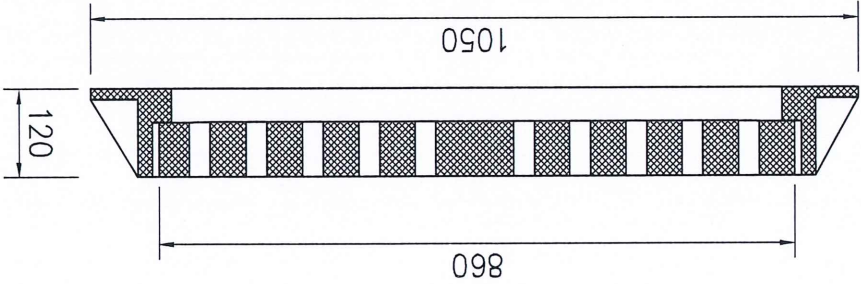
BẢNG KHỐI LƯỢNG HỒ GA

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LÔNG
THĂM TRA
Theo văn bản số:/20...../KQTT
Ngày:thángnăm 20.....
Ký tên:

	CHỦ ĐẦU TƯ		ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT				KIỂM TRA	VU XUAN HOA		
	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG								THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH		
	CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI		CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG								CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT		
CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ:	NẠP HỒ GÀ THU THĂM						
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG		THÊM										
CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI		CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG		THÊM										
HÀNG MỤC:		KỶ HIỆU: TN - 45												

THUYẾT MINH SẢN PHẨM:

- Kích thước bản vẽ: mm
- Tải trọng: 250 KN
- Dung sai: ±5mm.
- Vật liệu: COMPOSITE
- + Nắp : 860x630
- + Khuong : 1050x745x120
- Kích thước
- Song chắn rác có khung dẹt thấm thu



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/20...../KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20

Ký tên:

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG

CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG

THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN TUẤN

ĐINH VĂN VIỆT

NGUYỄN HỮU THÀNH

VŨ XUÂN HÒA

HÀNG MỤC:

KỶ HIỆU: TN - 46

NĂM XUẤT BẢN: 2025

TỶ LỆ:

HỒ THU NƯỚC TẬN DỤNG TUYẾN T5

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG

CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG

THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN TUẤN

ĐINH VĂN VIỆT

NGUYỄN HỮU THÀNH

VŨ XUÂN HÒA

HÀNG MỤC:

KỶ HIỆU: TN - 46

NĂM XUẤT BẢN: 2025

TỶ LỆ:

HỒ THU NƯỚC TẬN DỤNG TUYẾN T5

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG

CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG

THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN TUẤN

ĐINH VĂN VIỆT

NGUYỄN HỮU THÀNH

VŨ XUÂN HÒA

HÀNG MỤC:

KỶ HIỆU: TN - 46

NĂM XUẤT BẢN: 2025

TỶ LỆ:

HỒ THU NƯỚC TẬN DỤNG TUYẾN T5

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG

CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG

THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN TUẤN

ĐINH VĂN VIỆT

NGUYỄN HỮU THÀNH

VŨ XUÂN HÒA

HÀNG MỤC:

KỶ HIỆU: TN - 46

NĂM XUẤT BẢN: 2025

TỶ LỆ:

HỒ THU NƯỚC TẬN DỤNG TUYẾN T5

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỊNH PHÁT

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG

CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG

THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN TUẤN

ĐINH VĂN VIỆT

NGUYỄN HỮU THÀNH

VŨ XUÂN HÒA

HÀNG MỤC:

KỶ HIỆU: TN - 46

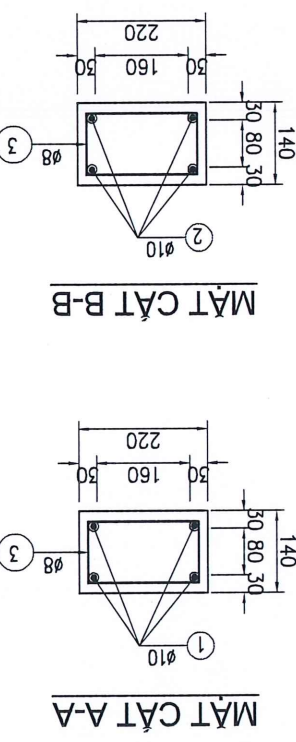
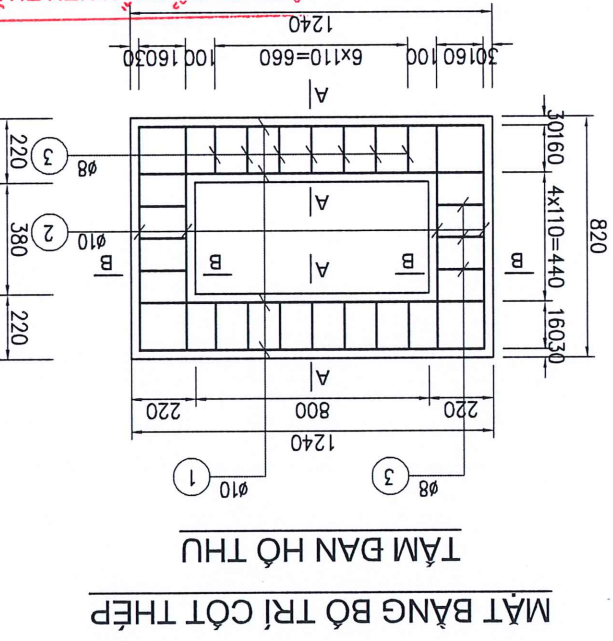
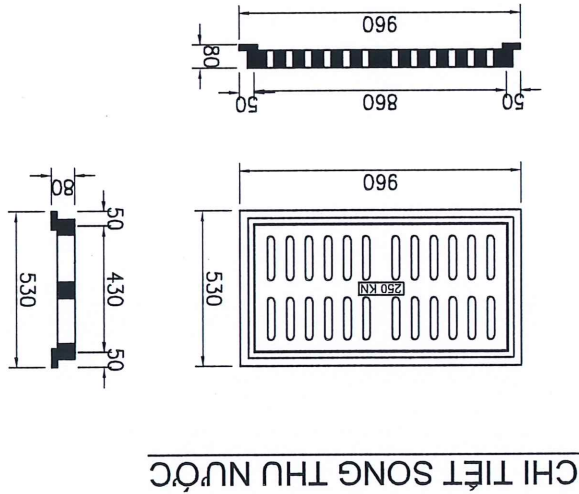
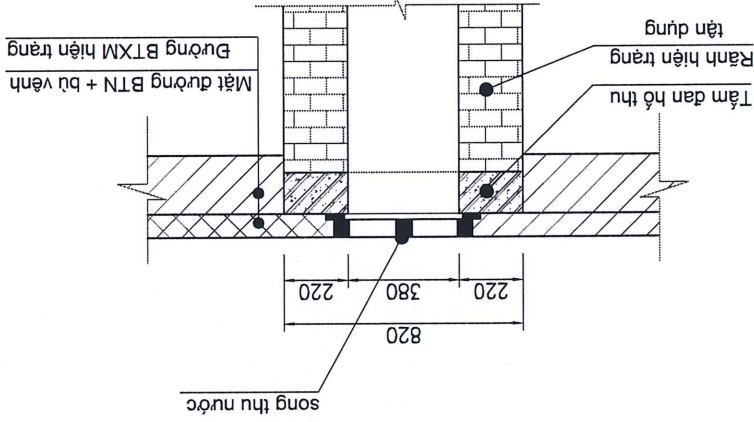
NĂM XUẤT BẢN: 2025

TỶ LỆ:

HỒ THU NƯỚC TẬN DỤNG TUYẾN T5

GHI CHÚ:

- Đơn vị trong bản vẽ là mm
- Giằng định hồ thu BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M250#
- Song chắn rác có khung kích thước 960x530x80
- Vật liệu: COMPOSITE
- Dung sai: ±5mm.
- Tải trọng: 250 KN



THẨM TRA

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG

Theo văn bản số: /20/...../KQTT

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

BẢNG KHỐI LƯỢNG HỒ THU NƯỚC

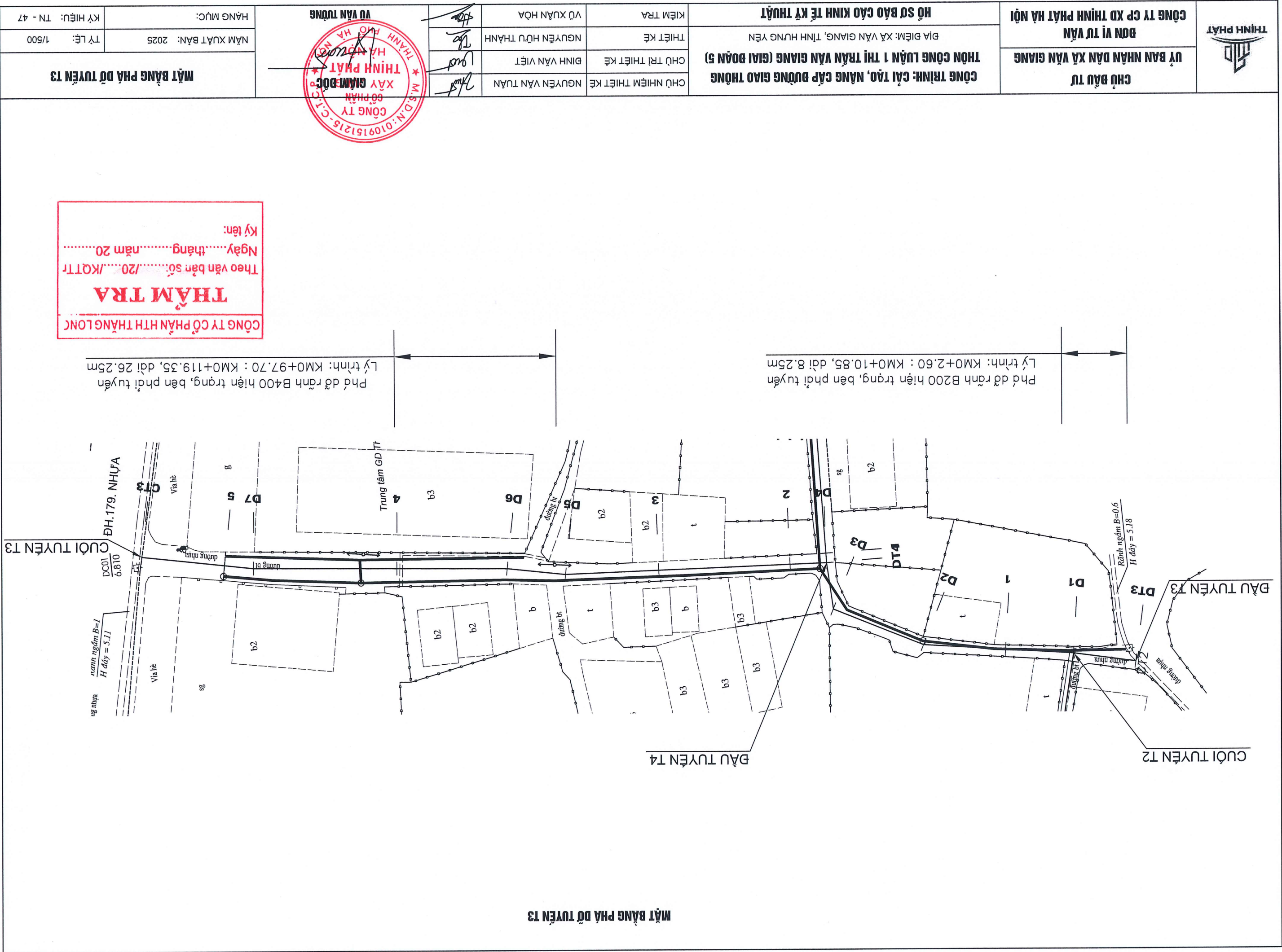
Tên thanh	Đường kính (mm)	Chiều dài (mm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Khối lượng (kg)
1	10	1180	8	9.44	0.620	5.853
2	10	760	8	6.08	0.620	3.770
3	8	580	20	11.60	0.390	4.524

Diện tích ván khuôn: 0.907 m²

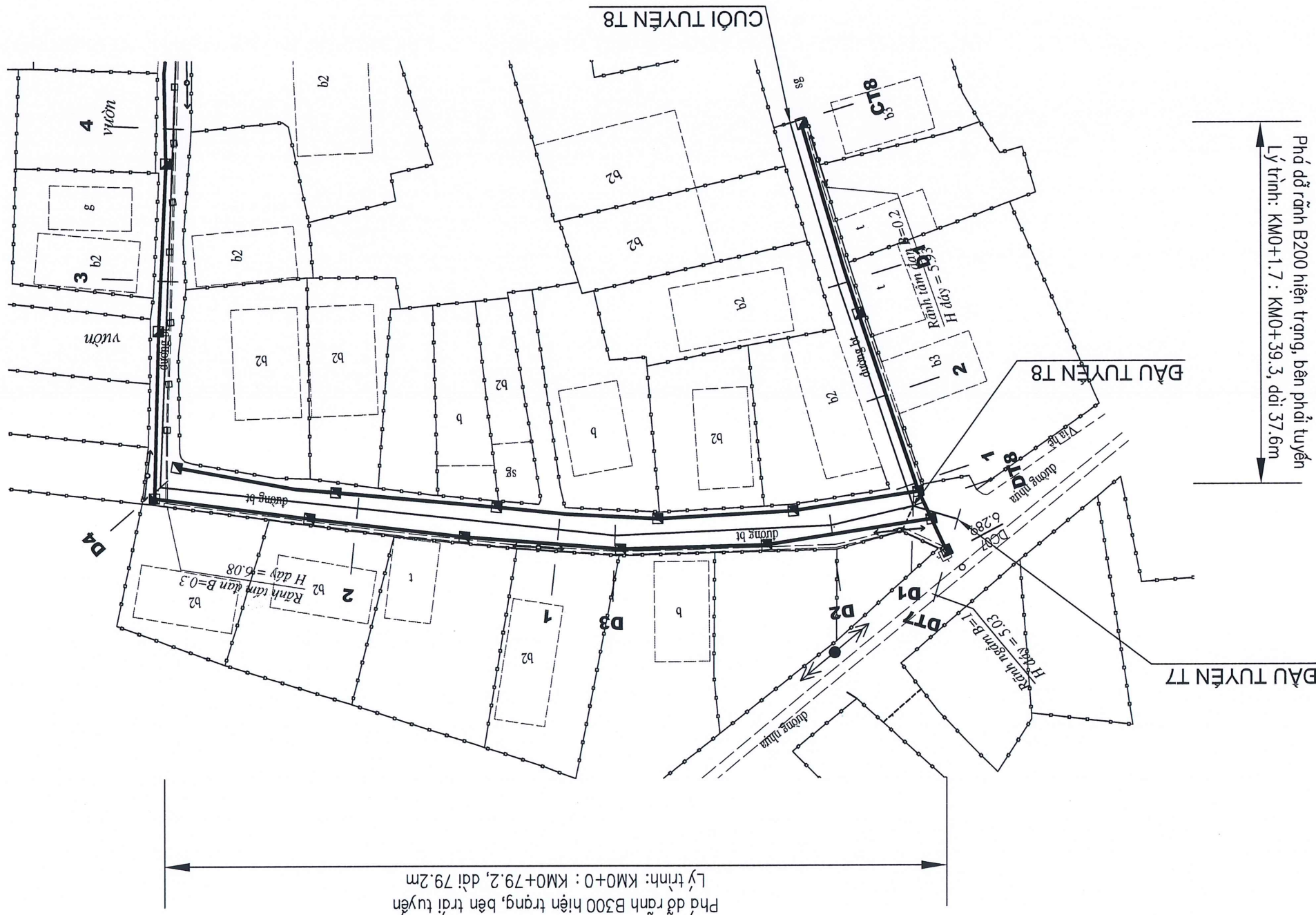
Khối lượng thép D≤10mm: 14.146 kg

Khối lượng thép 10<D≤18mm: 0.000 kg

Thể tích bê tông: 0.100 m³



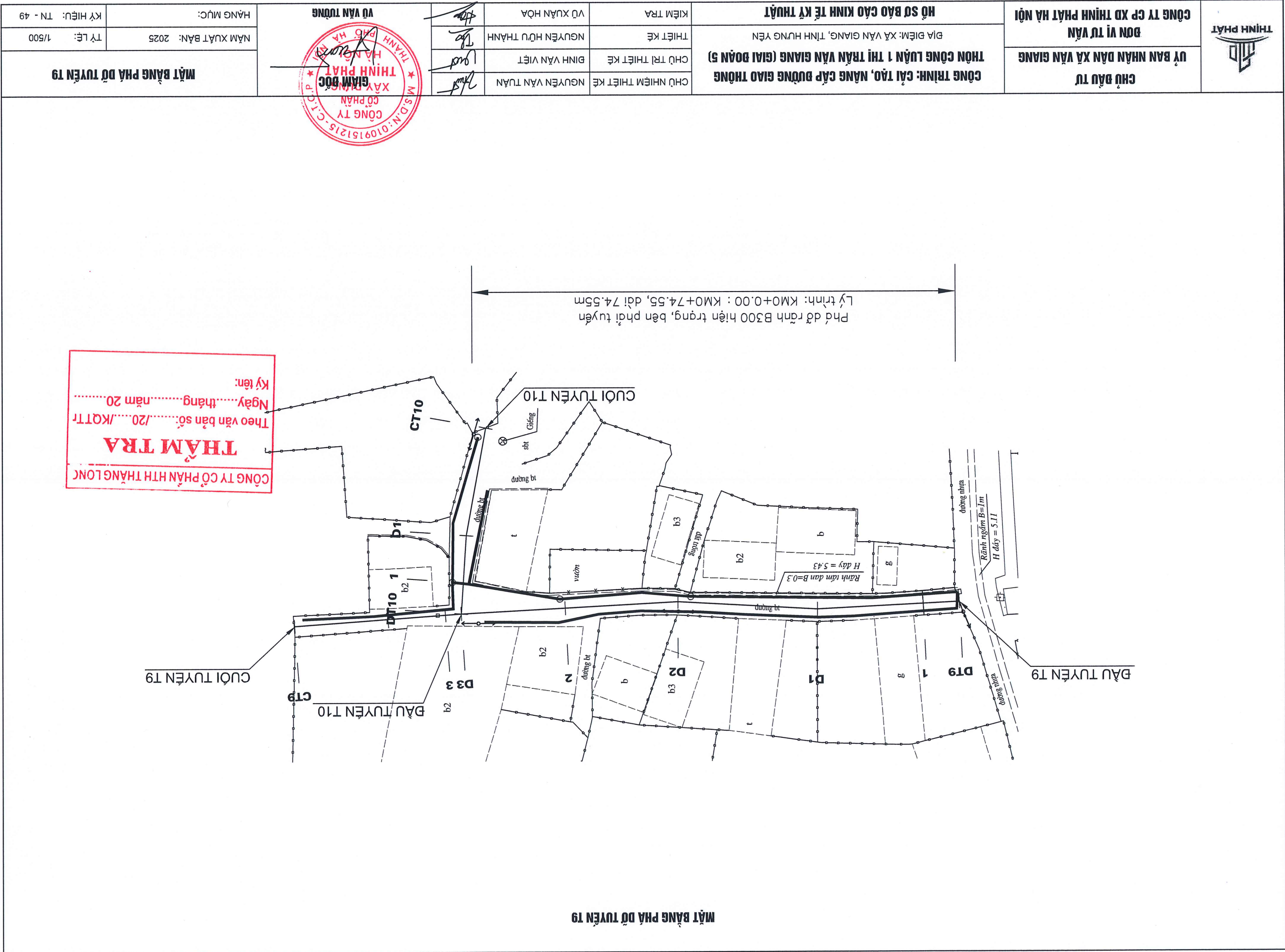
		CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THÌNH PHÁT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN TUẤN CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: BÌNH VĂN VIỆT THIẾT KẾ: NGUYỄN HỮU THÀNH KIỂM TRA: VU XUÂN HÒA				
MẶT BẰNG PHẠ ĐỒ TUYẾN T7, TUYẾN T8		NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ: 1/500		HÀNG MỤC: KỶ HIỆU: TN - 48					



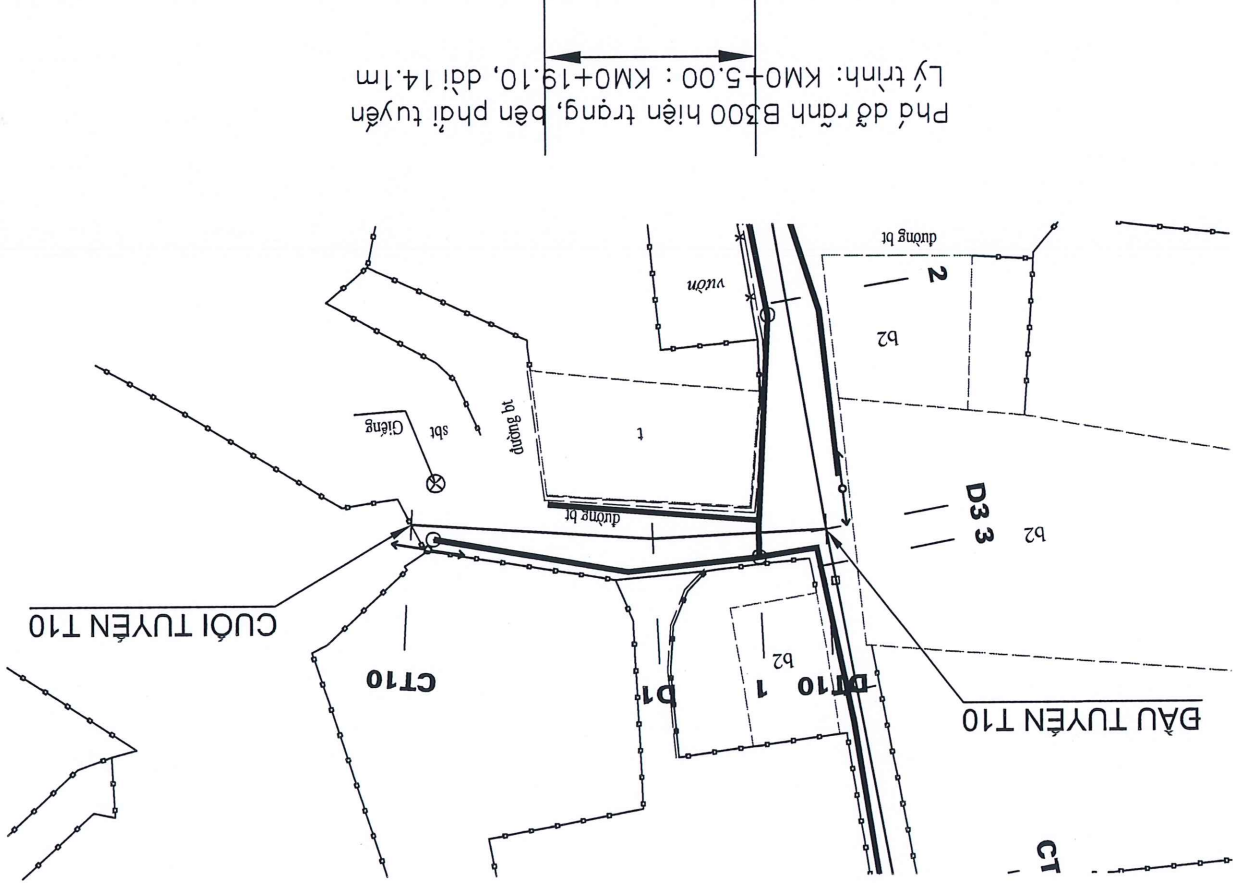
Phố dũ rãnh B200 hiện trạng, bên phải tuyến
Lý trình: KM0+1.7 : KM0+39.3, dài 37.6m

Phố dũ rãnh B300 hiện trạng, bên trái tuyến
Lý trình: KM0+0 : KM0+79.2, dài 79.2m

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THÀNH LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20../KQT Tr
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



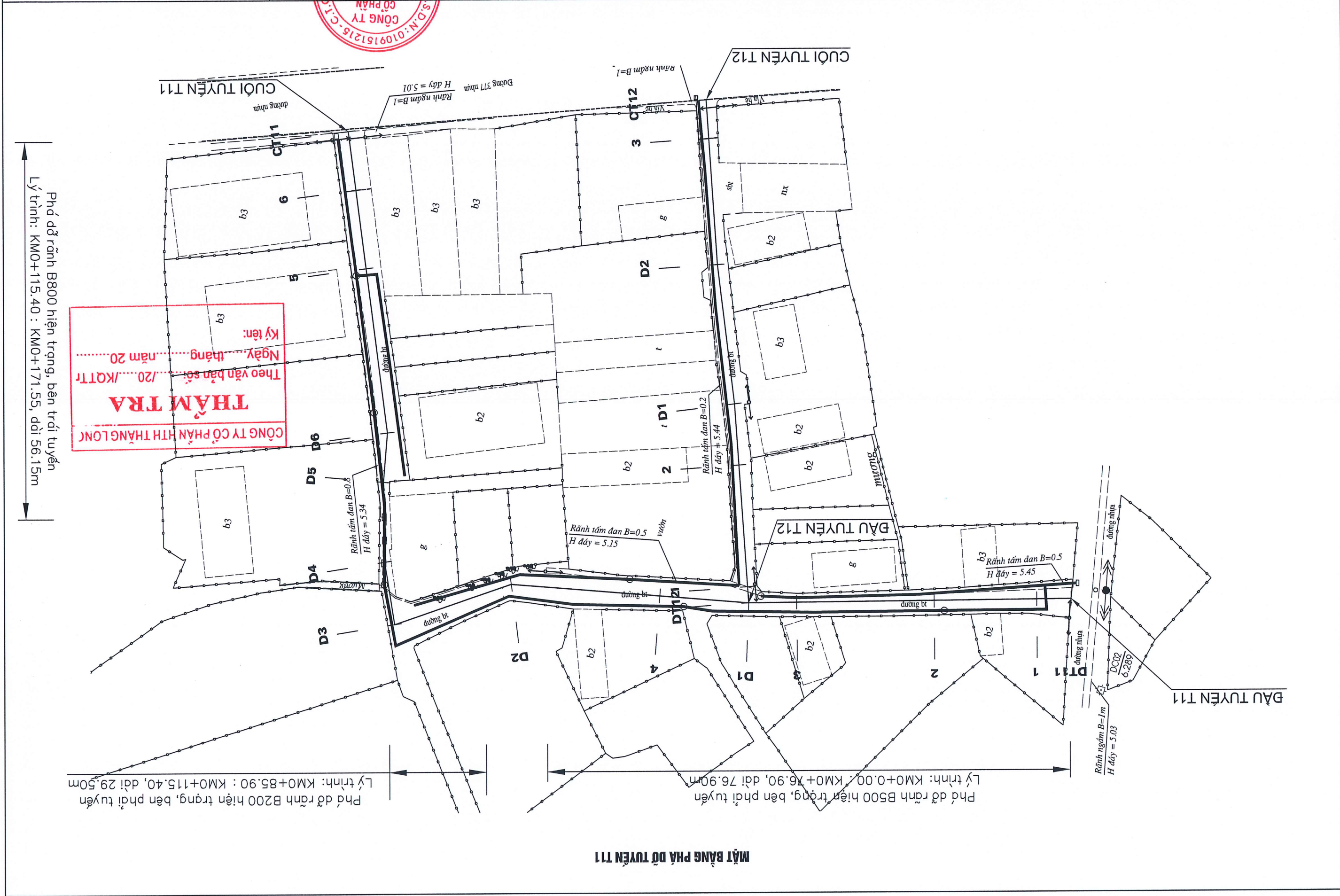
		CHỦ ĐẦU TƯ		ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	
		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG		THỌNG CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
MẶT BẰNG PHẠ ĐỒ TUYẾN T10		NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ: 1/500		HẠNG MỤC:		KÝ HIỆU: TN - 50	



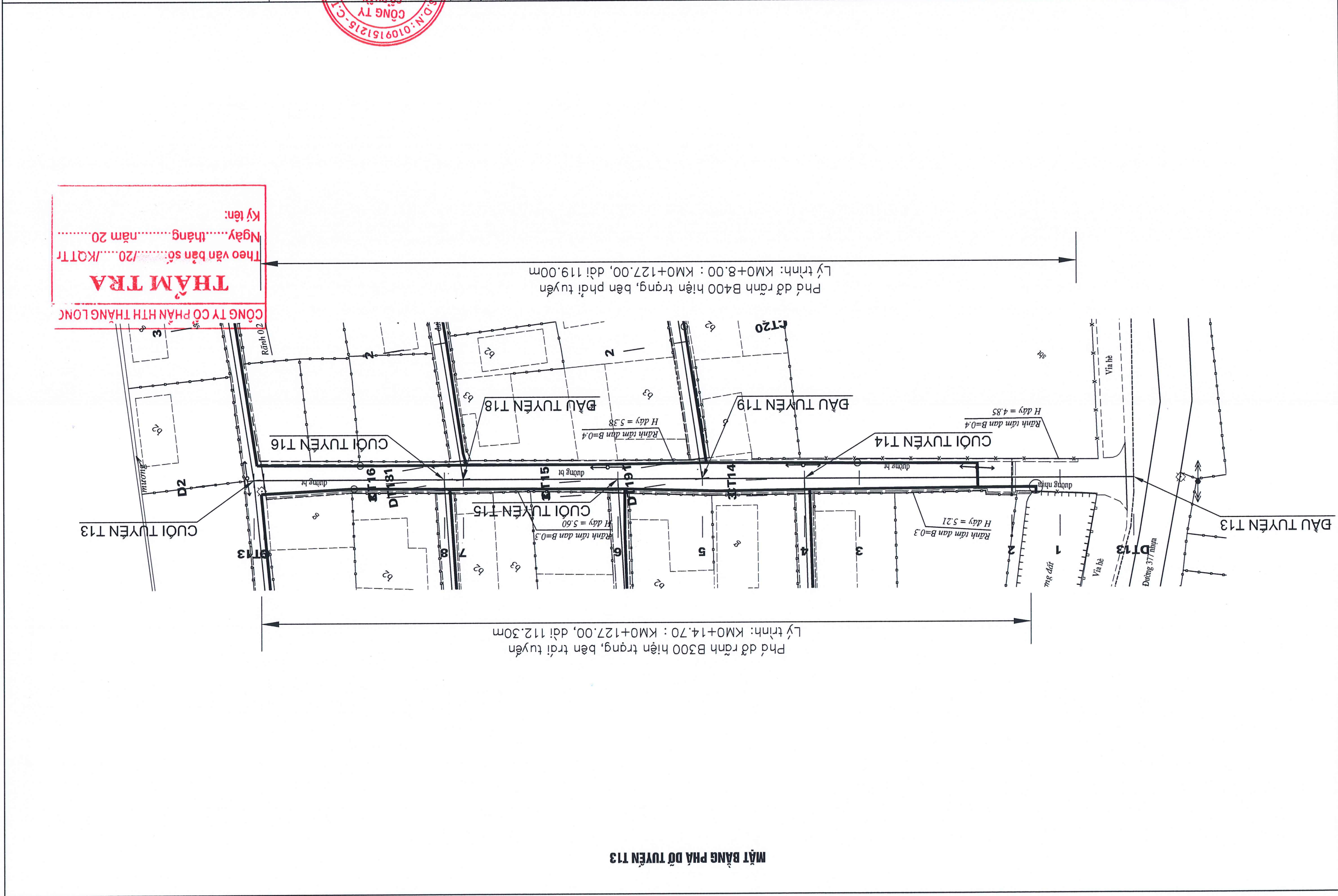
CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LÔNG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT BẰNG PHẠ ĐỒ TUYẾN T10

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỊNH PHÁT		CHỦ ĐẦU TƯ		UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG		THỜI CÔNG LẦN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		KIỂM TRA	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN TUẤN		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		THIẾT KẾ		VU XUAN HOA	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN TUẤN		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		THIẾT KẾ		VU XUAN HOA	
HANG MUC:		NAM XUAT BAN: 2025		TY LE:		KY HIEU: TN - 51		MAT BANG PHA DO TUYEN T11	

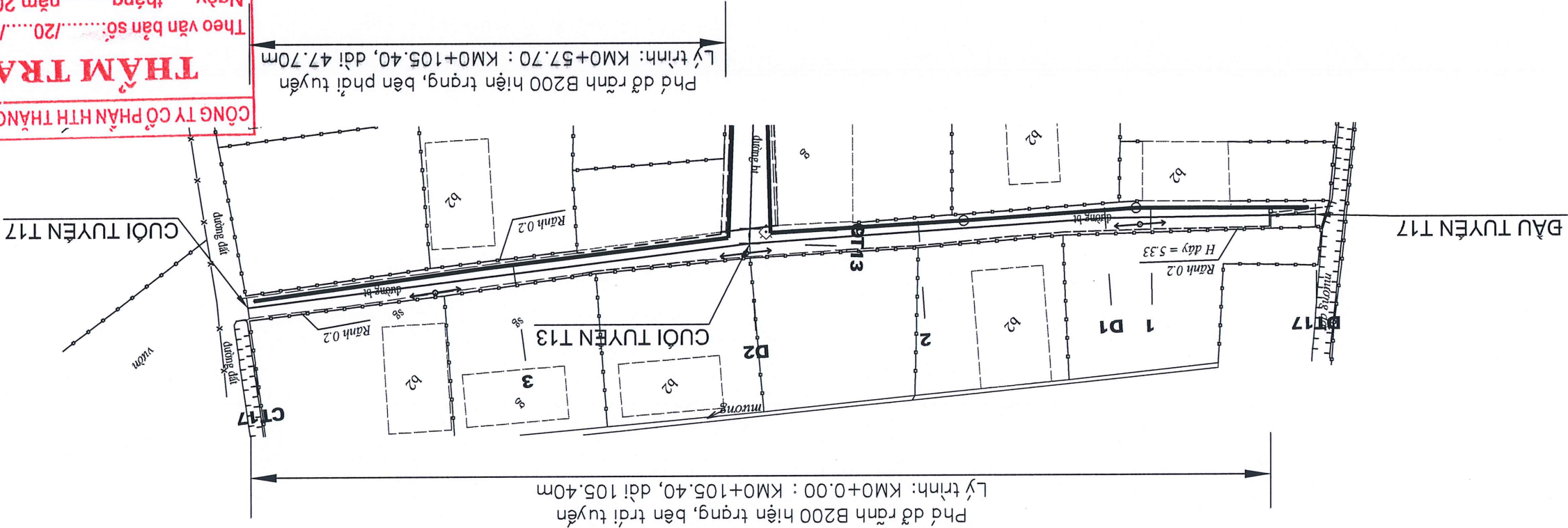


	CHỦ ĐẦU TƯ	ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG		THỌNG CÔNG LƯỢNG 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	THIẾT KẾ
KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA	
		MẶT BẰNG PHẠ DỮ TUYẾN T13
		NĂM XUẤT BẢN: 2025
HÀNG MỤC:	KỶ HIỆU: TN - 53	



		CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LỰAN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT
		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	KIỂM TRA	VŨ XUÂN HÒA
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT					
MẶT BẰNG PHẠ DỠ TUYẾN T17					
HÀNG MỤC:		VŨ VĂN TƯỜNG			
KÝ HIỆU: TN - 54					
NĂM XUẤT BẢN: 2025					
TỶ LỆ: 1/500					

CÔNG TY CỔ PHẦN HTHT THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



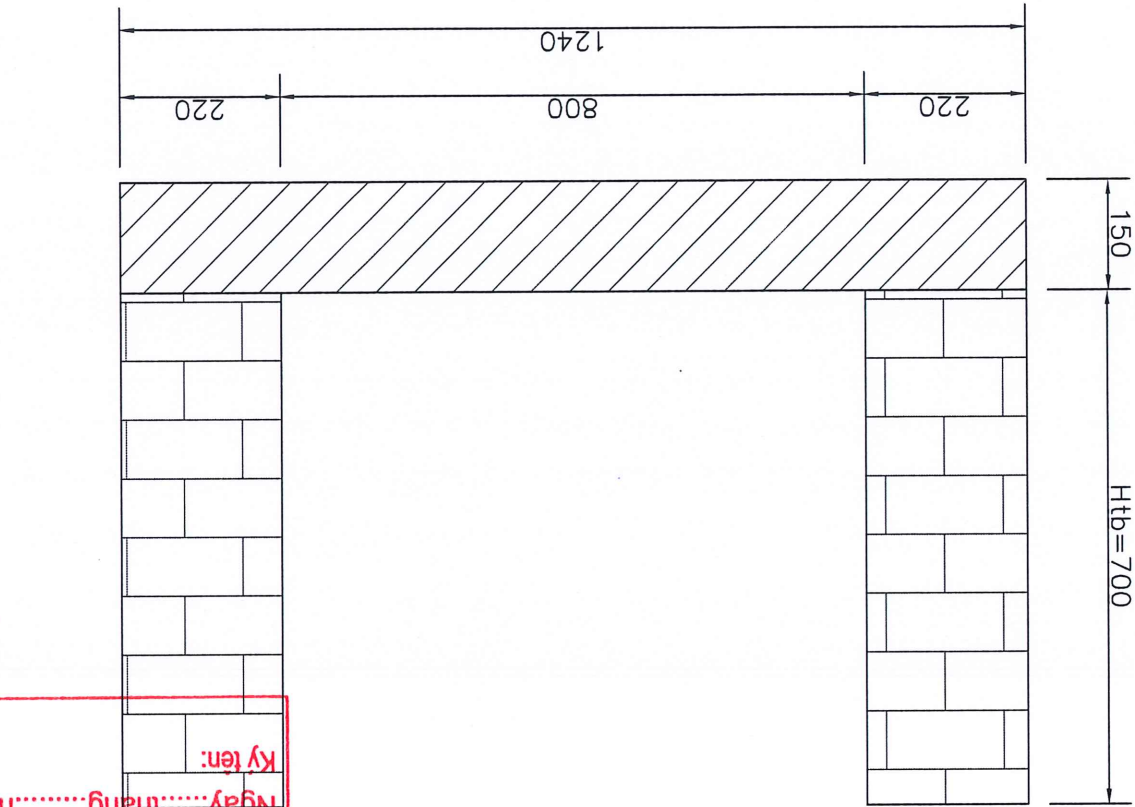
MẶT BẰNG PHẠ DỠ TUYẾN T17

	CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	VU XUAN HOA		VU VĂN TƯỜNG
	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH								
	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	ĐINH VĂN VIỆT								
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TY CP XD THINH PHÁT HÀ NỘI		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN					
								DIỆN HÌNH PHẠ DỠ RÀNH GẠCH XÂY		
								NĂM XUẤT BẢN: 2025		
								TỶ LỆ: 1/500		
								KÝ HIỆU: TN - 55		
								HÀNG MỨC:		

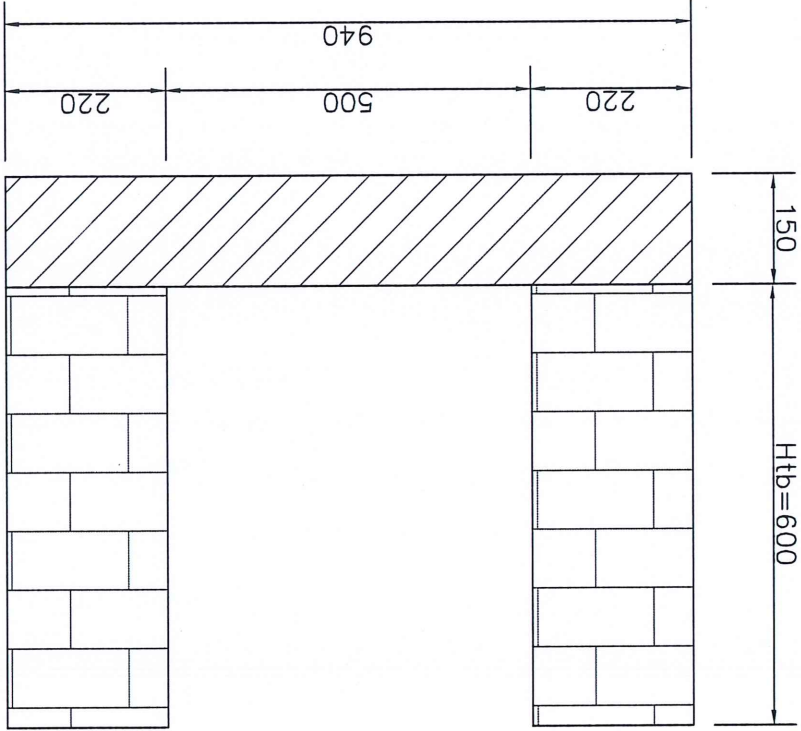
- Đơn vị trong bản vẽ là mm
- Rãnh hiện trạng xây gạch, móng rãnh BTXM
- Tường bao hiện trạng xây gạch

GHI CHÚ:

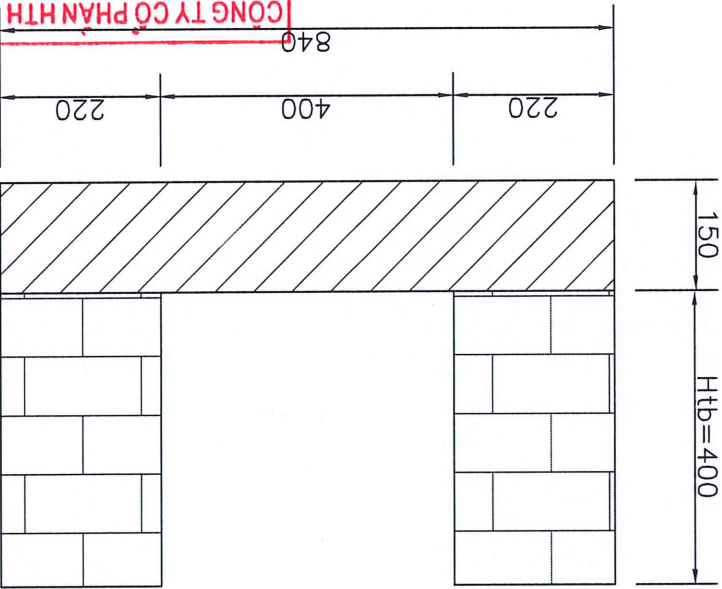
THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
Theo văn bản số:/20...../KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



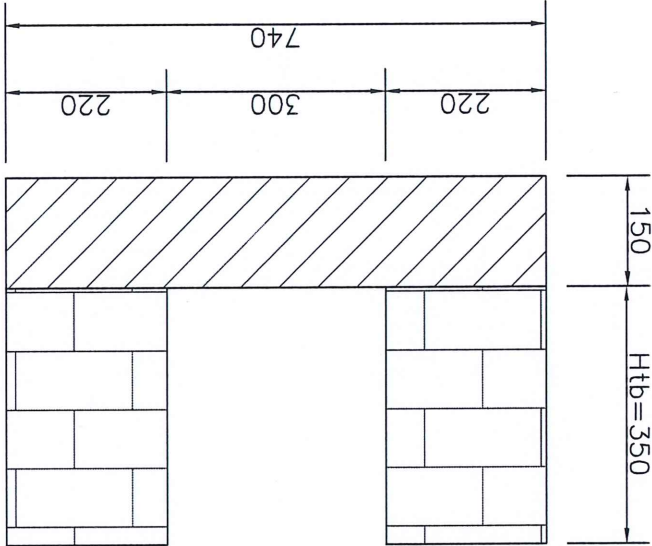
MẶT CẮT DIỆN HÌNH RÀNH PHẠ DỠ B800



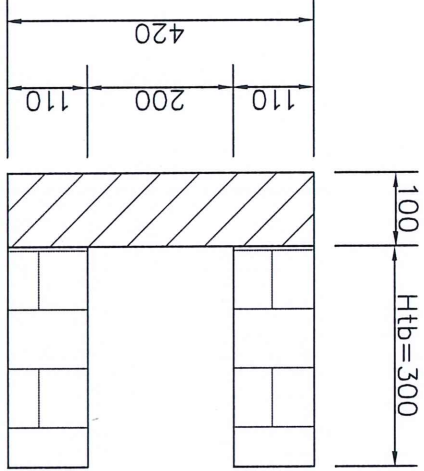
MẶT CẮT DIỆN HÌNH RÀNH PHẠ DỠ B500



MẶT CẮT DIỆN HÌNH RÀNH PHẠ DỠ B400



MẶT CẮT DIỆN HÌNH RÀNH PHẠ DỠ B300



MẶT CẮT DIỆN HÌNH RÀNH PHẠ DỠ B200

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LÔNG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/20...../KQTTtr

Ngày: tháng năm 20.....

Ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC

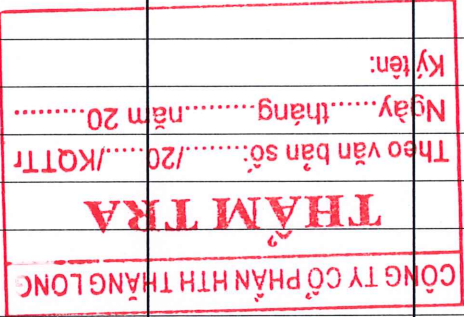
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THỪNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VẠN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẠN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

STT	TÊN HÀNG MỤC	ĐƠN VỊ	Rãnh B400	Rãnh B800	TỔNG KHỐI LƯỢNG
	Tổng chiều dài rãnh	m	1985.00	65.50	2050.50
1	Rãnh thoát nước xây gạch	m	1802.72	61.09	1863.81
a	Tấm đan đúc sẵn	cái	3605.00	122.00	3727.00
	Ván khuôn	m2	1140.62	52.26	1192.89
	Cốt thép D≤10mm	kg	15789.90	531.94	16321.84
	Cốt thép 10<D≤18mm	kg	9144.08	1242.57	10386.65
	Bê tông đúc sẵn đá 1x2 M250	m3	158.98	8.80	167.78
	Lắp đặt tấm đan	cái	3605.00	122.00	3727.00
b	Giằng đỉnh rãnh	m	3605.43	122.18	1789.25
	Ván khuôn	m2	1730.61	58.65	9986.28
	Cốt thép D≤10mm	kg	9658.96	327.32	139.41
	Bê tông đổ tại chỗ đá 1x2 M250	m3	134.84	4.57	
c	Thân rãnh				
	Xây gạch không nung VXM M75, tường dày ≤33cm	m3	451.22	19.34	470.55
	Trát tường VXM M75, dày 1.5cm	m2	2050.98	87.89	2138.87
d	Đáy rãnh				
	Đệm móng dày đá dăm dày 10cm	m3	192.89	8.98	201.87
	Ván khuôn đáy	m2	540.82	18.33	559.14
	Bê tông đổ tại chỗ đá 1x2 M200	m3	289.34	13.47	302.81
	Pha dờ rãnh cũ xây gạch	m3			124.70
	Pha dờ móng rãnh cũ BTXM	m3			82.53
	Đào móng rãnh, đất cấp 2 (đã trừ khối lượng rãnh cũ, mặt đường cũ)	m3			2114.04
	Đắp cát hoàn trả, độ chặt K95	m3			903.04
2	Hố ga thu thām kết hợp	hố			133.00
a	Nắp hố ga				
	Nắp ga thu thām kết hợp bằng Composite (KT: 1050x745x120, tải trọng P=250KN)	cái			133.00
	Lắp đặt nắp hố ga	cái			133.00
b	Tấm đan	cái			133.00
	Ván khuôn	m2			141.88



STT	TÊN HÀNG MỤC	ĐƠN VỊ	Rãnh B400	Rãnh B800	TỔNG KHỐI LƯỢNG
+	Cốt thép D≤10mm	kg			136.94
+	Cốt thép 10<D≤18mm	kg			5841.41
+	Bê tông đúc sẵn đá 1x2 M250	m3			19.89
+	Lắp đặt tấm đan	cái			133.00
c	Giằng đỉnh hố ga				
+	Ván khuôn	m2			335.59
+	Cốt thép D≤10mm	kg			1840.83
+	Bê tông đổ tại chỗ đá 1x2 M250	m3			24.57
d	Thân hố ga				
+	Xây gạch không nung VXM M75, tường dày 22cm	m3			106.17
+	Trát tường VXM M75, dày 1.5cm	m2			458.78
e	Đáy hố ga				
+	Đệm móng dày đá dăm dày 10cm	m3			37.09
+	Ván khuôn đáy	m2			133.27
+	Bê tông đổ tại chỗ đá 1x2 M200, dày 15cm	m3			55.64
+	Đào móng hố ga, đất cấp 2	m3			170.97
3	Công dẫn				
+	ống HDPE D110 L=3m dẫn từ nhà dân sang rãnh thoát nước (phạm vi làm rãnh 1 bên đường)	m			219.00
4	Cải tạo rãnh làm hố ga thu nước (Tuyến 5)	hố			4.00
a	Nắp hố ga				
+	Nắp ga thu trực tiếp bằng Composite (KT: 960x530x80, tải trọng P=250KN)	cái			4.00
+	Lắp đặt nắp hố ga	cái			4.00
b	Tấm đan				
+	Ván khuôn	m2			3.63
+	Cốt thép D≤10mm	kg			56.59
+	Bê tông đúc sẵn đá 1x2 M250	m3			0.40
+	Lắp đặt tấm đan	cái			4.00



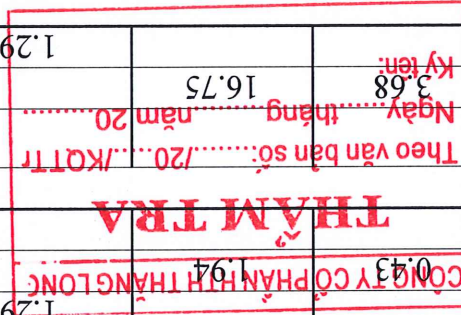
BẢNG KHỐI LƯỢNG RÀNH, HỒ GA

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THỪNG THỌNG CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VẠN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẠN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Tên hồ ga	Khoảng cách công dôn theo tìm rãnh	Khoảng cách lê (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Chiều cao xây hồ ga (m)	Chiều cao xây hồ ga (m)	Khối lượng trát hồ ga (m2)	Chiều dài rãnh (m)	Chiều cao xây rãnh (m)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Khối lượng đào móng hồ ga (m3)
Tổng																
Tuyến thoát nước TN1 (bên trái tuyến T1)																
TN1.1		0.00	6.58	5.54		B400	5.84	5.84	0.68	0.71	2.82	0.43		4.83	21.96	1.29
TN1.2		23.00	6.62	5.42		B400	5.72	5.72	0.84	0.83	3.58	0.59		4.12	18.71	1.29
TN1.3		40.00	6.56	5.34	0.50%	B400	5.64	5.64	0.86	0.85	3.68	0.62		3.81	17.32	1.29
TN1.4		57.00	6.36	5.25	0.50%	B400	5.55	5.55	0.75	0.75	3.21	0.50		4.41	20.03	1.29
TN1.5		79.50	6.20	5.14	0.50%	B400	5.44	5.44	0.70	0.70	3.02	0.45		4.41	20.03	1.29
Tuyến thoát nước TN2 (bên trái tuyến T2)																
TN2.1		0.00	6.18	5.14		B400	5.44	5.44	0.68	0.71	2.82	0.43		5.49	24.97	1.29
TN2.2		13.50	6.25	5.13	0.10%	B400	5.43	5.43	0.76	0.76	3.27	0.51		11.35		1.29
TN2.3		36.50	6.36	5.10	0.10%	B400	5.40	5.40	0.90	0.88	3.81	0.65		4.82	21.90	1.29
TN2.4		53.50	6.46	5.09	0.10%	B400	5.39	5.39	1.01	0.99	4.29	0.76		4.82	21.90	1.29
TN2.5		75.50	6.44	5.06	0.10%	B400	5.36	5.36	1.02	0.99	4.30	0.77		6.91	31.39	1.29
TN2.6		80.50	6.44	5.06	0.10%	B400	5.36	5.36	1.02	1.00	4.32	0.77		6.05		1.29
TN2.7		99.50	6.45	5.04	0.10%	B400	5.34	5.34	1.05	1.02	4.43	0.80		5.67		1.29
TN3P.1		117.00	6.44	5.02			5.32	5.32				0.81				
Tuyến thoát nước TN3 (2 bên tuyến T3)																
DNTN3		0.00	6.41	4.98	-0.45%	B400	5.28	5.28				0.82		2.52	11.45	1.29
TN3P.1		8.50	6.44	5.02	-0.45%	B400	5.32	5.32	1.06	0.97	4.60	0.81		7.03		1.29
TN3P.2		31.00	6.55	5.12			5.42	5.42	1.07	1.04	4.51	0.82		21.03	7.54	1.29
TN3P.3		43.50	6.61	5.16	-0.30%	B400	5.46	5.46	1.09	1.06	4.60	0.84		11.03	4.02	1.29
TN3T.1		51.00	6.66	5.18	-0.30%	B400	5.48	5.48	1.12	1.02	4.86	0.87		19.03	6.47	1.29
TN3T.2		71.50					5.54	5.54	0.92	0.91	3.92	0.67				1.29

Tên hố ga	Khoảng cách công đơn theo tìm rãnh	Khoảng cách lẻ (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Chiều cao xây hố ga (m)	Chiều cao xây hố ga (m)	Chiều dài rãnh (m)	Chiều cao xây rãnh (m)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Khối lượng trát hố ga (m2)	Khối lượng xây hố ga (m3)	Khối lượng đào móng hố ga (m3)
TN3T.3		20.00	91.50	6.41	5.30	B400	5.60	5.60	0.75	3.22	18.53	4.79	21.77	1.29			
			7.50		-0.30%	B400				6.03		0.50	5.98	1.29			
			99.00	6.42	5.32		5.62	5.62	0.74	3.17		0.49	19.69	1.29			
			121.00	6.47	5.39	B400	5.69	5.69	0.72	3.19	19.53	0.47	16.97	1.29			
TN3T.5		121.00			-0.90%	B400							16.97				
TN3T.6		142.00		6.59	5.58		5.88	5.88	0.65	2.70		0.40		1.29			
Tuyển thoát nước TN3P (bên phải tuyến T3)																	
TN3P.4		0.00	6.43	5.42			5.72	5.72	0.65	2.70		0.40		1.29			
TN3P.5		25.00	6.49	5.40	0.10%	B400	5.70	5.70	0.74	3.26	23.53	4.58	20.82				
TN3T.5		28.50	6.47	5.39	0.10%	B400	5.69	5.69			2.03	0.47		1.29			
Tuyển thoát nước TN3P (bên phải tuyến T3)																	
TN3P.5		0.00	6.49	5.40			5.70	5.70				0.48					
TN3P.6		20.50	6.59	5.58	0.90%	B400	5.88	5.88	0.65	2.70	19.03	0.40		1.29			
Tuyển thoát nước TN4 (bên trái tuyến T4)																	
TN3T.1		0.00	6.66	5.64			5.94	5.94				0.41					
TN4.1		14.50	6.91	5.84	-1.40%	B400	6.14	6.14	0.71	3.05	13.03	0.46	11.38	1.29			
TN4.2		14.50			-1.40%	B400							11.60	1.29			
Tuyển thoát nước TN6 (bên trái tuyến T6)																	
TN6.1		0.00	6.89	5.85			6.15	6.15	0.68	2.82	18.53	0.43		1.29			
TN6.2		20.00	6.82	5.79	0.30%	B400	6.09	6.09	0.67	2.89				1.29			
TN6.3		40.00	6.75	5.73	0.30%	B400	6.03	6.03	0.66	2.84	18.53	0.41		1.29			
TN6.4		45.50	6.75	5.71	0.30%	B400	6.01	6.01	0.68	3.02	4.03	0.43		1.29			
Tuyển thoát nước TN7A (bên trái tuyến T7)																	
TN8.2		0.00	6.24	4.81			5.11	5.11				0.82					
TN7A.2		16.50	6.24	4.85	0.25%	B400	5.15	5.15	1.03	1.00	15.03	0.78	23.93	1.29			
TN7A.3		31.00	6.28	4.89			5.19	5.19	1.03	1.00	13.03	0.78	20.26	1.29			
TN7A.4		46.50	6.36	4.95	0.40%	B400	5.25	5.25	1.05	1.02	14.03	0.80	23.18	1.29			



Tên hồ ga	Khoảng cách công đơn theo tìm ranh	Khoảng cách lẻ (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Chiều cao xây hồ ga (m)	Khối lượng trát hồ ga (m2)	Chiều dài rãnh (m)	Chiều cao xây rãnh (m)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Khối lượng đào móng hồ ga (m3)
TN7A.5	62.00	15.50	6.48	5.01	0.40%	B400	5.31	5.31	1.11	1.07	4.66	0.86	5.40	24.53	1.29
TN7A.6	77.50		6.58	5.08	0.40%	B400	5.38	5.38	1.14	4.82	0.89	0.89	5.99	27.21	1.29
TN7A.7	94.00	16.50	6.67	5.14	0.40%	B400	5.44	5.44	1.17	4.91	0.92	0.92	6.08	27.63	1.29
TN7A.8	110.50	16.00	6.74	5.21	0.10%	B400	5.51	5.51	1.14	4.93	0.92	0.92	5.77	26.25	1.29
TN7A.9	126.50	19.50	6.72	5.22	0.10%	B400	5.52	5.52	1.14	4.78	0.89	0.89	5.77	30.67	1.29
TN7A.10	146.00	146.00	6.67	5.24	0.10%	B400	5.54	5.54	1.07	1.04	4.50	0.82	6.75	30.67	1.29
TN7A.11	158.50	12.50	6.57	5.26	0.10%	B400	5.56	5.56	0.95	4.04	11.03	0.70	3.69	16.75	1.29
TN7A.12	171.50	13.00	6.47	5.27	0.10%	B400	5.57	5.57	0.84	3.58	11.53	0.59	3.28	14.91	1.29
TN7A.13	190.50	19.00	6.36	5.29	0.10%	B400	5.59	5.59	0.71	3.05	17.53	0.46	4.06	18.43	1.29
TN7A.14	206.50	16.00	6.32	5.30	0.10%	B400	5.60	5.60	0.66	2.83	14.53	0.41	2.77	12.59	1.29
TN7A.15	211.50	5.00	6.32	5.32	0.35%	B400	5.62	5.62	0.64	2.75	3.53	0.39	0.62	2.80	1.29
TN7A.16	226.00	14.50	6.38	5.37	0.35%	B400	5.67	5.67	0.65	2.79	20.53	0.40	3.46	15.75	1.29
TN7A.17	248.00	22.00	6.43	5.45	0.35%	B400	5.75	5.75	0.62	2.68	0.63	0.37	3.46	15.75	1.29
Tuyến thoát nước TN7B (bên phải tuyến T7)															
TN8.3	0.00	6.22	5.08	0.25%	B400	5.38	5.38	0.76	3.27	11.03	0.54	2.54	0.51	2.74	1.29
TN7B.2	12.50	6.23	5.11	0.25%	B400	5.41	5.41	0.76	3.27	12.03	0.52	2.74	0.51	2.74	1.29
TN7B.3	26.00	6.27	5.14	0.75%	B400	5.44	5.44	0.77	3.29	14.53	0.52	3.16	0.52	3.16	1.29
TN7B.4	42.00	6.34	5.26	0.75%	B400	5.56	5.56	0.72	3.09	14.53	0.47	3.00	0.47	3.00	1.29
TN7B.5	58.00	6.46	5.38	0.75%	B400	5.68	5.68	0.72	3.09	14.53	0.47	3.00	0.47	3.00	1.29
TN7B.6	74.00	6.58	5.50	0.75%	B400	5.80	5.80	0.72	3.09	14.53	0.47	3.00	0.47	3.00	1.29
Tuyến thoát nước TN8 (bên phải tuyến T8)															
TN8.1	0.00	6.29	4.80	0.30%	B400	5.10	5.10	1.13	1.09	4.75	0.88	0.88	0.76	3.44	1.29
TN8.2	3.50	6.24	4.81	0.30%	B400	5.37	5.11	1.07	1.04	4.50	0.82	0.82	0.76	3.44	1.29
TN8.2	3.50	6.24	4.81	0.30%	B400	5.37	5.11	1.07	1.04	4.50	0.82	0.82	0.76	3.44	1.29



THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN HTTH HANG LONG
16.75
3.69
3.28
14.91
Theo văn bản số: /20.../KGT.T
Ngày: 18.43
rằm 20...
Ký tên: 2.77
12.59

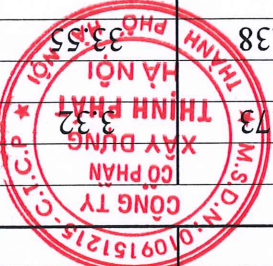
Tên hố ga	Khoảng cách công đơn theo tìm rãnh	Khoảng cách lẻ (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Chiều cao xây hố ga (m)	Khối lượng xây hố ga (m3)	Khối lượng trát hố ga (m2)	Chiều dài rãnh (m)	Chiều cao xây rãnh (m)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Đào móng hố ga (m3)
TN8.5		44.50	6.26	5.20	0.10%	B400	5.50	5.50	0.70	3.01		18.03	0.45	3.53	16.04	1.29
TN8.4		25.00	6.23	5.18	0.10%	B400	5.48	5.48	0.69	2.97		17.03	0.44	3.65	16.60	1.29
TN8.3		6.50	6.22	5.08		B400	5.46	5.38	0.79	3.35			0.54			1.29
Tuyến thoát nước TN9 (bên phải tuyến T9)																
DNTN9		0.00	6.30	5.01	-0.30%	B400	5.31	5.31			0.68			5.44	24.73	
TN9P.1		21.50	6.23	5.07	-0.30%	B400	5.37	5.37	0.80	3.42	0.55	17.53	0.53	4.16	18.89	1.29
TN9P.2		40.50	6.27	5.13	-0.30%	B400	5.43	5.43	0.78	3.32	0.53		0.53	4.18	18.99	1.29
TN9P.3		60.50	6.30	5.19	-0.30%	B400	5.49	5.49	0.75	3.20	0.50	12.53	0.50	4.18		1.29
TN9P.4		74.50	6.31	5.23	-0.30%	B400	5.53	5.53	0.72	3.18	0.47		0.47			1.29
TN9P.5		77.00	6.30	5.24	-0.30%	B400	5.54	5.54	0.66	3.10	0.45		0.45			1.29
TN9P.6		81.00	6.40	5.30	-1.40%	B400	5.60	5.60	0.74	3.18	0.49	21.53	0.49			1.29
TN9P.7		104.00	6.66	5.62	-1.40%	B400	5.92	5.92	0.68	2.82	0.43		0.43			1.29
Tuyến thoát nước TN9 (bên trái tuyến T9)																
DNTN9		0.00	6.30	5.01	-0.30%	B400	5.31	5.31			0.68					
TN9T.1		2.50	6.31	5.02	-0.30%	B400	5.32	5.32	0.93	3.95	0.68	1.03		0.31	1.41	1.29
TN9T.2		23.50	6.24	5.08	-0.30%	B400	5.38	5.38	0.80	3.40	0.55	19.53	0.55	5.27		1.29
TN9T.3		41.50	6.26	5.13	-0.30%	B400	5.43	5.43	0.77	3.29	0.52	16.53	0.52	3.88		1.29
TN9T.4		57.00	6.29	5.18	-0.30%	B400	5.48	5.48	0.75	3.23	0.50	14.03	0.50	3.16		1.29
TN9T.5		74.50	6.32	5.23	-0.30%	B400	5.53	5.53	0.73	3.03	0.48	16.03	0.48	3.47		1.29
Tuyến thoát nước TN10 (bên trái tuyến T10)																
TN9P.5		0.00	6.30	5.24	-0.10%	B400	5.54	5.54			0.45			1.39	6.30	
TN10T.1		9.00	6.25	5.25	-0.10%	B400	5.55	5.55	0.64	2.76	0.39	12.03	0.39	2.16	9.80	1.29
TN10T.2		22.50	6.30	5.26	-0.10%	B400	5.56	5.56	0.68	2.80	0.43		0.43			1.29
Tuyến thoát nước TN10P (bên phải tuyến T10)																
TN9P.4		0.00	6.31	5.23	-0.10%	B400	5.53	5.53			0.47			2.51	11.41	



THẨM TRA
 Ngày: 12/07/2020
 Theo văn bản số: 120/KQT
 Ký tên: 0.52
 Ngày: 2/38 năm 20

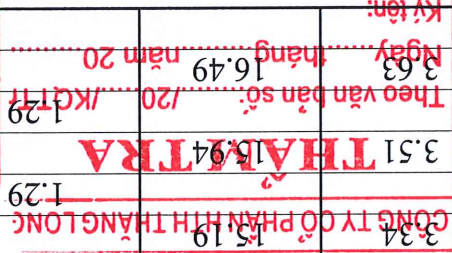
Tên hố ga	Khoảng cách công đơn theo tìm rãnh	Khoảng cách lề (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Chiều cao xây hố ga (m)	Chiều cao xây hố ga (m3)	Khối lượng trát hố ga (m2)	Chiều dài rãnh (m)	Chiều cao xây rãnh (m)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Khối lượng đào móng hố ga (m3)
TN10P.1		14.50	6.26	5.24			5.54	5.54	0.66	0.69	2.74		0.41			1.29
Tuyến thoát nước TN11T1 (bên trái tuyến T11)																
TN11T.1		0.00	6.19	5.15	0.10%	B400	5.45	5.45	0.68	0.68	2.93		0.43			1.29
TN11T.2		15.00	6.16	5.14			5.44	5.44	0.66	0.67	2.87	13.53	0.41	2.51		1.29
TN11T.3		34.00	6.13	5.12	0.10%	B400	5.42	5.42	0.65	0.66	2.82	17.53	0.40	3.11	14.15	1.29
TN11T.4		53.00	6.11	5.10	0.10%	B400	5.40	5.40	0.65	0.66	2.82	24.03	0.40	4.18	19.02	1.29
TN11T.5		78.50	6.07	5.07	0.10%	B400	5.37	5.37	0.64	0.64	2.76	16.53	0.39	3.18	14.46	1.29
TN11T.6		96.50	6.15	5.05	0.10%	B400	5.35	5.35	0.74	0.73	3.16		0.49			1.29
Tuyến thoát nước TN11T2 (bên trái tuyến T11)																
TN11T.6		0.00	6.15	5.05			5.35	5.35					0.49			
TN11T.7		8.50	6.19	5.04	0.10%	B400	5.34	5.34	0.79	0.74	3.27	7.03	0.54			1.29
TN11T.8		34.00	6.28	5.02	0.10%	B800	5.32	5.32	0.90	0.78	3.52	24.03	0.65			1.29
TN11T.9		54.00	6.37	5.00	0.10%	B800	5.30	5.30	1.01	0.86	3.88	18.53	0.76			1.29
TN11T.10		74.00	6.62	4.98	0.10%	B800	5.28	5.28	1.28	0.89	4.59	18.53	1.03			1.29
Tuyến thoát nước TN11P1 (bên phải tuyến T11)																
DNTN11P		0.00	6.21	4.96			5.26	5.26					0.64			
TN11P.1		4.50	6.18	4.96	-0.10%	B400	5.26	5.26	0.86	0.85	3.66	3.03	0.61	0.84		1.29
TN11P.2		23.00	6.17	4.98	-0.10%	B400	5.28	5.28	0.83	0.82	3.52	21.53	0.58			1.29
TN11P.3		46.00	6.15	5.01	-0.10%	B400	5.31	5.31	0.78	0.78	3.35	2.03	0.53			1.29
TN11P.4		49.50	6.16	5.01	-0.10%	B400	5.31	5.31	0.79	0.74	3.48		0.54			1.29
TN11P.5		65.50	6.08	5.03	-0.10%	B400	5.33	5.33	0.69	0.69	2.98	14.53	0.44	3.15	14.30	1.29
TN11P.6		81.50	6.07	5.04	-0.30%	B400	5.34	5.34	0.67	0.67	2.88	14.53	0.42	2.71	12.32	1.29
TN11P.7		97.50	6.13	5.09			5.39	5.39	0.68	0.71	2.82		0.43			1.29
Tuyến thoát nước TN11P2 (bên phải tuyến T11)																
TN11P.8		0.00	6.26	5.22			5.52	5.52	0.68	0.71	2.82	13.53	0.43			1.29
		15.00			0.30%	B400								2.86		12.99

Tên hồ ga	Khoảng cách công đơn theo tìm ranh	Khoảng cách lẻ (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Chiều cao xây hồ ga (m)	Chiều dài rãnh (m)	Khối lượng trát hồ ga (m2)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Chiều cao xây rãnh (m)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Khối lượng đào móng hồ ga (m3)
TN11P.9	15.00		6.31	5.17			5.47	5.47	0.78	3.33		0.53				1.29
TN11P.10	29.50	3.00	6.37	5.13	0.30%	B400	5.43	5.43	0.88	3.76	0.63					1.29
TN11T.9	32.50		6.37	5.12	0.30%		5.42	5.42				0.64				
Tuyến thoát nước TN12 (bên trái tuyến T12)																
TN11P.4	0.00	6.16	5.12				5.42	5.42				0.43				
TN12.1	20.50	6.27	5.18		-0.30%	B400	5.48	5.48	0.73	3.13	0.48					1.29
TN12.2	40.50	6.32	5.24		-0.30%	B400	5.54	5.54	0.72	3.09	0.47					1.29
TN12.3	60.50	6.34	5.30		-0.30%	B400	5.60	5.60	0.68	2.82	0.43					1.29
Tuyến thoát nước TN13T (bên trái tuyến T13)																
TN13T.1	0.00	6.21	4.85				5.15	5.15	1.00	4.33	0.75					1.29
TN13T.2	14.50	6.21	4.88		-0.20%	B400	5.18	5.18	0.97	4.10	0.72					1.29
TN13T.3	29.50	6.23	4.91		-0.20%	B400	5.21	5.21	0.96	4.17	0.71					1.29
TN13T.4	43.00	6.19	4.94		-0.20%	B400	5.24	5.24	0.89	3.78	0.64					1.29
TN13T.5	56.50	6.23	4.96		-0.20%	B400	5.26	5.26	0.91	3.98	0.66					1.29
TN13T.6	82.00	6.26	5.00		-0.20%	B400	5.30	5.30	0.90	3.94	0.65					1.29
TN13T.7	96.00	6.26	5.11		-0.80%	B400	5.41	5.41	0.79	3.38	0.54					1.29
TN13T.8	109.50	6.27	5.22		-0.80%	B400	5.52	5.52	0.69	2.97	0.44					1.29
Tuyến thoát nước TN13P (bên phải tuyến T13)																
TN13T.1	0.00	6.21	4.78		-0.10%	B400	5.08	5.08			0.82					
TN13P.1	3.50	6.20	4.78		-0.10%	B400	5.08	5.08	1.06	4.49	0.81					1.29
TN13P.2	26.00	6.19	4.80			B400	5.10	5.10	1.03	4.36	0.78					1.29
TN13P.3	48.00	6.22	4.82		-0.10%	B400	5.12	5.12	1.04	4.51	0.79					1.29
TN13P.4	65.00	6.21	4.84		-0.10%	B400	5.14	5.14	1.01	4.28	0.76					1.29
TN13P.5	83.00	6.26	4.86		-0.10%	B400	5.16	5.16	1.04	4.53	0.79					1.29
TN13P.5		15.50			-0.10%	B400						4.80			21.80	



THAM TRẢ
4.19 19.06
Theo văn bản số: 19.27/KQTT
Ngày: 19.06.2024

Tên hố ga	Khoảng cách công dồn theo tìm rãnh	Khoảng cách lẻ (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Chiều cao xây hố ga (m)	Chiều dài rãnh (m)	Khối lượng trát hố ga (m2)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Khối lượng đào móng hố ga (m3)
TN13P.6	98.50	15.00	6.24	4.87	-0.10%	B400	5.17	5.17	1.01	4.27	0.99	0.76	20.74	1.29
TN13P.7	113.50	6.27	4.89		-0.10%		5.19	5.19	1.02	4.33	1.00	0.77		1.29
Tuyến thoát nước TN14 (bên phải tuyến T14)														
TN14.1	0.00	6.15	5.11		0.10%	B400	5.41	5.41	0.68	2.82	0.43			1.29
TN14.2	19.00	6.25	5.09		0.10%	B400	5.39	5.39	0.80	3.41	0.55			1.29
TN14.3	37.50	6.24	5.07		0.10%	B400	5.37	5.37	0.81	3.45	0.56			1.29
TN13T.3	56.00	6.23	5.05		0.10%	B400	5.35	5.35				0.57		
Tuyến thoát nước TN15 (bên phải tuyến T15)														
TN15.1	0.00	6.36	5.35		0.30%	B400	5.65	5.65	0.65	2.70	0.40			1.29
TN15.2	20.00	6.32	5.29		0.30%	B400	5.59	5.59	0.67	2.89	0.42			1.29
TN15.3	40.00	6.28	5.23		0.30%	B400	5.53	5.53	0.69	2.97	0.44			1.29
TN13T.5	60.00	6.23	5.17		0.30%	B400	5.47	5.47				0.45		
Tuyến thoát nước TN16 (bên phải tuyến T16)														
TN16.1	0.00	6.12	5.08		0.10%	B400	5.38	5.38	0.68	2.82	0.43			1.29
TN16.2	19.00	6.16	5.06		0.10%	B400	5.36	5.36	0.74	3.17	0.49			1.29
TN16.3	38.00	6.21	5.04		0.10%	B400	5.34	5.34	0.81	3.45	0.56			1.29
TN13T.6	57.00	6.26	5.02		0.10%	B400	5.32	5.32				0.63		
Tuyến thoát nước TN17P1 (bên phải tuyến T17)														
TN17.1	0.00	6.83	5.79				6.09	6.09	0.68	2.82	0.43			1.29
TN17.2	17.00	6.43	5.39		2.35%	B400	5.69	5.69	0.68	2.93	0.43			1.29
TN17.3	34.00	6.33	5.29		0.60%	B400	5.59	5.59	0.68	2.93	0.43			1.29
TN13T.8	53.00	6.27	5.22		0.30%	B400	5.52	5.52				0.44		
Tuyến thoát nước TN17P2 (bên phải tuyến T17)														
TN13P.7	0.00	6.27	4.89				5.19	5.19				0.77		
	24.00			-0.10%	B400				0.82	3.50	0.57			1.29
TN17.4	24.00	6.09	4.91		-0.10%	B400	5.21	5.21	0.81	3.50	0.57			1.29
	23.00			-0.10%	B400					21.53		4.50		20.45
TN17.5	47.00	5.93	4.94				5.24	5.24	0.63	2.62	0.66	0.38		1.29
Tuyến thoát nước TN18 (bên phải tuyến T18)														



Tên hố ga	Khoảng cách công đơn theo tìm rãnh	Khoảng cách lẻ (m)	Cao độ đỉnh ga (m)	Cao độ đáy ga (m)	Độ dốc (%)	Khẩu độ rãnh (m)	Cao độ rãnh vào (m)	Cao độ rãnh ra (m)	Chiều cao xây hố ga (m)	Khối lượng xây hố ga (m3)	Khối lượng trát hố ga (m2)	Chiều dài rãnh (m)	Chiều cao xây rãnh (m)	Khối lượng xây rãnh (m3)	Khối lượng trát rãnh (m2)	Khối lượng đào móng hố ga (m3)
-----------	------------------------------------	--------------------	--------------------	-------------------	------------	------------------	---------------------	--------------------	-------------------------	---------------------------	----------------------------	--------------------	------------------------	--------------------------	---------------------------	--------------------------------

TN13P.5	0.00	6.26	4.88	5.18	5.18	B400						16.03	5.09	23.12		
TN18.1	17.50	6.17	4.89	5.19	5.19	B400			0.92	3.90	0.67					1.29
TN18.2	35.00	6.09	4.91	5.21	5.21	B400			0.82	3.50	0.57	16.03	2.89	13.14		1.29
TN18.3	52.50	5.78	4.92	5.22	5.22	B400			0.50	2.10	0.25					1.29

Tuyến thoát nước TN19 (bên phải tuyến T19)

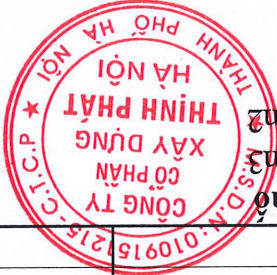
TN13P.3	0.00	6.22	4.85	5.15	5.15	B400						18.53	5.66	25.72		
TN19.1	20.00	6.11	4.87	5.17	5.17	B400			0.88	3.74	0.63					1.29
TN19.2	40.00	6.01	4.89	5.19	5.19	B400			0.76	3.25	0.51	17.53	3.51	13.93		1.29
TN19.3	59.00	5.92	4.91	5.21	5.21	B400			0.65	2.70	0.40					1.29

Tuyến thoát nước TN20 (bên trái tuyến T20)

TN20.1	0.00	6.60	5.55	5.85	5.85	B400			0.69	3.09	0.44	6.53	1.26	5.71		1.29
TN20.2	8.00	6.61	5.57	5.87	5.87	B400			0.68	2.93	0.43	13.53	2.54	11.57		1.29
TN20.3	23.00	6.65	5.62	5.92	5.92	B400			0.68	2.91	0.43	13.53	2.54	11.57		1.29
TN20.4	38.00	6.70	5.66	5.96	5.96	B400			0.68	2.82	0.43					1.29

Tổng số hố ga loại I (kích thước 1000x1000)

133 hố ga
 Khối lượng xây hố ga 1000x1000 106.17 m3
 Khối lượng trát hố ga 1000x1000 458.78 m2



Tổng chiều dài rãnh B400 1985.00 m
 Chiều dài xây rãnh B400 1802.72 m
 Khối lượng xây rãnh B400 451.22 m3
 Khối lượng trát rãnh B400 2050.98 m2
 Tổng chiều dài rãnh B800 65.50 m
 Chiều dài xây rãnh B800 61.09 m
 Khối lượng xây rãnh B800 19.34 m3
 Khối lượng trát rãnh B800 87.89 m2

BẢNG KHỐI LƯỢNG PHẠ DỠ RÀNH XÂY GÁCH HIỆN TRẢNG
 CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THỪNG THÔN CÔNG LUYỆN I THỊ TRẤN VẠN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẠN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

STT	Lý trình	Vị trí	L rãnh hiện trảng (m)	V rãnh cũ chiếm dụng diện tích đào hố móng (m3)	V phá tường gạch (m3)	V phá móng rãnh (m3)
	TỔNG			330.82	124.70	82.53
	Tuyến T3					
1	Km0+02.60 ÷ Km0+10.85	Rãnh B200 - bên phải	8.25	1.39	0.54	0.35
2	Km0+97.70 ÷ Km0+119.35	Rãnh B400 - bên phải	26.25	12.13	4.62	3.31
	Tuyến T7					
1	Km0+00.00 ÷ Km0+79.20	Rãnh B300 - bên phải	79.20	29.30	12.20	
	Tuyến T8					
1	Km0+01.70 ÷ Km0+39.30	Rãnh B200 - bên phải	37.60	6.32	2.48	
	Tuyến T9					
1	Km0+00.00 ÷ Km0+74.55	Rãnh B300 - bên phải	74.55	27.58	11.48	
	Tuyến T10					
1	Km0+05.00 ÷ Km0+19.10	Rãnh B300 - bên phải	14.10	5.22	2.17	1.57
	Tuyến T11					
1	Km0+05.00 ÷ Km0+76.90	Rãnh B500 - bên phải	71.90	50.69	18.98	10.14
2	Km0+85.90 ÷ Km0+115.40	Rãnh B200 - bên phải	29.50	4.96	1.95	1.24
3	Km0+115.40 ÷ Km0+171.55	Rãnh B800 - bên trái	56.15	59.18	17.29	10.44
	Tuyến T12					
1	Km0+02.80 ÷ Km0+73.10	Rãnh B200 - bên trái	70.30	11.81	4.64	2.95
	Tuyến T13					
1	Km0+14.70 ÷ Km0+127.00	Rãnh B300 - bên trái	112.30	41.55	17.29	12.47
2	Km0+08.00 ÷ Km0+127.00	Rãnh B400 - bên phải	119.00	54.98	20.94	
	Tuyến T17					
1	Km0+00.00 ÷ Km0+105.40	Rãnh B200 - bên trái	105.40	17.71	6.96	
2	Km0+57.70 ÷ Km0+105.40	Rãnh B200 - bên phải	47.70	8.01	3.15	



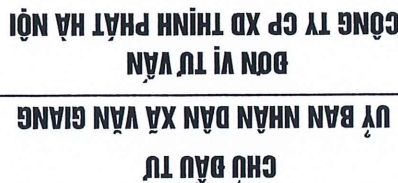
THẨM TRA
 Ký tên: _____
 Ngày 8.28 tháng năm 20.....
 Theo văn bản số:/20...../KQTT
 CÔNG TY CỔ PHẦN H THĂNG LONG

1.58

III. PHẬN ĐIỆN CHIẾU SÁNG



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../20...../KQTTr
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN HƯƠNG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN HƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT

ĐIÀ ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LƯỜNG 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA
--------------------	------------------	----------	----------

NGUYEN VAN TUAN	NGUYEN HUU HUY	NGUYEN HUU HUY	NGUYEN HUU HUY	VU XUAN HOA
-----------------	----------------	----------------	----------------	-------------

NGUYEN HUU HUYNH

NGUYEN VAN TUAN	NGUYEN HUU HUY
-----------------	----------------

VỤ VĂN TƯỜNG

MẬT BẢNG ĐIỆN

NĂM XUẤT BẢN: 2025

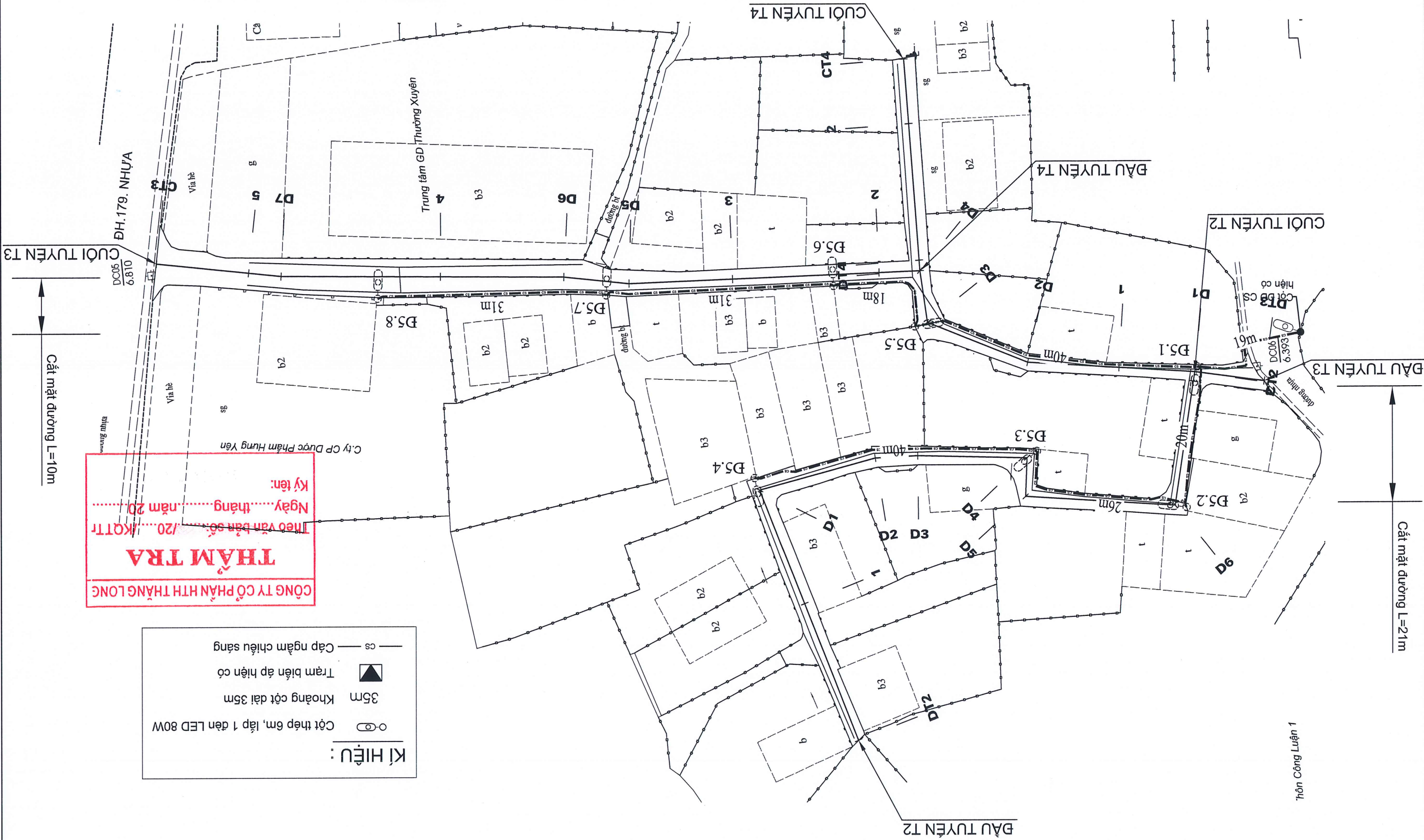
HÀNG MỤC:

ANG TUYẾN 12, 13

TỶ LỆ: 1/500

KÝ HIỆU: CS - 01

MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG TUYẾN 12, 13





CHỦ ĐẠU TỬ
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN
 CÔNG TY CP XD THINH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN AN (GIẢI PHÁP ĐOÀN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN AN, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

HỒ SƠ BẢO GẢO KINH TẾ KỸ THUẬT

ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

ƯU NIỆM THIẾT KẾ	ƯU TRỊ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	TRAM TRA
------------------	-----------------	----------	----------

NGUYỄN VĂN TUẤN
NGUYỄN HỮU HUY
NGUYỄN HỮU HUY
VŨ XUÂN HÒA

off
h
mfc

Vũ Văn Tường

NĂM XUẤT BẢN: 2025

KY HIỆU: CS - 02

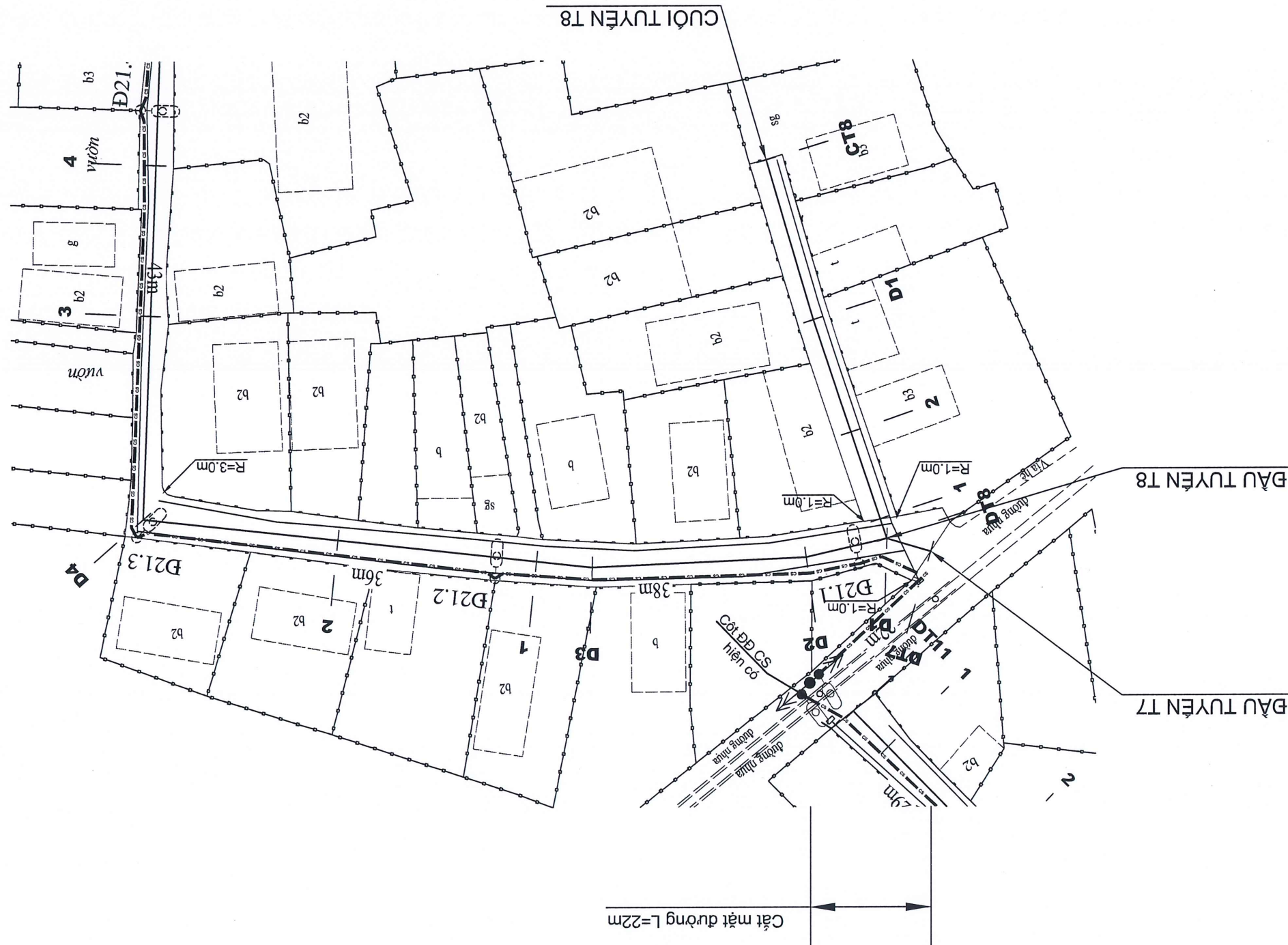
MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG TUYẾN T7, T8

Handwritten signature: *Nguyễn Thị Thanh*

Red circular stamp: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỊNH THẠY**
HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Mã số đăng ký: 0109151215-C/ĐP

KÍ HIỆU :

 Cột thép 6m, lắp 1 đèn LED 80W
 35m Khoảng cột dài 35m
 Trạm biến áp hiện có
 cs — Cáp ngầm chiếu sáng



Cắt mặt đường $L=22m$

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/20...../KATT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CHỦ ĐẠU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP XD THINH PHÁT HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

TRA

KE

VỤ XUYÊN HÒA

NGUYEN HUU HUY

VỤ VĂN TƯỜNG

HÀNG MỤC:

NĂM XUẤT BẢN: 2025

TY LE: 1/500

KY HIEU: CS - 03

MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG TUYẾN 17, 18



KỈ HIỆU :

Cột thép 6m, lắp 1 đèn LED 80W

35m

Khoảng cột dài 35m

Trạm biến áp hiện có

— cs — Cáp ngầm chiếu sáng

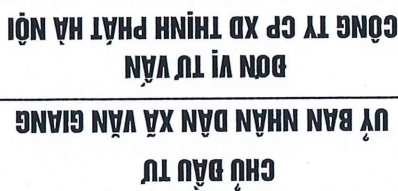
THẨM TRA

Theo văn bản số:...../20...../KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG



CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG
THỜI GIAN LỰẬN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHU NHÌEM THIẾT KẾ	CHU TRỊ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA
--------------------	------------------	----------	----------

NGUYỄN VĂN TUYÊN	NGUYỄN HỮU HUY	NGUYỄN HỮU HUY	NGUYỄN HỮU HUY	VŨ XUÂN HÒA
------------------	----------------	----------------	----------------	-------------

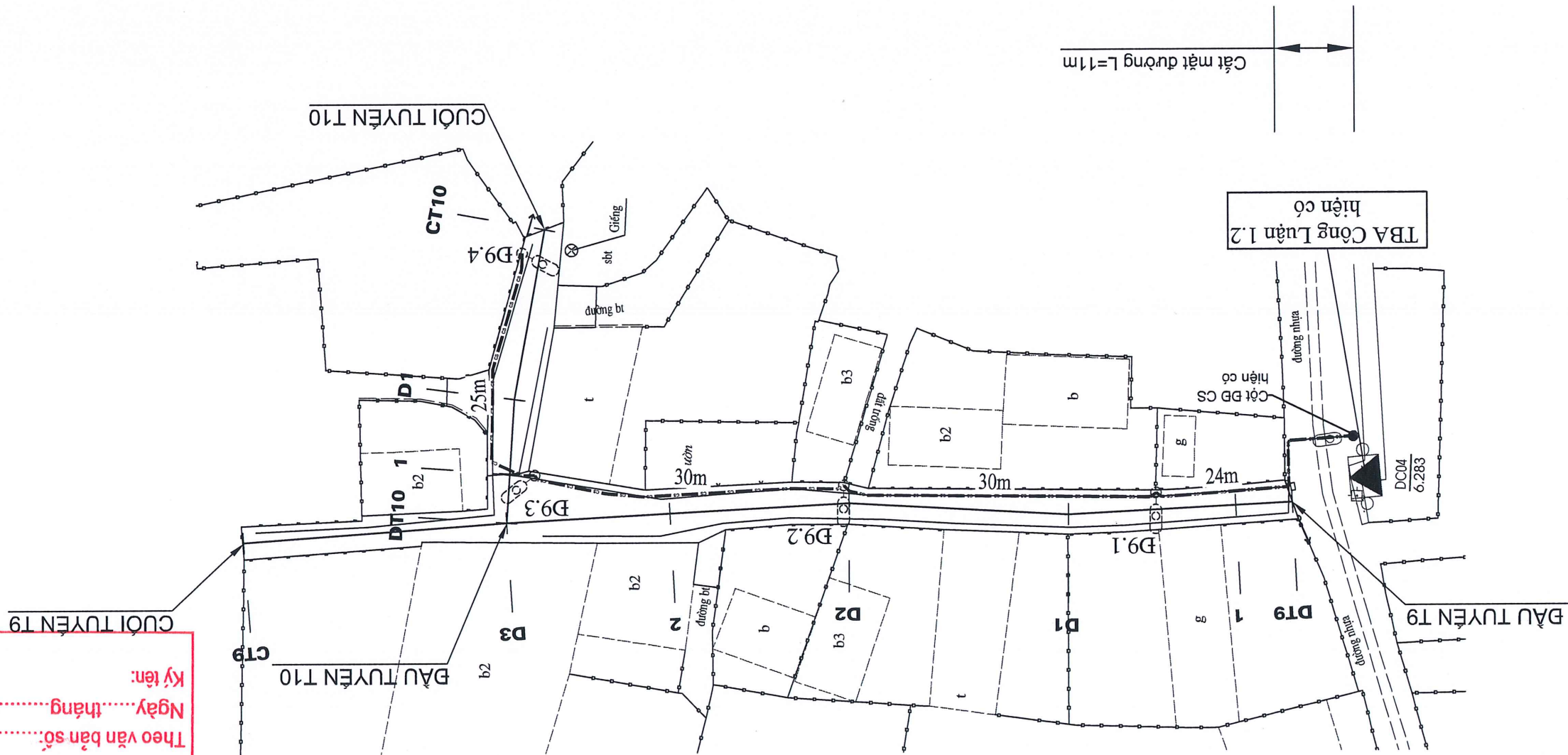
off
by
BKL



MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG TUYẾN T9, T10	
NĂM XUẤT BẢN: 2025	TỶ LỆ: 1/500
HÀNG MỤC:	KÝ HIỆU: CS - 04

KÍ HIỆU :

-  Cột thép 6m, lắp 1 đèn LED 80W
-  Khoảng cột dài 35m
-  Trạm biến áp hiện có
-  Cáp ngầm chiếu sáng

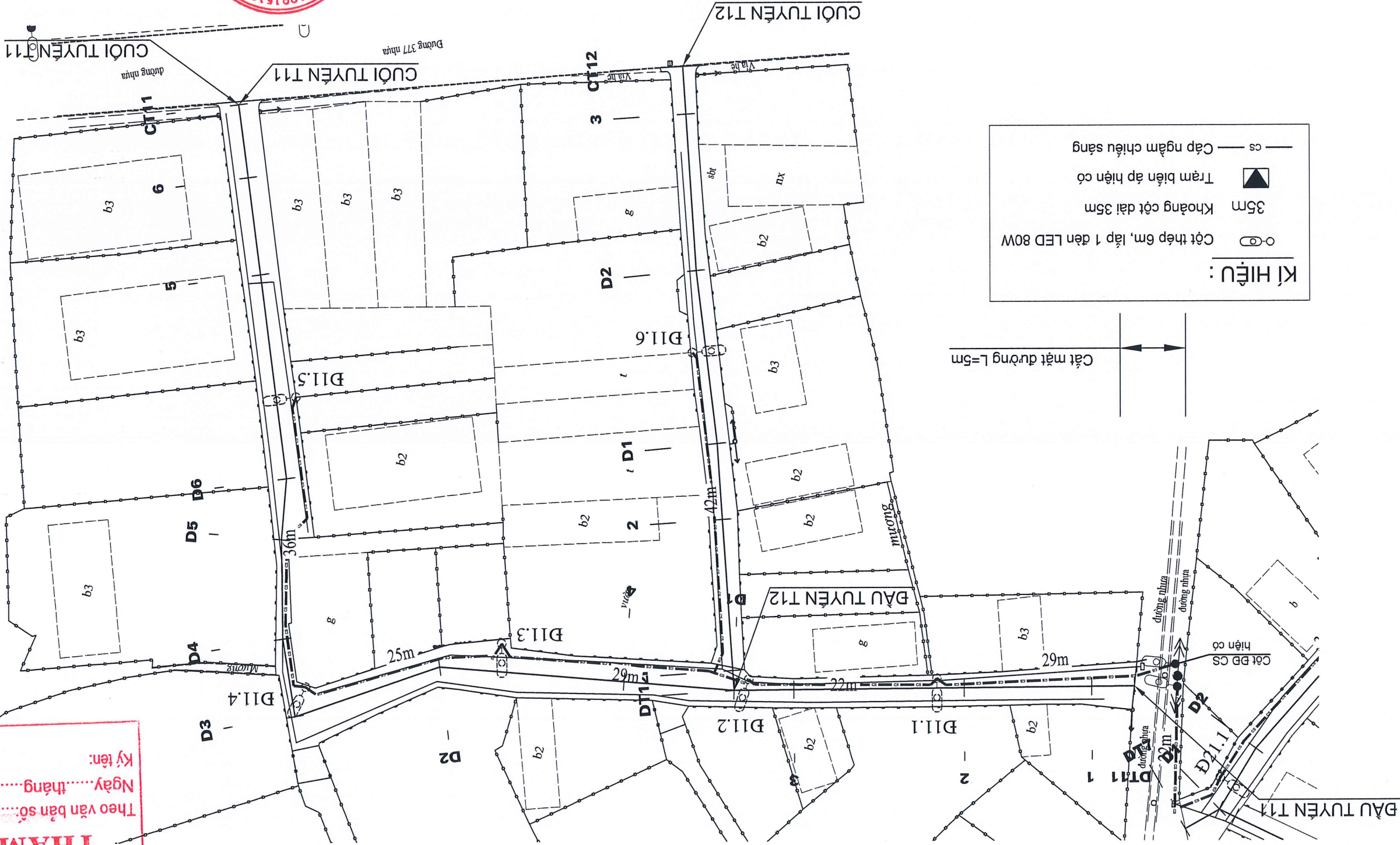


CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG	
THĂM TRA	
Theo văn bản số:...../20...../KQTT	Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:.....	

		CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN TUẤN		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU HUY			KIỂM TRA VU XUÂN HÒA
NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ: 1/500		KÝ HIỆU: CS - 05			
MẶT BẰNG DIỆN CHIỀU SÁNG TUYẾN T11, T12							



CÔNG TY CỔ PHẦN HT THANH LONG
THẨM TRA
Theo văn bản số: /20.../KQTT
Ngày: tháng... năm 20...
Ký tên:



Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Công Luận 1 thị trấn Văn Giang (giai đoạn 5)

Hàng mục : Chiếu sáng

[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG
THĂNG TRA
 Theo Văn bản số/20...../KQTT
 Ngày tháng năm 20.....
 Ký tên:



	CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG		
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THINH PHAT HÀ NỘI		
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5) ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU HUY
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU HUY	KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA
		HÀNG MỤC:	
		KÝ HIỆU: CS - 06	
NĂM XUẤT BẢN: 2025		TỶ LỆ: 1/500	
MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG TUYẾN T13			

KÍ HIỆU :

Cột thép 6m, lắp 1 đèn LED 80W

35m Khoảng cột dài 35m

Trạm biến áp hiện có

cs — Cáp ngầm chiều sáng

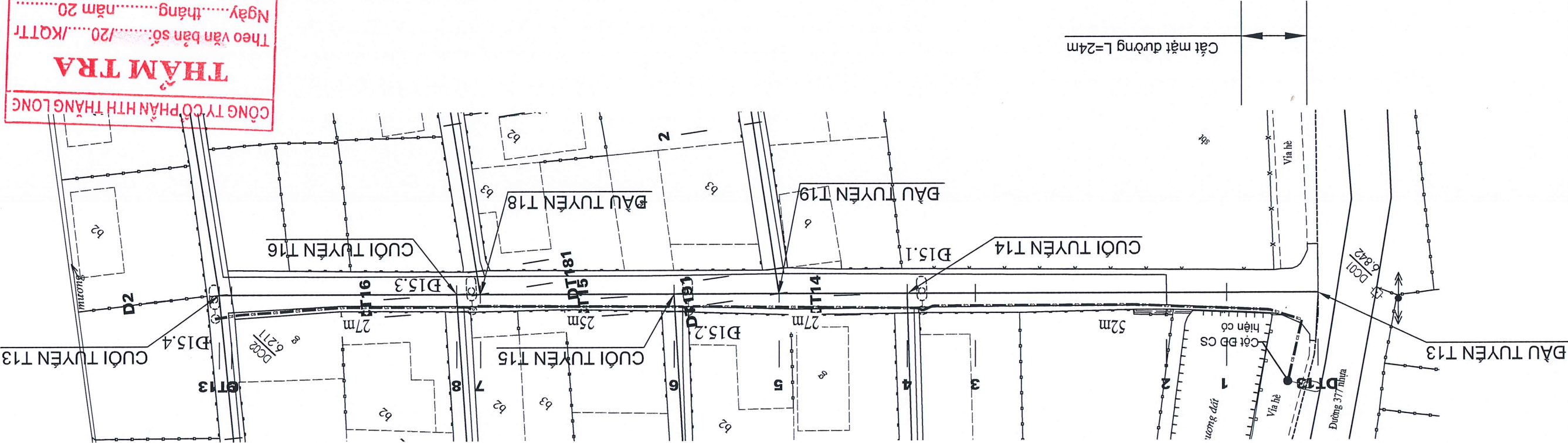
THẨM TRA

CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG

Theo văn bản số: /20...../KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

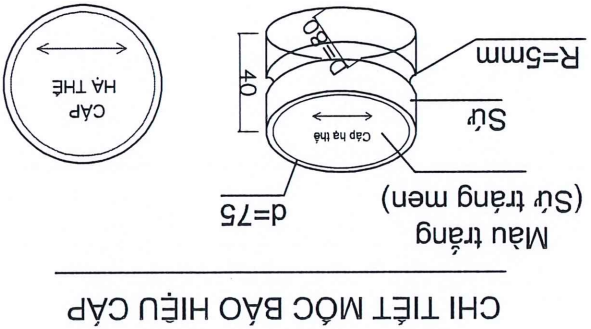
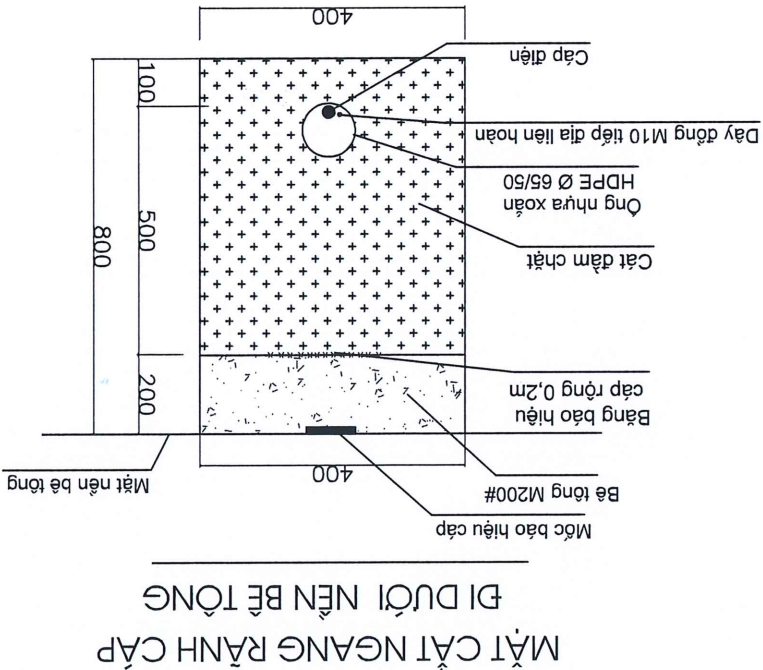
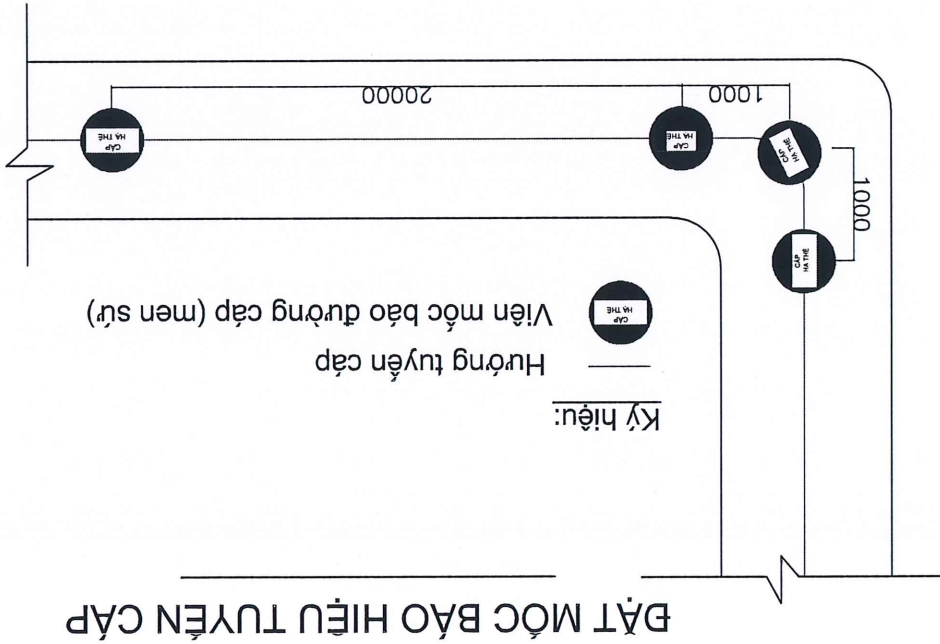


[illegible]

THÀNH PHẬT	CHỦ ĐẦU TƯ		ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG	
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP XD THỊNH PHÁT HÀ NỘI	
	HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN TUẤN	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU HUY
THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU HUY	KIỂM TRA	VU XUAN HOA
VU VAN TUONG		HANG MUC:		
CANG TY CO PHAN HTH THANH LONG		NAM XUAT BAN: 2025		
RANH CAP DIEN CHON NGAM		TY LE:		



- GHI CHÚ:
- Rãnh cấp đi dưới nền đất được gắn móc bảo cấp trên cục bê tông mác 200# KT : 150x150
 - Rãnh cấp đi qua đường móc bảo cấp được chôn trực tiếp trên nền đường
 - Cấp đi qua cầu được định vị trên dầm thành cầu bằng coilê bát vít nở bê tông với mật độ 1m một bộ
 - Hoàn trả mặt hào cấp qua đường bằng BTXM



CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THANH LONG

THẨM TRA

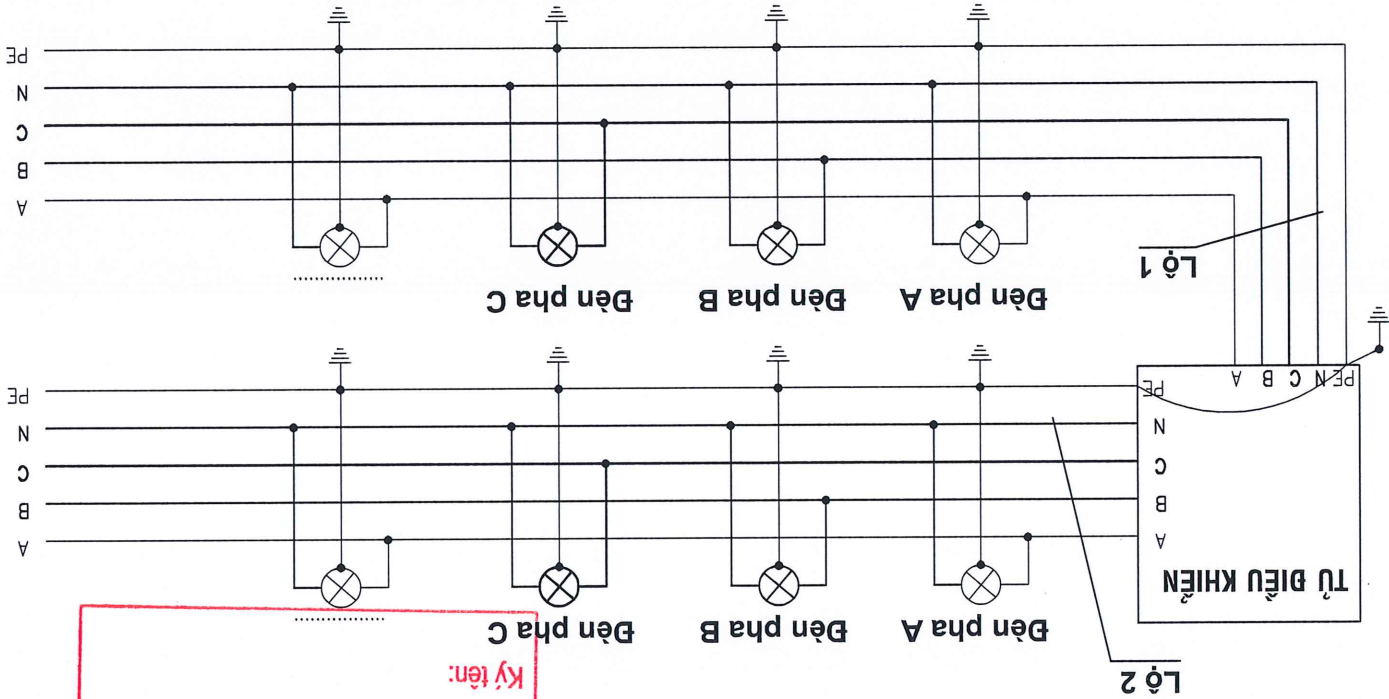
Theo văn bản số: /20.../KQTTr

Ngày...tháng...năm 20

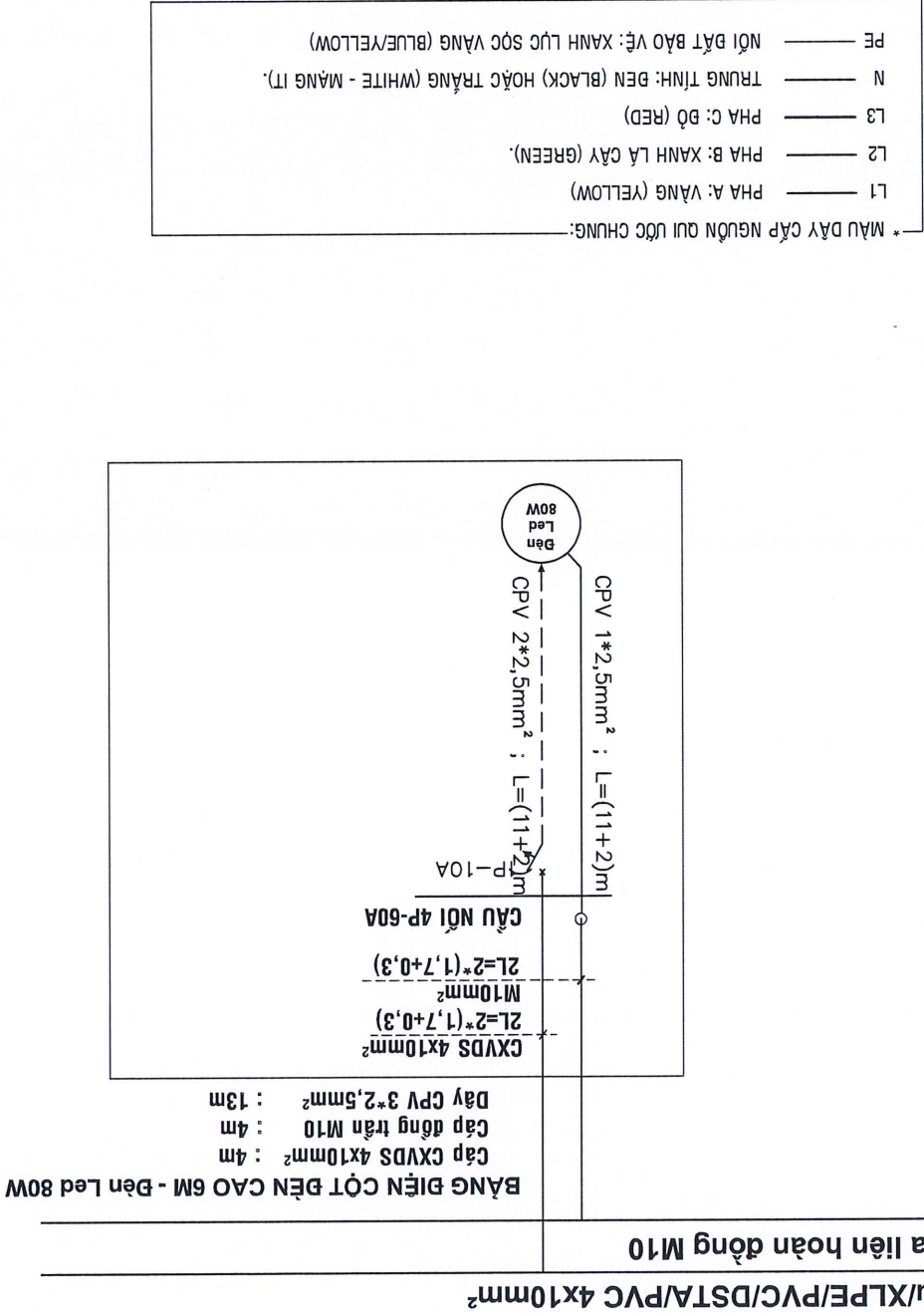
Ký tên:

	CHỦ ĐẦU TƯ		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP XD THÌNH PHÁT HÀ NỘI	HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT			KIỂM TRA	VU XUÂN HÒA		HÀNG MỤC: KỶ HIỆU: CS - 11
	ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN CÔNG LUYỆN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU HUY				
					CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU HUY				
				CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TUẤN				NĂM XUẤT BẢN: 2025 TỶ LỆ:	
SƠ ĐỒ CẤP ĐIỆN CHIẾU SÁNG										

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ DÂY NỘI ĐÈN CHIẾU SÁNG



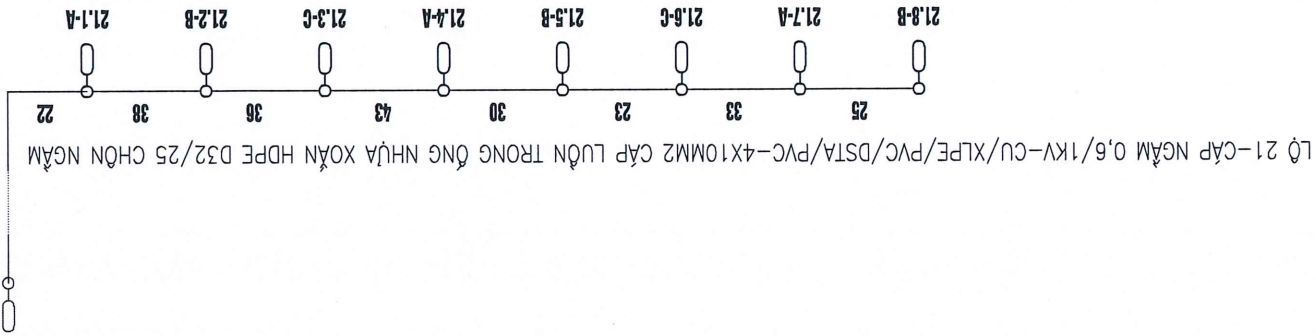
THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN HTH THĂNG LONG
Theo văn bản số: /20.../KQTT
Ngày...tháng...năm 20...
Ký tên:



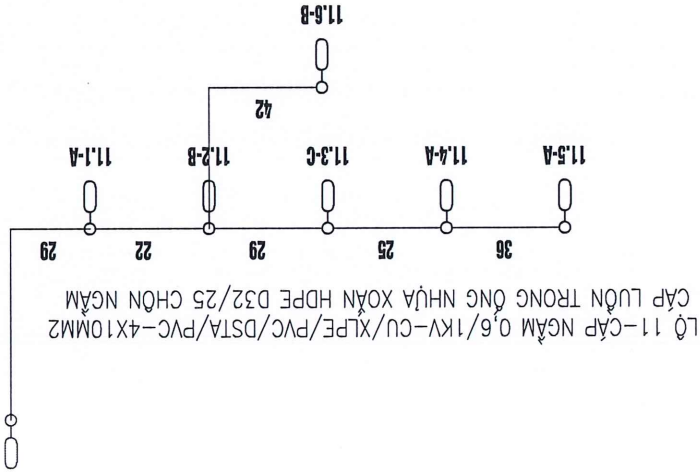
* MÀU DÂY CẤP NGUỒN QUI ƯỚC CHUNG:

L1	PHA A: VÀNG (YELLOW)
L2	PHA B: XANH LÃ CÂY (GREEN).
L3	PHA C: ĐỎ (RED)
N	TRUNG TÍNH: ĐEN (BLACK) HOẶC TRẮNG (WHITE - MÀNG IT).
PE	NƠI ĐẤT BẢO VỆ: XANH LỤC SÓC VÀNG (BLUE/YELLOW)

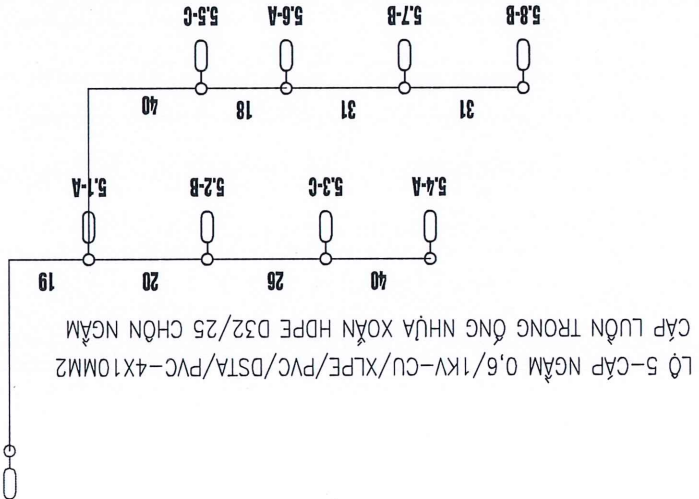
THÀNH PHẬT	CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP BƯỞNG GIAO THÔNG		KIỂM TRA	VU XUAN HOA	THÀNH PHẬT	HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
	ỦY BAN NHẬN DẠN XÃ VĂN GIANG		THỎN CÔNG LUẬN 1 THỊ TRẤN VĂN GIANG (GIAI ĐOẠN 5)		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU HUY		ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN	
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP XD THÌNH PHÁT HÀ NỘI		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU HUY			
SƠ ĐỒ BỘ TRÍ CHIẾU SÁNG		NĂM XUẤT BẢN: 2025		HẠNG MỨC:		KÝ HIỆU: CS - 12			



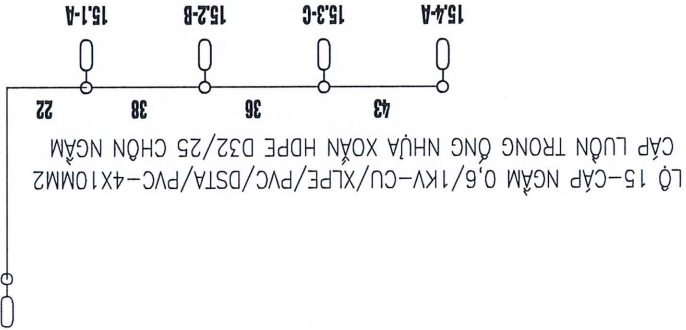
ĐẾN CHIẾU SÁNG HIỆN CÓ ĐẾN



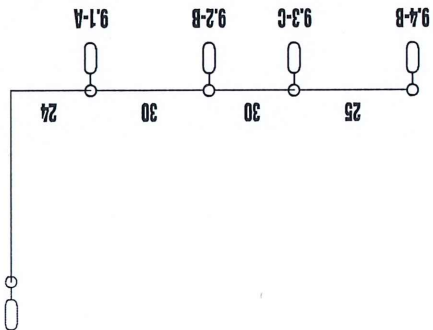
ĐẾN CHIẾU SÁNG HIỆN CÓ ĐẾN



ĐẾN CHIẾU SÁNG HIỆN CÓ ĐẾN



ĐẾN CHIẾU SÁNG HIỆN CÓ ĐẾN



ĐẾN CHIẾU SÁNG HIỆN CÓ ĐẾN

THẨM TRA

CÔNG TY CỔ PHẦN HT THĂNG LONG

Ngày...tháng...năm 20.....

Ký tên:

